LUISE RINSER

CHẤP NHẬN CUỘC ĐỜI

NGUYỄN HIẾN LÊ





Tên sách: CHẤP NHẬN CUỘC ĐỜI

Tác giả: Luise Rinser

Dịch giả: Nguyễn Hiến Lê

Năm xuất bản: 1989

Lời tựa

Ai là người biết suy tư thì bước qua một tuổi nào đó, ít gì trong đời cũng có một vài lần thắc mắc về đời sống, lối sống của mình, xét lại xem những điều mà từ trước mình vẫn tin là đúng, là thiện - tin một cách dễ dàng vì tưởng ảnh hưởng của giáo dục, và tập dục - có thực là đúng, là thiện không, cư xử với

mọi người như vậy có phải không, vợ con như vậy có hợp lý không, đối với chính quyền độc tài thì thái độ phải ra sao, thế nào là yêu nước, khi nào thì nên giúp người, kiếm tiền để làm gì đây và sống để làm gì đây?... vân vân...

Nếu là một vĩ nhân thì sau những lần trầm tư đó, như Đức Thích Ca dưới gốc cây bồ đề, Đức Ki Tô ở trong núi - chẳng những nhân sinh quan thay đổi hẳn mà còn gây được một cuộc

cách mạng trong xã hội, ảnh hưởng tới hậu thế nữa, không phải là một vĩ nhân thì sau vài đêm trằn trọc hoặc vài ngày thơ thẩn bên bờ suối, trên bãi biển, ta cũng tìm lại được sự bình tĩnh trong lòng, ta thỏa thuận với ta hơn, do đó, thỏa thuận với đời hơn, vì sự bất mãn về đời, nguyên do chỉ tại sự bất mãn về bản thân ta, tại ta sống mâu thuẫn với những quy tắc của ta, chứ không có gì khác. Thường thường, phải gặp một ta họa,

chúng ta mới ôn lại tất cả dĩ vãng, xét lại tất cả những tin tưởng của mình một cách triệt để, và khi cuộc khủng hoảng qua rồi, mười người thì có tới chín người tìm lại được lẽ sống, hân hoan thốt lên câu: "Đời vẫn là đáng sống".

Tác giả, Luise Rinser, mà tôi đoán là một người Đức gốc Do Thái, ngay từ nhỏ đã có tinh thần độc lập, không tin hết những lời gia huấn nghiêp khắc, lớn lên sống một cuộc đời rất

chìm nổi, một lần bị Đức Quốc xã bắt giam, suýt bị xử tử, hai đời chồng - chồng trước chết, chồng sau li dị - chín lần phải rời những căn nhà gian lao mới xây được, rốt cuộc bỏ nước Đức, cũng không qua Israel mà xin cư trú ở Ý, tóm lại đã chịu nhiều cuộc khủng hoảng về tinh thần, nên đã có nhiều suy tư về cuộc sống mà tìm ra được một nhân sinh quan không bi mà cũng không lạc một cách dễ dãi, nhưng can đảm, nhân từ và

thông minh.

Trong tập này, bà ghi những suy tư đó lại. Từ những vấn đề lớn lao như ý nghĩa đời sống, sự tự do, sự an toàn của con người, thân phận con người,..., tới những vấn đề lặt vặt, nhưng không phải là không quan trọng, như thế nào là lễ độ, can đảm, nói dối, phải cư xử với thanh niên ra sao, báo ân, báo oán ra sao, viết thư từ ra sao nữa... vấn đề nào bà cũng đem ra đặt lại, dùng những kinh

nghiệm bản thân cùng kinh nghiệm tha nhân, "người xưa và người nay", để xét lại, và có những ý mới ta không sao bác bỏ được, dù muốn hay không thì cũng phải "làm quen" với nó. Bà bảo:

"Bất kì cái gì mới mẻ - kể cả thế hệ mới và lối sống đặc biệt của họ - cũng làm cho ta thấy chướng vì nó đảo lộn các thói quen của ta, buộc phải so sánh, xét lại lối sống của ta, và dám bảo thẳng vào mặt ta rằng ta lạc

hậu.

(...) Nhưng chúng ta phải can đảm nhìn thẳng vào nó, thẳng thắn đối thoại với nó. Vấn đề không phải là ta thích nó hay không. Điều quan trọng là ta phải khách quan tìm trong nó cái yếu tố của sự tiến bộ".

Nhưng như vậy không có nghĩa là ta phải chấp nhận tất cả những cái mới, từ bỏ tất cả những cái cũ, để khỏi lạc hậu. Không ta chỉ nên theo cái mới khi nó không trái với những quy

tắc căn bản của luân lí. Độc giả sẽ bảo: "Từ khi có thuyết tương đối của Einstein thì ta thấy cái gì cũng tương đối hết, gọi là tốt thì chỉ tốt trong một vài hoàn cảnh nào đó, với những điều kiện nào đó thôi". Phải, luật tương đối đã chuyển từ môn vật lí qua môn triết lí, nhưng "đem áp dụng vào luân lí thì chỉ là một sự thoái thác tầm thường", vì nó có những quy luật bất biến về luân lí, mà những quy luật này theo Luise Rinser, là sự liên

đới giữa nhân loại và lòng tha nhân; không một hành động nào của một người mà không ảnh hưởng xa hay gần tới những người đồng thời và những người tới sau; mọi người bất kì là ở đâu đều đồng cam cộng khổ với nhau, nên phải yêu nhau.

Bà nhấn mạnh nhiều lần về điểm đó, và đọc xong tôi có cảm tưởng rằng bà đáng gọi là một người văn minh mà tác phẩm của bà có thể so sánh

được với cuốn Một nghệ thuật sống của André Maurois, Sống đẹp của Lâm Ngữ Đường, chứ không thuộc vào loại sách học làm người bầy nhan nhản trong cách hiệu sách.

Văn của bà cũng hấp dẫn, không có cái giọng nặng nề dạy đời của một nhà luân lí, mà hóm hỉnh, nhẹ nhàng, thông minh, tế nhị, không lý thuyết dài dòng mà dẫn nhiều kinh nghiệm cụ thể, nhiều giai thoại lí thú, không độc đoán đưa ý

kiến riêng, mà đàm đạo với ta, phân tích mỗi vấn đề cùng với ta tìm một kết luận.

Cho nên hôm nay tôi vui vẻ giới thiệu các tác phẩm của bà với độc giả. Tác phẩm hơi dày, tôi đã bỏ bớt độ mười bài, và cũng như nhiều cuốn khác trong loại này, tôi tìm cách chuyển qua tiếng Việt chứ không dịch sát. Tôi tin rằng ở thời này làm người mà được như bà là quý lắm rồi: chúng ta sẽ vừa tìm được một ý nghĩa

cho cuộc đời, vừa tạo được hạnh phúc cho bản thân, mà cho bản thân cũng tức thị là cho tha nhân.

Sài Gòn ngày 8-3-1971

Nguyễn Hiến Lê

Tôi tự do không?

Mấy tiếng bề ngoài có vẻ tầm thường đó chứa nhiều thuốc nổ đấy.

Vô số tác phẩm viết về vấn đề đó mà vẫn còn gây những cuộc tranh luận gay go, chứ chưa đưa ra được một câu giải

đáp nào hoàn toàn đúng, làm cho ta thỏa mãn. Bạn chẳng hạn, bạn trả lời ra sao?

Riêng phần tôi thì tôi tự hỏi câu này trước đã: Thế nào là tự do? Và trước khi trả lời, tôi xét hoàn cảnh, tình trạng cụ thể của tôi xem có một khu vực nào tôi được tự do không.

Trong khu vực xã hội, muốn làm một nghề nào đó phải học tại trường nào đó, dự những kỳ thi nào đó, rồi phải tuân theo tổ chức của nghề; muốn lái xe hơi

phải có bằng lái xe hơi; muốn xin cất nhà phải xin đầy đủ các thứ giấy phép; muốn làm hôn thú phải trình đầy đủ các giấy tờ; mà những giấy phép đó người ta có thể không cho hoặc cho rồi rút lại, sau cùng phải tôn trọng nhiều điều lệ cảnh sát nếu không muốn bị hình phạt, bị nhốt khám, vậy cũng không tự do nữa.

Còn trong đời tư, thế nào là tự do? Là mốn yêu ai thì yêu, cưới ai thì cưới, tùy ý sanh con,

đối nghề, đi du lịch, chơi bời... Phải, trong khu vực đó, chúng ta được một chút tự do nào đó, nghĩa là muốn làm gì thì làm, không muốn thì thôi. Nhưng như vậy có nghĩa là muốn cái gì thì thực hiện cái đó được không? Trong đa số trường hợp khi ta quyết định điều gì, không thể quyết định đơn phương, phải có sự thỏa thuận với người khác, đặc biệt là sự thỏa thuận của người thân. Có gia đình rồi thì không còn tự do kết duyên

với người khác nữa. Một người chủ trong gia đình tự cho mình là làm chúa trong nhà, nhưng sự thực là quyết định nào phải phụ thuộc vào một số điều kiện. Nói ngay như việc rất tầm thường là muốn đi du lịch thì phải xét xem có đủ tiền hay không, có công việc nào khẩn thiết không, lại phải đợi lúc trẻ được nghỉ học mà cùng đi; ấy là chưa kể lúc sắp đi, trong nhà phải đừng có người đau mới được, vân vân...

Khi người ta tưởng rằng được hoàn toàn tự do quyết định là người ta lầm đấy, không biết rằng sự tự do đó đã bị hạn chế. Chẳng hạn ta tưởng đã tự do quyết định mua một chiếc xe hơi, nhưng sự thực là ta đã theo một cái "mốt", đã bị ảnh hưởng của các lời quảng cáo khéo léo đập riết vào tai, vào mắt ta, đa số các "quyết định tự do" của ta như tự do bận thứ y phục này, dùng câu văn kia hoặc mua vật này vật nọ, chỉ là nhắm mắt

theo lời xúi giục trên các báo chí, yết thị, quảng cáo. Vậy: không có tự do. Hay nhiều lắm chỉ có một thứ tự do với điều kiện.

Còn trong khu vực luân lí? Luật luân lí và dân luật liên hệ mật thiết với nhau. Tôi không có quyền được ăn cắp, giết người, vu oan cho người, dụ dỗ vị thành niên, có ngoại tình, phỉ báng một người nào do lẽ người đó có khác tôn giáo, giống nòi, quốc tịch của tôi. Nếu tôi mắc

các tội đó thì tôi là kẻ vừa làm trái luân lí, vừa là kẻ phạm pháp. Vậy: cũng không tự do nữa, hoặc nếu tôi tự do thì phải mang tội.

Về khu vực tinh thần? Người ta bảo "sự tự do tư tưởng" là tuyệt đối. Nhưng tôi có thể thực sự suy nghĩ ra sao tùy ý không? Nếu tôi là một người có ý thức luân lí và tôn giáo thì luật pháp và lương tâm tôi cấm tôi nuôi dưỡng những ý nghĩ bậy đối với người khác, mà cũng không

được có những ý nghĩ tiêu cực đối với bản thân, chẳng hạn không được thất vọng, buông xuôi.

Chúng ta cứ tưởng rằng, chúng ta được tự do về tinh thần mà thực sự chúng ta bị tùy thuộc sự di truyền, nền giáo dục, tùy thuộc tập tục, truyền thống, "mốt" của thời đại và tùy thuộc vào tính khí của chúng ta. Ấy là chưa kể có những cái xâm phạm vào đời tư của chúng ta mà ta không hay. Biết đâu

chừng đường điện thoại của ta chẳng có người nghe trộm? Biết đâu chừng một cái máy ghi âm được giấu đâu đó trong nhà ta? Và khi chúng ta ra đường chẳng có mật vụ theo dõi? Biết đâu có một vài phương pháp trị bệnh nào - đặc biệt bằng cách kích thích tố (hormones) - chẳng ảnh hưởng tới tâm linh của ta? Sự lạm dụng máy thâu thanh và máy vô tuyến truyền hình, cũng như thói coi quá nhiều phim, đọc quá nhiều nhật báo, tạp chí

có hình, chẳng lần lần làm cho ta mất óc phán đoán? Nhiều nhà bác học đã lo ngại rằng con người bị cái nạn "nhồi nặn", biến đổi một cách độc đoán, hoặc bằng cách ảnh hưởng tới các tế bào truyền chủng của cha mẹ, hoặc bằng cách "tẩy não" của sở mật vụ, công an nhiều nước thường dùng.

Vậy chúng ta khó biết được chân giá trị của sự tự do tinh thần ra sao, nhưng có điều này ta chắc chắn: sự tự do bề ngoài

của ta rất nhỏ, và sự tự do trong tâm thâm của ta lại bị hạn chế.

Nhiều người nhận thấy vậy và hô cứ thản nhiên. Họ không coi trọng sự tự do, miễn sống sao cho được tạm yên ổn là được; họ như những gia súc, không ham được độc lập, vì độc lập có ích gì cho họ đâu.

Nhưng những kẻ đó không đáng gọi là người. Muốn xứng đáng làm con người phải nhận định được sự tự do của mình, nó bị hạn chế ra sao và có thể

dùng nó để làm gì; phải thấy đau khổ khi mất tự do.

Vì vậy mà thế hệ trẻ luôn luôn tìm cách bẻ xiềng, đấu tranh cho tự do.

Bây giờ chúng ta phải tự hỏi câu này: con người có thực sự mất tự do, trái với ý muốn của mình không?

Trong một quốc gia độc tà, dùng chính sách khủng bố thì dân chúng dĩ nhiên phải cúi đầu phục tòng sức mạnh để khỏi bị nhốt khám và xử tử. Nhưng có

nên vì vậy mà để cho tinh thần của mình thành nô lệ nữa không? Không.

Hồi nhỏ, tôi đã chịu một nền giáo dục rất nghiêm khắc. Nhưng mỗi khi tôi phải tuân theo một lệnh khắc nghiệt của ba má tôi, thì thì tôi tự nhủ thầm: "Tuân thì tuân, tôi vẫn gĩưa ý kiến tôi".

Và bây giờ tôi còn nhớ rằng mỗi lần như vậy tôi thấy vui vẻ như đã đắc thắng. Tôi sung sướng lắm khi tin chắc rằng: dù

ba má tôi có bắt khoan bắt nhặt gì tôi cũng không thể xâm nhập cái thâm tâm của tôi.

Vì trong con người có một sự tự do không gì diệt được, tức là sự tự do trong đáy lòng.

Và chính sự tự do không gì xâm phạm được đó làm cho ta có được cái thái độ tinh thần cao cả nhất: tự ý nhận thức, có khi ước mong nữa, sự thiếu tự do. Thái độ phục tòng luật pháp vì sợ hình phạt không có chút gì giống với thái độ giữ luật pháp

vì nhận định được giá trị nội tại của một cộng đồng.

Cũng như thái độ vợ chồng giữ lòng chung thủy với nhau để khỏi mang tai tiếng, khác hẳn thái độ giữ lòng chung thủy vì thấy nó đẹp. Cũng như thái độ nhắm mắt theo những ý nghĩ mới khác hẳn thái độ chấp nhận những ý nghĩ đó vì tin rằng nó có giá trị, mà xã hội phải mỗi ngày một tiến.

Bạn bảo tôi: "Thứ tự do gì mà kì cục vậy? Tự do mà lại an

phận nhận sự mất tự do?" tôi xin đáp: Bạn đã yêu ai chưa? Khi bạn nói yêu ai là đã từ bỏ một phần tự do của bạn rồi, vì từ lúc đó, không phải chỉ một mình bạn, mà có thêm người đó nữa, làm việc gì cũng phải nghĩ tới nhau. Vậy mà trong khi yêu nhau, người ta thấy sự mất tự do, do mình tự ý chấp nhận đó là một nguồn hạnh phúc đấy chứ.

Lấy một thí dụ khác: một người mác-xít chân chính sung

sướng được từ bỏ đời tư của mình mà ta hòa vào tập thể; cũng như một tín đồ tự ý thụ giới cho sự từ bỏ tự do của mình mà tuân luật của tăng hội là một hành vi cao thượng chứ không phải một hành vi nô lệ.

Vậy con người được tự do lựa chọn mất sự tự do; mà khi bị bắt buộc mất tự do thì cũng có thể tự ý mình đổi sự mất tự do về thể xác thành sự mất tự do về tinh thần.

Nhiều bạn trẻ hung hăng, dại

dột tin rằng luôn luôn phải tự giải thoát khỏi mọi sự bó buộc, mà làm phí phần lớn sinh lực của họ. Những người sáng suốt biết rằng tự ý chấp nhận sự mất tự do có thể hóa ra sung sướng. Đó là bí quyết của sự gia nhập một tôn giáo (...)

Ở thời đại mà báo chí, phát thanh, truyền hình quá nhiều này, chúng ta phải có ý thức rằng mình tự do, và có thể giữ được tự do thì mới khỏi hóa ra những con người máy. Nhưng

một sự tự do như vậy, phải đem thực hành nó mỗi ngày và muốn vậy phải biết từ bỏ nhiều cái nếu không sớm thì muộn gì cũng bị người ta bắt buộc phải từ bỏ.

Cư xử với thanh niên

Năm 1788, một người tên Knigge xuất bản một cuốn sách mà những kẻ không đọc được, chỉ nghe nói thôi, tưởng lầm là một cuốn sách viết về phép xã giao, như kiểu: cách giới thiệu khách khứa ra sao. Mà cuốn đó

không chỉ viết về xã giao, còn viết về luân lý nữa, phần này mới quan trọng, nghĩa là tác giả không chú trọng tới cử chỉ ngôn ngữ ở ngoài bằng thái độ trong thâm tâm ta đối với người khác. Vì vậy, tác giả không dạy cho người lớn nên có thái độ ra sao đối với thanh niên mà ráng chỉ cho họ cách tìm hiểu thanh niên.

"Rất ít khi thấy người lớn tuổi tự đặt mình vào địa vị em út, nếu họ biết tỏ "thiện cảm"

với bọn trẻ thì không làm cho bọn trẻ mất vui đâu mà trái lại, làm cho chúng vui hơn nhiều nữa.

Họ quên không gợi lại hồi ký tuổi trẻ của chính họ. Các người già thường bắt trẻ con phải bình tĩnh suy nghĩ một cách khách quan, phải phân biệt được cái gì cần thiết với cái gì chỉ ích lợi thôi chứ không cần thiết, phải có tinh thần thận trọng, quân bình như họ mà tinh thần này là tinh thần của người già nua, có

kinh nghiệm, sức lực đã suy như họ".

Ông Knigge viết như vậy năm 1788. Giá ông viết vào thời này hay bất kỳ thời nào khác cũng vẫn đúng. Tình thế vẫn không thay đổi: lớp già và lớp trẻ vẫn không hiểu nhau. Tại sao vậy? Tại mỗi lớp mới luôn luôn khác với lớp trước và muốn khác lớp trước.

Tôi còn muốn nói rằng lớp mới nhận được của lịch sử tiến hóa của loài người cái sứ mạng

phải khác với lớp cũ.

Bọn trẻ ham thích cái mới, tất nhiên là phản kháng cái cũ, và do đó, khó hiểu nổi lớp người cũ, điều đó rất tự nhiên, có gì đáng lạ? Trái lại, chính người già phải ráng tìm hiểu họ.

Mới cách đây vài năm, phong trào "beatnik" (cũng như phong trào hip-pi ngày nay) chưa được nhiều người biết, một hôm tôi thấy một nhóm người du lịch xuống công trường Y Pha Nho ở Rome.

Lúc đó có một đám thanh niên đương ngồi trên những bận thềm của công trường. Họ yên ổn hút ống điếu, nói chuyện với nhau, chẳng làm gì bậy cả. Phải cái tội là họ bận những quần blue-jean mép như xơ mướp, những chiếc áo pull-over dơ bẩn và sờn, tóc để dài quá, mà đi chân không, tất cả hành lý nhét vào trong cái xắc bằng vải.

Rõ ràng là họ im lặng tỏ bằng cách đó lòng khinh thị nền văn minh hiện đại, khinh tất cả

những người tạo nên, quý trọng hưởng thụ nền văn minh đó.

Tức thì nhóm du khách nọ mạt sát bọn thanh niên: "Lê la như vậy mà không biết mắc cỡ! Rõ ràng là một bọn ăn hại, sống ở ngoài lề của xã hội, trụy lạc và chưa biết chừng phạm pháp nữa!" Có người lại cất giọng bực tức: "Mười tuổi nữa thì chúng sẽ bắt buộc phải giam mình trong phòng giấy như bọn chúng ta, không còn lê la ở ngoài đường như vậy nữa. Tuổi

xuân chỉ có một thời mà thôi".

Một người khác không quên lặp lại câu sáo này: "Thời chúng ta con trẻ đâu có cái cảnh xấu xa đó!". Không một người nào lên tiếng bênh vực bọn thanh niên đó cả. Không một người nào nghĩ rằng thái độ của bọn ấy tất phải có một lý do nào đây, chẳng hạn lý do này: bọn trẻ bất mãn về thế giới người lớn chúng ta.

Nhưng tại sao người lớn không chịu tìm hiểu bọn đàn em

của mình? Lý do có nhiều lắm, chằng chịt với nhau, khó mà gỡ rối được.

Trước hết là lòng đố kị mà có khi bọn người lớn không chịu thú nhận. Họ đó kị tuổi trẻ của bọn đàn em, bọn này mạnh hơn, đẹp hơn, sống vui hơn, yêu đời hơn họ và còn một cả một quãng đường dài vô tận ở trước mặt, còn lâu mới chêt.

Thanh xuân là tuổi tò mò và hi vọng, còn giữ được đủ những cái mà tuổi già đã đánh mất. Và

để tự an ủi, người già chê bai bọn trẻ nào là ngu ngốc, phù phiếm, xấc láo, vô kỉ luật.

Một lý do nữa: già có xu hướng bảo thủ không muốn tiến hóa, ghét thanh niên có lối suy tư, nói năng, hành động trái với thói quen của họ. Thấy cái gì mới, người già cũng nghi ngờ, không muốn để cho người trẻ thử làm xem sao. Vì nếu để cho bọn trẻ thử rồi mà thành công, tiến bộ thì phải nhận rằng mình già nua, lạc hậu, đã tới lúc phải

rút lui, nhường chỗ cho họ.

Lý do nữa: người già không chấp nhận sự mới mẻ vì họ làm biếng. Muốn hiểu cái gì thì phải gắng sức, soát lại các thành kiến của mình, quên những thành kiến đó đi nữa. Người già có cái tật chung này là ít khi chịu học hỏi lắm, mà muốn giữ cho tinh thần được trẻ trung thì không có cách nào tốt hơn là ngày nào cũng học thêm, tìm hiểu thêm. Lý do nữa: sự sợ sệt. "Nhận rằng bọn trẻ có lý, tức là

nhận rằng mình lầm lẫn". Thấy bọn trẻ phản kháng, nổi loạn, người già lo cho sự yên ổn của mình.

Thêm một lý do nữa: thấy bọn trẻ phí sức vào những cái vụn vặt, tầm phào, không chịu lợi dụng những kinh nghiệm của đàn anh đã khó nhọc biết bao mới thu thập được, mà già bực mình lắm cho bọn trẻ là chưa tìm được cái gì tốt hơn cái cũ mà đã vội hủy bỏ hết những công trình đáng kể của tổ tiên.

Người già khó hiểu được người trẻ vì tất cả những lý do đó và nhiều lý do khác nữa; nhưng khó hiểu thì cũng phải ráng hiểu vì dù muốn hay không thì cái thế hệ già và trẻ cũng phải giúp đỡ lẫn nhau. Những lời khuyên của ông Knigge ở trên đem áp dụng vào xã hội hiện đại, có thể giúp chúng ta định được vài qui tắc căn bản dưới đây trong cách cư xử của người già đối với người trẻ.

Người già nên nhớ rằng tuổi

trẻ có nhiệm vụ canh tân, kích thích sự tấn bộ. Người già nên nhớ rằng tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm nhưng bù lại lại dồi dào sinh lực, tuổi trẻ quá tự tin, thiếu thận trọng, nhưng chính nhờ vậy mà họ mới có thể nhảy vọt tới trước được.

Người già đừng nên coi trẻ là kẻ thù của mình, mà nên coi là những người hợp tác với mình trong sự tiến hóa của nhân loại. Người già nên tự đặt mình vào địa vị tuổi trẻ, tìm hiểu những

nỗi khó khăn của họ để có thể giúp họ giải quyết những khó khăn đó. Dù thấy những ý nghĩ của họ chỉ là không tưởng thì cũng đừng dùng cái giọng dạy đời, ta đây mà nói với họ. Đừng nên quên rằng tuổi trẻ có nhiều sáng kiến gây được nhiều cải cách có lợi.

Nên thường đàm đạo với thanh niên, chăm chú nghe họ để quen với những quan niệm mới mẻ và nhìn thế giới bằng một nhãn quan mới mẻ. Đừng

làm bộ rằng mình còn trẻ buộc họ phải chấp nhận mình, vì dù mình chưa lụ khụ đi nữa thì họ vẫn cho rằng mình già nua rồi.

Đừng đố kị cái thanh xuân của họ, mà nên nhớ rằng mình đã có thời ở cái tuổi khó khăn đó; đừng quên rằng tuổi trẻ ở vào một cái thế bất lợi hơn mình vì mình đã có một địa vị trong xã hội mà họ chưa có.

Tuổi trẻ có khẩn khoản xin ta chỉ bảo thì hãy chỉ bảo, bằng không thì thôi; và nếu họ không

chấp nhận hoặc có vẻ không chấp nhận lời khuyên của ta thì cũng đừng nên phật ý. Dù họ có cự tuyệt ta thì có lúc họ cần đến ta, để có một thế dựa hoặc để thử sức mạnh của họ.

Nếu họ chỉ trích ta thì ta nên lấy làm mừng rằng như vậy là ta đã giúp họ nảy ra những ý kiến riêng, như vậy là họ không khinh thường ta mà trái lại muốn đọ sức với ta.

So sánh mấy quy tắc đó với những lời khuyên của ông

Knigge, ta thấy giống nhau như đúc. Về vấn đề cư xử với thanh niên khó mà có ý gì mới được, xưa nên ra sao thì nay cũng vậy. Thế là thêm một lý lẽ nữa để ta nên nghe lời khuyên của cổ nhân nhá.

Có thể mua sự an toàn được không?

Người nào muốn sống một cách an toàn, tránh mọi sự thiệt hại thì có thể đi "bảo hiểm". Có thể bảo hiểm gần đủ mọi thứ: bảo hiểm nhà cửa, đồ đạc, đồ

tư trang. Tranh ảnh, đồ cổ, thư viện phòng khi bị cháy, bị nước cuốn, bị ăn cắp; bảo hiểm rừng, ruộng lúa, đồng cỏ phòng mưa đá, nắng hạn, bị cháy hay bị lụt; bảo hiểm trâu bò phòng bị bệnh, bảo hiểm nhân viên, xe cộ, khách đi xe phòng tai nạn, bảo hiểm gia đình phòng khi mình chết sớm mà vợ con khỏi bị khốn khổ; bảo hiểm chính thân ta nữa phòng lúc về già khỏi bị nghèo túng. Các vũ nữ có thể bảo hiểm cặp giò, cách

danh ca có thể bảo hiểm giọng hát, v...v...

Nhưng nếu công ty bảo hiểm của tôi vỡ nợ thì sao? Có sao đâu, vì chính công ty của bạn đã bảo hiểm lại ở một hoặc nhiều công ty khác rồi. Vậy thì người ta có thể nghĩ rằng người nào đã bảo hiểm là được sống an toàn, khỏi lo sợ gì hết.

Nhưng thế nào là "bảo hiểm" đã? Một ngôi nhà đã bảo hiểm hỏa hoạn sẽ không bao giờ cháy ư? Một người bảo hiểm

nhân mạng sẽ không chết ư? Dĩ nhiên là chết chứ. Cũng chết như người không bảo hiểm, không hơn mà cũng không kém. Nhưng nếu bảo hiểm thì thiệt hại được bù tiền. Vậy sinh mạng có thể bù bằng tiền được ư? Và nếu bọn đạo chích ăn cắp một bức tranh tôi quý lắm thì số tiền hãng bảo hiểm trả cho tôi có làm cho tôi mua lại được bức tranh đó không? Trong một tai nạn xe hơi tôi làm cho một người bị thương nặng, sự bồi

thường của hãng bảo hiếm có bù lại được sự tàn tật của người đó không? Mấy thí dụ đó đủ cho ta thấy rằng trông mong vào sự bảo hiểm để được an toàn thì không khác gì chỉ nhận có mỗi một thứ giá trị, tức giá trị của tiền bạc, nhận rằng tiền bạc tránh cho ta mọi sự rủi ro, bất công trong đời sống...

Thí dụ một người cách đây mười năm được hưởng một di sản là hai chục triệu quan thời đó. Số vốn đó dùng làm gì?

Không lẽ để nó nằm yên trong tủ bạc, người đó đem mua cổ phần. Nhưng bây giờ giá cổ phần cứ xuống hoài, người đó đâm ra lo lắng. Hoặc bỏ tiền ra mua một miếng đất, hi vọng đầu cơ thì bây giờ bán không ai mua hoặc chỉ bán được nửa giá. Hoặc nghe ai xúi dại, mua những mỹ phẩm, bây giờ thấy mất giá, mà có bán lỗ cũng chẳng ai mua vì không ai có tiền hoặc thị hiếu của người ta đã thay đổi, không ai thích những

vật đó nữa. Hoặc đem tiền mua vàng và bây giờ thấy giá vàng không lên, chẳng có lợi gì cả.

Dù sao thì không ai bảo hiểm cho người đó khỏi bị nạn lạm phát tiền tệ mạnh mẽ hoặc âm thầm. Rồi làm sao bảo hiểm đề phòng một cuộc kinh tế khủng hoảng khắp thế giới? Bảo hiểm đề phòng đất đai bị trưng thu vì công ích? Phòng đứa con trai mình thiếu nợ mà xin mình giúp đỡ tiền bạc? Phòng số vốn của mình tiêu tan lần đầu vì đau ốm,

thất nghiệp?

Tài sản là cái gì bấp bênh nhất, tới nỗi có rất nhiều tiền của, chúng ta cũng không thấy được an toàn. Còn nhiều cái khác cũng không thấy được đảm bảo một cách vĩnh viễn, như sức khỏe, sự bình quân về tinh thần, tình yêu thương. Có thể bảo hiểm để phòng vợ hay chồng có ngoại tình không? Phòng tài năng mình suy giảm không? Phòng thị hiếu công chúng thay đổi không? Phòng

một bạn đồng sự trẻ hơn mình, hoạt động hơn mình hất mình không? Phòng cảnh âu sầu của tuổi già không? Phòng mặc cảm tội lỗi không?... Có thể bạn bảo tôi: "Thôi xin bà ngừng lại, đừng bôi nhọ thêm bức tranh vân cẩu nữa, chỉ tổ làm cho người ta sợ sống!".

Xin bạn kiêm tâm. Tôi sắp chỉ cách bảo hiểm cho bạn và tôi phòng nỗi sợ đó. Xin bạn nghe kỹ câu chuyện có thật này: năm 1941, một cặp vợ

chồng nọ đã đứng tuổi, ở Dortmund, muốn tránh bom, mướn một căn nhà nhỏ ở giữa rừng, tại Souabe. Nhưng năm 1943, sau khi tấn công địch, một phi cơ đồng minh bay trở về căn cứ, thả nốt trái bom cuối cùng và trái bom rớt đúng xuống căn nhà, cả hai vợ chồng đều bị vùi thây dưới đám gạch vụn, còn nhà họ ở Dortmund được nguyên vẹn mặc dầu phi cơ địch mấy lần thả bom xuống thị trấn đó. Nghe câu chuyện

thê thảm ấy, ai cũng nói: "Không ai tránh được số mạng". Nhưng người ta cũng có thể nói rằng chỉ nghĩ trước hết tới sự an toàn của mình thôi thì không khác gì khiêu khích số mạng. Nhiều khi một thiếu nữ được cha mẹ lo lắng dạy dỗ, trông chừng từng phút thì lại đâm hư. Có những đứa nhỏ, cha mẹ giữ vệ sinh rất kĩ, thì lại dễ đau ốm. Những bà vợ ghen tuông, dò xét chồng hoài thì lại dễ bị chồng phụ tình. Vậy, ta lo

lắng, mãnh liệt bám vào cái gì thì cái đó tuột ra khỏi.

Như vậy có nghĩa gì không? Không có nghĩa gì cả đối với một người chỉ coi của cải, đất cát, uy quyền, sự thành công là hạnh phục, vì mất những cái đó là mất luôn cả lẽ sống. Khi chứng khoán mất giá, nhiều người bị phá sản, tự tử vì không còn đủ sức sống trong cảnh nghèo khổ bấp bênh.

Rốt cuộc sợ mất của cải hay một vật quen thuộc nào, chỉ là

do cái tật thiếu tinh thần thích ứng. Sau khi chịu nhiều sự mất mát nặng nề, người ta dễ thích ứng hơn với vận rủi; người ta ít lo lắng hơn, tinh thần khoáng đạt hơn, "triết nhân" hơn. "Nếu như vậy không êm thì cách khác sẽ êm", châm ngôn đó rất sâu sắc chứ không nông nỗi như người ta tưởng đâu. Nó khuyên ta cứ hoàn toàn tin tưởng và đừng bao giờ tuyệt vọng. Tôi nói vậy vì tôi đã kinh nghiệm, đã tập sống trong cảnh

bất an. Trong hai mươi lăm năm, vì chiến tranh, hậu quả của chiến tranh và nhiều lí do khác, tôi đã chín lần rời bỏ những ngôi nhà khó nhọc mới gây dựng được. Ba lần, đời tôi suýt bị tan nát: lần thứ nhất khi Đệ tam Đế Quốc Đức (tức chính quyền Đức khi Hitler lên cầm quyền) cấm tôi xuất bản sách rồi nhốt tôi vô khám; lần thứ nhì khi nhà tôi bị giết, và lần thứ ba khi tôi li dị với người chồng sau. Tôi đã học được của

Rilke thái độ này: "Li biệt trước đi, bất kì là đối với cái gì". Mình không bám vào một cái gì cả thì ai có thể cướp của mình được. Sự an toàn của tôi là sự an toàn của loài chim. Như vậy nghĩa là sao? Tôi xin giảng: loài chim hót làm tổ trên cây. Nó có bảo hiểm phòng giông tố, rét mướt, thiếu ăn đâu; cũng chẳng bảo hiểm phòng loài mãnh cầm, loài mèo, bọn đánh chim, bọn con nít phá tổ chim. Nó không bảo hiểm được sinh mạng để chim

con được an toàn khi nó chết sớm. Số phận nó hoàn toàn bất an toàn. Nó sống ra sao? Thấy tai nạn lớn xảy ra thì nó trốn hoặc đôi khi chiến đấu vì đàn chim con. Nhưng khi cơn nguy hiểm qua rồi thì nó lại hót ríu ra ríu rít.

Trong tác phẩm của Dante, tôi thấy hình ảnh này: "Một ổ chim làm bằng ánh sáng". Có thể sống trong một ổ chim như vậy không? Không, nếu luôn luôn người ta nặng lòng sợ mất

một cái gì mà người ta lo lắng cố níu lấy. Được, nếu người ta thanh thản, nhẹ nhàng trút hết mọi ưu tư.

Phải có tâm trạng đó mới khỏi sợ một cuộc khủng hoảng kinh tế trên khắp thế giới, khỏi sợ tiền bạc, đất đai mất giá, đầu cơ trên thị trường chứng khoán mà thất bại, khỏi sợ thuế má tăng vụt lên và mọi sự hạn chế mà bạn cũng phải chịu. Không cần một sự an toàn giả tạo và không sợ sệt gì cả, như vậy dễ

sống hơn. Cái thật sự quan trọng là lòng tin, lòng hi vọng, lòng kiên nhẫn và tình thương... muốn ra sao thì ra.

Bạn có can đảm không ?

Năm nào thảm kịch đó cũng tái diễn: một vài thanh niên muốn leo lên ngọn núi nguy hiểm nào đó rồi vì không đủ kinh nghiệm mà bỏ mạng: lăng xuống vực hoặc kiệt sức, lạnh quá, chết cóng. Họ can đảm, dám mạo hiển đấy, nhưng chẳng ai khen họ cả.

Một em bé té xuống một dòng sông cuồn cuộn đương mùa mưa lũ. Một người liều mạng nhảy xuống ráng vớt em, dù chẳng vớt được mà có bị chết đuối chăng nữa, thì cũng vẫn được mọi người khen.

Năm 1942, hai sinh viên trường đại học Munich, tên là Sophie và Hans Scholl, rải truyền đơn đả đảo Hitler. Họ chẳng biết rằng sớm muộn gì cũng bị phát giác, mà hành động của họ chẳng có chút hi

vọng gì lật đổ được chế độ. Quả nhiên, sau đó cả hai đều bị xử tử. Vậy họ điên chăng? Họ hi sinh đời họ một cách vô ích chăng? Bây giờ người ta ngưỡng mộ họ là hai anh hùng, nêu gương can đảm cho đồng bào.

Ở một trường trung học nọ, không hiểu lẽ gì, cả một lớp trẻ mười hai tuổi hùa vào ngược đãi một bạn học. Tình cảnh em này càng đánh thương vì cha mẹ mới bị sạt nghiệp. Đứa con trai

thứ ba của tôi bèn đứng ra bênh vực em, can đảm chống lại cả bầy kia, bất chấp sự thù oán của chúng.

Vài ví dụ đó chứng tỏ rằng khi mọi việc đáng liều mới liều thì hành động của ta mới được khen là can đảm. Bọn thanh niên leo núi thiếu kinh nghiệm trên kia không phải là can đảm mà chỉ là vô ý thức.

Bạn hỏi tôi: vậy đứng về phương diện thực tế mà xét thì hai sinh viên Đức cũng đáng

chê là dại dột, nếu không thì cũng ít nhất là táo bạo, vì tay không mà đòi bắt cọp?

Không, tôi không nghĩ vậy, vì họ hành động, hi sinh như vậy để kích động các người khác dùng những phương pháp thích hợp hơn tiếp tục cuộc tranh đấu mà họ đã cổ vũ. Ở thời đó, người ta cho họ là "khinh suất" đấy, nhưng sau này người ta thấy sự khinh suất ấy cao cả, rất sáng suốt, vì chính nhờ họ mà dân tộc Đức không bị dư

luận thế giới miệt thị quá. Các vị anh hùng, các vị thánh thường bị một số người không hiểu nổi tầm quan trọng hành động liều lĩnh của họ, nên cho họ là điên khùng. Nhưng có một thứ điên khùng mà lại rất thông minh. Chúng ta biết rằng can đảm thì cần phải thông minh (hễ ngu ngốc thì rất ít khi can đảm), nhất là cần đừng tính toán lợi hại, hơn thiệt cho riêng mình, nghĩa là cần phải hi sinh. Người nào hành động theo

lương tâm mình là người đó can đảm.

Bẩm sinh có người can đảm, có kẻ nhút nhút nhát. Một số người có thể thành can đảm được, nhưng vì một sự giáo dục sai lầm hay vì một hoàn cảnh, kinh nghiệm tai hại nào đó mà hóa ra nhút nhát, không dám mạo hiểm một chút gì cả, luôn luôn lựa chọn con đường an toàn nhất, không phải đụng đầu với một cái gì "đau đớn" cả. Những kẻ đó sợ phải liều thân.

Sợ tới cái mức tránh mọi sự giao thiệp có thể làm cho họ hơi đau khổ hơn một chút: chẳng hạn sợ phải thất vọng, li biệt mà không dám cưới vợ, thành thử không có con; ai ra lệnh gì, hoặc đưa ý kiến gì họ cũng vâng vâng dạ dạ tỏ vẻ cực kì nhu thuận, hòa hảo chứ không muốn đưa ý kiến của mình ra sợ phải tranh biện để bênh vực nó; họ có bất đồng ý kiến với ai, thù oán ai thì giữ kín trong lòng chứ không dám biểu lộ ra.

Hồng y giáo chủ Mercier đã nói câu thâm thúy lạ thường này:

"Có những kẻ không bao giờ lầm lỡ môt điều gì cả, vậy mà suốt đời lầm lỡ chứ".

Ông muốn bảo rằng thà cứ liều đi, dù có lầm lỡ cũng còn hơn là luôn luôn tìm sự yên ổn.

Sống một cuộc đời chân chính thì phải biết liều, sẵn sàng chịu sự trầy da tróc vảy, cứ đừng dè dặt, sợ sệt.

Nhưng như vậy, sự can đảm chỉ là một đức cần thiết trong

vài trường hợp đặc biệt nào thôi ư? Có phải ai cũng có thể lật đổ một bạo chúa hoặc cứu vớt một em nhỏ té xuống sông được đâu. Với lại hình thức đó của sự can đảm chưa chắc là hình thức cao nhất. Trong một số hoàn cảnh đặc biệt nào đó, chúng ta như được một làn sóng nhiệt tâm nâng đỡ, lòng ta bừng bừng lên mà dễ có những hành động gan dạ.

Chẳng hạn, thái hai năm 1945, tôi bị công an Đức Quốc

Xã lấy khẩu cung liên tiếp trong tám giờ, và lúc đó tôi nôi đóa, muốn chửi vào mặt họ. Hành động như vậy là can đảm đấy vì coi thường cái chết. Nhưng tôi nén được lòng. Có phải vì hèn nhát không? Không, vì trong trường hợp đó mà hi sinh tính mạng là điều vô lí. Tôi đã vì các con tôi mà lựa chọn con đường tiếp tục sống: vì chúng mà tôi chịu ở trong khám, lo lắng và tủi nhục nuốt hết nỗi đắng cay của bọn Đức Quốc Xã đối xử

với tôi mà chúng gọi là "kẻ thù dân tộc", kẻ bị dân tộc ruồng bỏ.

Như vậy thì không nhất định phải làm một hành động nguy hiểm mới là can đảm; nhiều khi cứ tiếp tục sống cũng là can đảm. Vâng, kiên nhẫn đương đầu với sự bất ý, những khó khăn, thử thách hàng ngày, chống cự lại với những nỗi rầu rĩ, chán nản, thất vọng, đừng để cho nó xâm chiếm ta, thái độ đó cần nhiều can đảm lắm mới

được. Nhiều người ngày nào cũng vậy, hễ bừng mắt dậy là phải can đảm chiến đấu với cuộc đời. A! Giá có thể nằm dài ở giường mà đừng biết gì tới.

Can đảm không phải là một đức lâu lâu mới dùng tới khi phải làm một điều nguy hiểm. Can đảm là một thái độ căn bản đối với đời sống: thái độ của người tin ở đời mà tự nhủ: "Khó khăn gì cũng sẽ vượt được".

Thái độ đàng hoàng

Một phần do kinh nghiệm

bản thân, một phần do đọc một bài báo mà tôi mới nảy ra những ý nghĩ dưới đây.

Một ngày thứ bảy, gần tới giờ các tiệm đóng cửa rồi, một chị bạn tôi mua một vài món vặt. Về tới nhà, chị mới thấy đã vô ý lấy hai cây sà-lách đã gói sẵn. Ngày thứ hai, chị lại tiệm trả tiền món lấy dư đó. Các cô bán hàng đều ngạc nhiên, mà thấy họ ngạc nhiên chị cũng ngạc nhiên nữa. Các cô ấy bảo chị rằng các khách hàng cũng

thường vô ý lấy lẫn như chị, nhưng chẳng có người nào trở lại trả tiền như chị. Lạ lùng nhất là tiệm đó ở trong một khu toàn những người đàng hoàng, ai cũng quen mặt nhau cả, thế là nghĩa làm sao nhỉ?

Đó là kinh nghiệm bản thân tôi, còn bài báo thì nội dung như sau. Trong thế chiến vừa rồi, một cặp vợ chồng Áo nọ do một kẻ làm trung gian, mua được nhiều bức họa hiện đại rất có giá trị của một tư nhân đã

sưu tập bây giờ muốn bán lại. Để có đủ tiền mua, hai ông bà đó phải bán những bức họa, cũng rất có giá trị, di sản tổ tiên để lại, những bức này của các họa sĩ trong phái lãng mạng Áo. Sau chiến tranh, hai ông bà hay rằng viện bảo tàng họa phẩm nọ phàn nàn đã mất những bức tranh hiện đại đó. Vậy thì không còn nghi ngờ gì nữa, có kẻ đã ăn cắp những bức tranh đó rồi nhờ người trung gian bán lại cho ông bà. Thời chiến tranh

ăn cắp những bức tranh đó không phải là việc khó, vì có nhiều bức họa hiện đại, bọn Đức Quốc Xã cho là "nghệ thuật đồi bại" rút ra khỏi viện bảo tàng, chất bậy một nơi, rồi hễ có dịp là lấy ra bán lén. Hay tin đó, cặp vợ chồng Áo đó phải làm gì đây? Họ có thể tự nhủ: "Mình bỏ tiền ra mua những bức đó mà mình lại không thể ngờ được rằng nó là của chính phủ, vậy thì nó thuộc về mình"; đành rằng một ngày kia, việc đó

có thể tiết lộ ra được, nhưng muốn khỏi bị hậu quả thì cũng không khó, chỉ tìm cách bán ra ngoại quốc là êm. Có cả bọn thương mại quốc tế thiếu tư cách; tổ chức rất chặt chẽ, cứ giao cho bọn họ têu thụ dùm, sẽ chẳng có ai biết cả. Hết chiến tranh, có biết bao tác phẩm mĩ thuật "mất" như vậy, làm sao tìm cho ra các thủ phạm được, vậy thì có gì đâu mà lo. Và cặp đó đã hành động ra sao? Thưa, họ đem các bức họa trả cho

chính phủ. Và theo chỗ tôi biết, họ cũng không đòi bồi thường nữa, với lại có đòi cũng khó được. Thế là họ mất toi những bức họa cổ của ông cha để lại. Nhưng điều quan trọng là hễ đã làm thiệt hại, dù là vô tình, thì cũng phải đền bù lại.

Thái độ của cặp vợ chồng đó, phải gọi là gì bây giờ? Gọi là chính trực ư? Tôi thì muốn dùng một danh từ nghĩa rộng hơn: danh từ "đàng hoàng".

Tiếng "đàng hoàng" gồm có

nhiều đức như chính trực, thành thật, trung tín, lễ độ, tận tâm.

(...) Thái độ đàng hoàng rất khó thực hiện đấy, chứ chẳng dễ đâu. Chúng ta cứ tự vấn tâm mà xem:

Chúng ta đã chẳng có lần bắt được một của rơi, thấy nó chẳng đáng giá bao nhiêu, bèn giữ lấy, chứ không đem giao cho ty cảnh sát đó ư? Mặc dù ta hơi áy náy trong lòng rằng người đánh mất vật đó có thể tiếc ngơ tiếc ngẩn. Chúng ta đã

chắng có lần "quên", mượn sách rồi không trả đấy ư?

Đã chẳng có lần bạn bè viết thư nhờ làm giúp một việc, thấy phiền nhiễu, không làm rồi sau bảo rằng không nhận được thư đấy ư? Có lần nào thiếu nợ ai một món tiền, dù rất nhỏ, rồi quên không trả chỉ vì chủ nợ tính tình rộng rãi, không đòi không?

Rồi cô thu ngân vô ý thối dư tiền cho ta, chúng ta biết mà cứ lặng lẽ đút túi không?

Khi lái xe vô chỗ đậu, chúng ta làm sây sát một chiếc xe khác, có thể để lại miếng giấy nhỏ ghi tên họ và địa chỉ của mình, xin lãnh hết những phí tổn sửa mà xe, dù là rất nhỏ nhặt không?

Có khi nào khéo léo không thưởng tiền cho một người đã tận tâm giúp ta không?

Có bao giờ quá nhiệt tâm, chúng ta hứa giúp ai một việc gì, sau này ân hận, cố quên lời hứa đi không? Có lần nào ta nói

xấu một người khác, sau thấy rằng mình lầm mà không chịu đính chính lại không?

Biết rằng một người khác bị nghi ngờ một cách bất công, có bao giờ chúng ta làm biếng hoặc vì hèn nhát, tìm cách lẩn mà không đứng ra làm chứng để bênh vực người đó không?

Có bao giờ chúng ta... Nhưng thôi, tôi xin để bạn tiếp tục tự vấn tâm.

Về cái việc vấn tâm này, tôi nhớ lại một việc có thật mà

chắc vài bạn đã được nghe rồi. Nhà soạn nhạc Richard Strauss, khi gần mất, ngỏ ý rằng những người hâm mộ nhạc của ông, khi ông mất, chắc sẽ mua những vòng cườm đắt tiền để biếu, ông xin họ dùng số tiền đó vào quỹ cứu tế các nhạc sĩ thì hơn. Rồi thì ra sao? Bạn đã đoán đúng đấy: quỹ cứu tế chẳng nhận được một đồng nào cả mà trên nấm mồ cũng chẳng có một vòng cườm nào cả. Bao nhiêu kẻ giàu có ngưỡng mộ

ông đã "rút lui" một cách bần tiện.

Nếu ta xét tỉ mỉ cái đức mà tôi gọi là "đàng hoàng" thì sẽ thấy nó chính là lòng "yêu tha nhân". Nhưng tiếng "yêu" có nghĩa bao quát quá, không rõ rệt, trái lại tiếng "đàng hoàng" chỉ rõ hơn thái độ thực tế mà ta phải có, đối với người khác. Người ta bảo ta "Phải yêu người khác như yêu chính bản thân mình". Như vậy nghĩa là phải yêu người đó tha thiết chăng?

Hay là phải đừng làm cái gì có hại cho người đó mà còn giúp người đó sống nữa?

Thí dụ xe tôi đụng, làm móp bên hông một chiếc xe đương đậu, mà không ai thấy cả. Tôi có thể có hai thái độ. Hoặc tôi chỉ nghĩ đến tôi rồi lẩn, như vậy tôi không có một chút ý thức gì về tình yêu tha nhân, mà cũng chẳng tự đặt mình vào địa vị người chủ xe, chẳng nghĩ đến sự thiệt hại bực mình tôi gây cho người đó nữa.

Hoặc tôi cài dưới cái que chùi kiếng một miếng giấy nhỏ ghi tên và địa chỉ của tôi, như vậy chứng tỏ rằng chẳng những tôi biết những điều phải quấy mà nghĩ đến người chủ xe, ân hận đã gây ra một sự thiệt hại cho ông ta và sẵn sàng xin đền. Hành vi đó là một hành vi "đàng hoàng" mà cũng là một hành vi thân ái.

Lại thí dụ rằng tôi lượm được một chiếc ví. Nó cũ kĩ mà chỉ chứa có mấy tấm hình. Tôi có

thể tự thuyết phục tôi rằng nó chẳng có giá trị gì cả, khỏi phải đem lại ty cảnh sát hoặc rao trên báo; có thể liệng phắt nó ngay vào thùng rác, và làm vậy tôi có thể thấy yên tâm. Nhưng tôi cũng có thể nghĩ bụng rằng cái người đánh mất ví quí tấm hình hơn tiền bạc nhiều. Tôi tưởng tượng nỗi khổ tâm của họ, và tôi bèn đem chiếc ví lại ty cảnh sát, hoặc rao trên báo. Hành động đó chứng tỏ tôi có thái độ đàng hoàng và yêu tha

nhân.

Một thí dụ nữa: có một cô thu ngân thối dư tiền cho tôi. Tôi có thể tự nhủ: "Cô ấy vô ý thì phải chịu". Nhưng tôi cũng có thể nghĩ lại: "Cô ấy khi tính tiền, thấy thiếu, phải lấy tiền túi ra bù. Hâu quả: cô ấy phải nhịn cái vui đi coi hát tối nay, hoặc bỏ ý định mua đồ chơi cho đứa con cưng". Tự đặt mình vào địa vị người khác, đó là tình thương.

Bạn thấy như vậy tiếng

"đàng hoàng" bề ngoài có vẻ tầm thường, lần lần mang một ý nghĩa rộng rãi không ngờ và buộc ta có thái độ tinh thần nghiêm chỉnh. Và bạn cũng thấy rằng lòng yêu tha nhân không phải là một ý nghĩa trừu tượng hoặc chỉ có nghĩa là bố thí mà trái lại, quy định một cách rất cụ thể các giao tế hằng ngày của chúng ta với người chung quanh.

Đừng nói dối

Giới luật có vẻ hoàn toàn

minh bạch. Ai cũng hiểu thế nào là nói dối: biết là sai mà bảo là đúng, như vậy là nói dối.

Khi dạy trẻ, chúng ta chú ý giới luật đó lắm. Cho nên chúng ta hỏi chúng: "Ai đánh bể cái đĩa này?", hi vọng chúng sẽ thú tội mặc dầu chúng biết rằng thú tội thì thế nào cũng bị ta rầy đấy. Ngay cả những khi chúng ta không có cách gì chứng thực tội của trẻ thì chúng ta cũng hi vọng rằng nó sẽ tự thú. Chúng ta tin nó đủ hùng tâm để yêu sự

thực, thà chịu trừng phạt chứ không khi nào nói dối. Đối với trẻ chúng ta nghiêm khắc như vậy đấy!

"Ừ, má sẽ may cho con cái áo đó, nhưng con phải hứa hễ ba có hỏi gì nói chỉ tốn 500 đồng thôi nhé!". Chắc bạn đã nghe thấy một bà mẹ nói với con như vậy. Và nếu bạn tin rằng có thể dạy cho trẻ phân biệt được nói dối khi nào là có tội, khi nào đã chẳng có tội mà còn đáng khen, thì bạn lầm đấy.

Đối với một đứa trẻ chưa bị xã hội làm cho hư hỏng thì, nhờ Trời, nói dối trong trường hợp nào cũng là nói dối. Nhưng cha mẹ có nhiều người là cho trẻ hư vì khiến cho chúng nói dối hoặc bằng cách trừng trị chúng nghiêm khắc quá, chúng sợ mà phải nói dối hoặc bằng cách trừng trị chúng nghiêm khắc quá, chúng sợ mà phải nói dối hoặc bằng cách làm gương cho chúng nói dối. "Thằng tư lại trả lời điện thoại đi, chắc lại là di

Xuân đấy, lắm chuyện lắm, con bảo rằng má đi khỏi rồi nhé!". Dạy cho chúng nói dối như vậy rồi tới khi chúng nói dối với mình thì lại nghiêm khắc trừng trị chúng. Vì chúng ta nói dối với người khác thì được, còn người khác mà nói dối chúng ta thì chúng ta dễ nổi quạu lên. Chỉ mỗi sự kiện này: chúng ta không thành thật với người khác mà lại buộc người khác phải thành thực với ta, cũng đủ tỏ rằng chúng ta biết rõ giá trị của

sự thành thực. Chúng ta đòi người khác - đặc biệt là con chúng ta - phải tốt hơn chúng ta. Thật lạ lùng: chúng ta luôn luôn tìm được cả ngàn lí lẽ để chữa tội nói dối của mình!... Nhưng thôi, tôi xin dừng lại, để mỗi người tự xét lương tâm của mình.

Chúng ta nên tự hỏi câu này: cấm nói dối có nghĩa là bất kì lúc nào, trong trường hợp nào cũng phải nói thực không, có sao nói vậy không; hay là sự

cấm đoán đó có một giới hạn nào đó cho hợp với thực tế?

Tôi thí dụ rằng khi gặp chồng của bà X - bà này chơi thân với bạn - cùng đi với một người đàn bà khác, trong những hoàn cảnh làm cho bạn tin chắc rằng hai người đang cặp kè với nhau, không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu bà X ngờ chồng mình có ngoại tình, hỏi bạn mà bạn lại biết bà ấy nóng tính lắm, có thể xin li dị được thì bạn có nói tất cả sự thật ra hay không?

Hay là bạn biết tính ông X chỉ lạc lòng vậy thôi, sau sẽ ân hận mà bạn sẽ nói khéo cách nào cho bà X khỏi nghi ngờ - nói khéo không có nghĩa là nói dối một cách trắng trợn - chẳng hạn bảo: "Tại sao chị lại nghi anh ấy như vậy, anh ấy quý chị lắm mà." và gia đình họ khỏi tan rã?

Còn như ông chồng kia nếu như vợ hỏi thì có bổn phận thật nói hết ra không? Cái đó còn tùy. Nếu tin rằng vợ ông sẽ không chấp nhất, sẽ tha thứ

được thì phải thú thật với vợ. Trái lại nếu vợ nóng tính có thể xin li dị liền thì đừng nên thú làm chi.

Một ông bạn của tôi, gia đình rất hòa thuận, bà vợ không hề nghi ngờ chồng gì cả, nhưng cũng không khi nào cho chồng đi du lịch một mình. Sau mười năm sống chung, ông thấy tình trạng ấy vô lí quá, quyết tâm nói dối vợ, bảo từ nay thường phải đi xa vì công việc làm ăn. Và ông ta kiếm được cớ để đi

một mình mà hưởng cái thú cô liêu. Ông đã dùng thuật nói dối để có cái quyền chính đáng được hưởng một chút tự do vừa phải. Vậy chúng ta cư xử với nhau phải đại lượng, nhân từ, sáng suốt một chút để có thể tin cậy lẫn nhau mà nói thực với nhau được, nếu không thì chúng ta sẽ làm cho người khác phải nói dối với ta cũng như chính chúng ta phải nói dối với họ.

Như vậy, tôi cho rằng nên

đối câu: "Đừng nói dối" ra làm "Nên thành thực" thì hơn. Người nào bất đắc dĩ phải nói dối - dù một lần hay mười lần, điểm đó không quan trọng - mà trong thâm tâm, bứt rứt vì không thể nói thực ra được, thì người đó không phải là kẻ nói dối.

Trái lại, nhà cầm quyền nào theo đạo Ki tô, ở nhà chăm chỉ đọc kinh, cầu nguyện mà vì hèn nhát hoặc tư lợi, trị dân theo một chính sách trái với đạo Ki

tô, thì không phải là người thành thực. Nhà văn nào chiều theo thị hiếu độc giả mà viết những điều trái với quan niệm đạo đức của mình, cũng là thiếu thành thực. Nhân viên nào chê cách làm ăn của ông chủ là bất lương mà vẫn hèn nhát hợp tác với ông ta, cũng là mắc tội thiếu thành thực. Những thí dụ đó chứng tỏ rằng:

1. Thành thực và dối trá là tùy ở thái độ chứ không phải ở hành động của ta.

2. Thành thực thì luôn luôn là can đảm; dối trá thì luôn luôn là hèn nhát.

3. Dối trá là phản bội, mà thành thực là trung thành, chẳng những trung thành với chân lý đã được chấp nhận mà còn trung thành với bản thân nữa.

Cái nguy hại của sự nói dối là cứ mỗi lần nói dối là đức thành thực của ta lại giảm đi một chút, mà thói dối trá của ta lại tăng lên.

Sự thành thục không phải là một đức không liên quan gì đến các đức khác, nó là điều kiện tất yếu của tư cách con người.

Tôi biết một bà nọ không làm sao nói dối được. Dù người ta có hỏi bà hay không thì bà cũng vạch thẳng những lỗi của người ta ra, mà chính những lỗi của bà, bà cũng nhận liền, không hề giấu giếm. Tôi cho rằng thói trực tính đó của bà không phải là một đức tốt, vì kho vạch thẳng những lỗi của

người khác, bà lạnh lùng thản nhiên, có vẻ như thách đố: "Tôi cần quái gì phải giấu ý nghĩ của tôi. Tôi nói thực ra đấy, chịu được thì chịu, không chịu được mà có nổi điên lên thì tôi cũng cóc cần!". Trực tính như vậy là tự cao tự đại; vì đức thành thực chân chính thì luôn luôn có pha chút tình thương. Nói thẳng với ai là để giúp người đó giác ngộ mà sửa đổi tính nết chứ không phải để làm phật lòng người, gây thù gây oán với người.

Người nào bẩm sinh hay do giáo dục mà trực tính thì cũng dễ bị cái tật nghiêm khắc, đòi người khác phải có những đức như mình. Bạn nên nhớ rằng người khác có thể nhu nhược hơn mình, không can đảm bằng mình, không may máy tìm được những lời thích hợp để bày tỏ sự thật như mình, có khi không thể nói thực ra được nữa, sợ có hại cho cha chính người đó hoặc cho một người nào khác. Vì vậy, trừ phi là cần thiết lắm,

còn không thì nên tránh, đừng hỏi thẳng người ta những điều người ta khó đáp. Ai cũng có quyền tự vệ, giữ cái bí mật của mình. Vậy các độc giả nam cũng như nữ của tôi, nếu người bạn trăm năm của bạn tối nay có về trễ hơn thường lệ thì xin đừng tra hỏi gì hết nhé, và các bậc cha mẹ nữa, khi con cái đã lớn rồi thì đừng bắt chúng thuật lại cặn kẽ những hành động của chúng nhé. Đừng nên do thám lẫn nhau, vì hễ tin nhau thì

tránh được cho nhau khỏi phải nói dối đấy.

Cách đây mấy năm, tôi được nghe một người Ấn diễn thuyết. Tinh thần ông ấy tỏa ra một sức mạnh phi thường. Ông bảo rằng luôn luôn có thể tránh được nói dối, cả những khi nói dối mà không phải là tội nữa. Vì khi người ta đã quyết tâm không nói dối, nghĩa là quyết tâm vừa kín đáo thận trọng, vừa can đảm, thì lần lần có thể thay đổi bản tính của mình được; lời nói

và hành động đi đôi với nhau rồi, sức mạnh tinh thần của người ta tăng lên rất nhiều. Diễn giả Ấn Độ đó đã tự bản thân chứng thực lời nói của mình.

Có nên quan tâm tới lời dị nghị của thiên hạ không?

Suốt thời thanh niên tôi luôn luôn nhận được hai lời cảnh báo này: "Người khác sẽ phê bình mình ra sao?" và "Đừng để cho ý kiến của người khác ngăn cản hành động của mình". Hai lời

cảnh báo đó hoàn toàn trái ngược, ít nhất là bề ngoài, thành thử hồi đó tôi hoang mang đau khổ lắm. Nhưng bây giờ tôi hiểu song thân tôi muốn khuyên tôi ra sao rồi, vì hai lời đó thuộc về hai quy tắc luân lý khác nhau:

- Một mặt, ta có bổn phận làm điều phải, bất chấp ý kiến của "thiên hạ" (nghĩa là của những kẻ ngu ngốc, tàn ác hoặc những kẻ chỉ nghĩ tới phương diện vật chất của các vấn đề). -

Mặt khác, trước khi có một hành động nào dị thường có thể làm cho người khác phật ý, bực mình hoặc buồn rầu thì ta phải chú ý tới ý kiến của người.

Lời khuyên thứ nhất (phải chú ý tới ý kiến của người khác) ai cũng cho là đúng; cho nên dưới đây tôi chỉ xét lời khuyên thứ nhì thôi:

"Thiên hạ muốn nghĩ sao thì nghĩ, mặc!" câu đó có thể thốt ra nhiều cách: hoặc là tự cao tự đại, muốn thách thiên hạ, hoặc

là bình tĩnh, cương nghị hoặc là chán nản. Nhưng dù thốt ra cách nào thì cũng có vẻ là mình tự tin rằng mình hơn người, mà sự thực mình thiếu đức tự tin, nên mới làm bộ bất chấp dư luận như vậy. Câu đó còn tỏ rằng mình nhận được hành động của mình có cái gì khác thường, trái với tập quán, và không được người đời chấp nhận. Mình sẽ tách ra khỏi một đoàn thể: gia đình, cộng đồng, giai cấp xã hội. Thái độ tự tách

ra khỏi đoàn thể có thể có nhiều nguyên nhân:

- Tin chắc rằng người khác là bậy nên chẳng những không liên kết với họ mà còn chống đối họ bằng một cách tích cực hay tiêu cực;

- Hoặc muốn tỏ ra "ta đây nào phải như ai", thái độ này nguyên do là tại một mặc cảm tự ti, người nào nhận định được giá trị của mình thì không khi nào tỏ vẻ khoe khoang muốn cho thiên hạ chú ý tới mình;

- Hoặc do bẩm sinh, do giáo dục mà trở thành một kẻ "nan dụ", không có tinh thần đoàn kết, tinh thần trách nhiệm;

- Hoặc có thể hồi nhỏ bị dạy dỗ nghiêm khắc mà oán đời, thấy cần phải nói thẳng vào mặt thiên hạ rằng mình chẳng coi dư luận thiên hạ ra cái quái gì cả (thái độ đó là thái độ gây gổ của biết bao thanh niên đối với thế hệ cha anh họ);

- Cũng có thể là mình tự tin quá, tự cao tự đại quá, coi

người khác là đồ bỏ nên không cần để ý tới dư luận;

- Sau cùng có thể là thấy thế của mình yếu, nên phải lấy sự bất chấp dư luận làm một thứ áo giáp để tự che chở cho mình. Bất kì là do nguyên nhân nào, thái độ khinh thường người khác và ý kiến của họ cũng là một thái độ xấu vì nó tỏ rằng ta có một quan niệm lệch lạc, phi nhân bản về xã hội. Chỉ có mỗi thái độ này là đúng đắn: nhận trong đáy lòng rằng không ai có

thể sống một mình trên đời được, cũng chưa có ai sống như vậy bao giờ, mỗi người chỉ là một cái khoen trong cái dây xích ba tỉ cá nhân, đồng thời cũng là một thành phần của một dân tộc, một giai cấp, một gia đình nữa. Thực trạng như vậy. Kẻ nào điên thì mới cho mình là một biệt lệ, vì ai cũng liên kết với tất cả các người đồng loại bằng từng đường gân, thớ thịt của mình. Không ai có thể độc lập tới cái mức người khác

không liên quan chút gì tới mình mà mình cũng chẳng liên quan gì tới họ.

Người ta nói khoa học ngày nay có thể chế tạo một thứ máy vô tuyến truyền hình cho bất kì lúc nào và bất kì ở đâu, bất kì ai cũng có thể nhìn thấy một người khác được. Viễn tưởng đó ghê gớm quá! Bị Chúa lúc nào cũng dò xét, còn đỡ sợ hơn vì chắc chắn là Người từ bi hơn con người! Nhưng dù không có cái máy quỉ đó thì sự thực mỗi

người trong chúng ta cũng luôn luôn bị người khác kiểm soát. Người khác tuy không thấy hành động của chúng ta, nhưng cũng biết chúng ta là gì; mỗi hành vi, cử chỉ của ta đều ảnh hưởng tới họ.

Tôi còn nhớ rõ một khí cụ vật lý hồi tôi còn là sinh viên: có nhiều quả tròn treo trên một cái cột hễ đụng vào quả thứ nhất thì quả này lại đụng vào quả thứ hai, quả thứ hai đụng vào quả thứ ba, cứ như vậy mà truyền đi

cho tới quả cuối cùng. Và ngay từ hồi đó tôi đã nghĩ bụng: "Bây giờ mình phát ra một tiếng thì những làn sóng âm thanh sẽ lan đi khắp thế giới, và nếu ngón tay mình chạm vào cái bàn này thì tất cả những phần tử trong vũ trụ sẽ bị kích động".

Các hành vi, cử chỉ của ta cũng ảnh hưởng tới người khác như vậy, lan dần từ gần tới xa, gây ra những sự biến đổi ta không sao kiểm soát nổi. Vậy chúng ta không thể làm một cái

gì chỉ can hệ tới riêng ta mà thôi, không liên can gì tới người khác. Ta làm cái gì là làm cho người khác, cho cả thế giới. Ai có chút tinh thần trách nhiệm, nghĩ tới điều đó, tất phải hoảng sơ; và ta chỉ có quyền bất chấp dư luận khi lương tâm ta buộc ta hành động vì một chân lí tối cao nào đó. Trong các trường hợp trái lại, ta không được phép hành động chỉ vì chuyên đoán của ta mà bất chấp ý kiến của người khác (...)

Nhưng như vậy là phải luôn luôn chú ý tới lời dị nghị của thiên hạ ư? Không phải là luôn luôn nhưng ít nhất mỗi khi ta có quyết định gì quan trọng chẳng hạn khi ta tự cho mình cái quyền làm một việc bậy gì đó, từ chối không tỏ rõ thái độ khiến cho người khác hóa nhút nhát, không dám lãnh trách nhiệm; hoặc trái lại, khi ta muốn giúp đỡ ai mà bênh vực một ý kiến nào đó chống lại dư luận chung.

Nhưng như vậy là lệ thuộc vào dư luận rồi, còn đâu tự do nữa? Phải, nhưng bạn đã có ý niệm sai lầm về tự do rồi đấy, cho nó là đồng nghĩa với độc lập, không có trách nhiệm. Người nào hiểu rõ thực tế, luôn luôn nhận định được thân phận thực sự của mình, tức thân phận của một cá nhân cột chặt với toàn thể nhân loại bằng một sợi dây xích - sợi dây đó không làm ta đau khổ đâu nếu ta biết kiên nhẫn chịu và biết yêu đồng

loại - thì người đó mới thực xứng đáng được gọi là tự do.

Cứ bình tĩnh

Bạn đã tập lái xe hơi chưa? Còn nhớ buổi đầu ra sao chứ? Mình cứng đơ ngồi trên chiếc nệm, nắm chặt lấy tay bánh; bạn chăm chú nghĩ tới cử động sắp làm, loay hoay tới nỗi máy kẹt, không chạy được nữa. Tại sao thần kinh bạn căng thẳng như vậy? Tại bạn không vững bụng, sợ có một cử động nào vụng về trước mặt người dạy lái

xe. Nếu người này thông minh thì tức đã bảo bạn: "Cứ ngồi cho thoải mái, đừng nắm chặt cái tay bánh, cứ bình tĩnh thở, với lại tôi ngồi bên cạnh mà ngại cái gì?"

Nhiều người cũng mắm môi mắm lợi lái cuộc đời họ như bạn lái xe hơi hồi đó. Tại sao? Tại sao họ sợ. Sợ những nỗi khó khăn nó xảy ra hoài (phần nhiều là bất thần), sợ lầm lẫn, sợ thất bại. Họ có tham vọng muốn làm cái gì cũng hoàn hảo,

mà chỉ tin ở sức mình thôi. Họ không chịu tự nhận là kẻ tập sự, học nghề, nên không tự phó thác cho một "hướng dẫn viên". Tinh thần họ căng thẳng, môi họ mím lại, mắt họ ngó trừng trừng, tư thế họ cứng đơ, cử chỉ họ vụng về. Những kẻ khốn khổ đó hầu hết là nạn nhân một nền giáo dục gia đình lầm lẫn: ngay từ hồi nhỏ, cha mẹ họ đã nhồi vào óc họ rằng hễ có nghị lực là làm được những việc oanh liệt, mà quên không dạy cho họ điều

cốt yếu này: biết tin cậy vào "hướng dẫn viên".

Nhưng hướng dẫn viên đó là ai?

Ở gần Bắc Cực và Nam Cực, có những tảng băng lớn vô cùng, nổi lềnh bềnh trên biển, người ta gọi là băng đảo (iceberg). Những tảng băng đó chỉ có một phần nhỏ nổi trên mặt nước, còn phần lớn chìm ở dưới. Con người cũng vậy, có một phần ý thức hiện ra ngoài và một phần vô thức không hiện

ra: tôi gọi phần trên là hiện thức, phần dưới là tiềm thức. Cái "ngã" tự ti, cái "ngã" hiện thức chỉ là một phần nhỏ của toàn thể cái "ngã". So sánh cái "ngã" của ta với một cây thì phần hiện thức của cây, cành và lá còn phần tiềm thức là rễ ăn sâu ở dưới đất. Chính phần tiềm thức này chứa và phân phối các sinh lực của ta. Chính nó phát ra cái mà ta gọi là bản năng, trực giác, năng lực sáng tạo; ta nằm mộng, linh cảm,

tiên tri được cũng là nhờ nó.

Nó sáng suốt hơn phần hiện thức của chúng ta. Trên đường đời ta tiến dễ dàng hơn, nếu ta tin cậy nó mà đừng day tay mắm miệng bắt ý chí của ta gắng sức quá mức (...) Các y sĩ, các nhà trị bệnh bằng tâm lí và các mục sư thường thấy các bệnh nhân hoặc tín đồ phàn nàn và hỏi như vầy: "Tôi đã gắng sức làm mà không có kết quả, tôi tuyệt vọng rồi. Biêt làm sao bây giờ?". Và luôn luôn các vị

đó đáp lại đại ý như sau: "Đừng làm gì nữa". Như vậy không có nghĩa là phải an phận, buông xuôi, mà có nghĩa là cứ tiếp tục chiến đấu bằng cách ngược hẳn lại, đừng lo lắng, co rút lại nữa, mà cứ bình thản cho gân cốt dãn ra. Nói cách khác là đừng bắt trí óc, nghị lực phải căng thẳng mà cứ hoàn toàn tin cậy ở "hướng dẫn viên" của mình và tin ở tiềm thức của mình.

Mới rồi tôi nằm mơ thấy mình sắp chết, đương hoảng

hốt, thì bỗng nghe thấy có ai bảo: "Cứ thản nhiên, đừng lo sợ". Tôi nghe lời và thấy mình như ở trên một con tàu lênh đênh trên làn nước phẳng lặng của một con sông rộng, trôi tới những miền tối tăm, bí mật, mà không sợ sệt, không đau đớn, êm như ru. Hễ nằm mơ thấy chết thì luôn luôn là một dấu hiệu sắp có sự thay đổi. Cái tiềm thức của tôi lần đó đã khuyên tôi cứ tin ở một sức mạnh lớn hơn, để mặc nó chỉ

huy đời tôi.

Làm một công việc gì, tới khi thấy bí, gắng sức hoài mà không có lối thoát, thì tôi bỏ ngay công việc đó mà làm công việc khác cho tới hết ngày. Sáng hôm sau, sự khó khăn hôm trước tự nó giải quyết xong vì trong khi cái hiện thức của tôi ngủ thì cái tiềm thức của tôi vẫn tiếp tục làm việc. Trong đời tôi, mỗi lần gặp một vấn đề đặc biệt gai góc nào, tôi cũng dùng phương pháp đó (tôi phải thú

thực rằng tôi phải khó nhọc mới tập áp dụng nó được): sau một thời gian suy nghĩ, tôi quyết tâm bỏ mặc nó, không thắc mắc về nó nữa. Như vậy không có nghĩa rằng tôi "xô lùi" vấn đề lại, để có ảo tưởng rằng mọi sự đã được giải quyết thỏa đáng; trái lại tôi nhận ra rằng tôi không thể giải quyết được nó bằng những phương tiện của tôi, và tôi giao vấn đề cho "hướng dẫn viên" của tôi. Thế là tôi được bình tĩnh và đó là bước

đầu tiên tiến tới giải pháp được rồi, vì có bình tĩnh thì mới sẵn sàng nhận được sự giúp đỡ của người khác hay của hoàn cảnh.

Khi tôi bảo rằng "tiềm thức" có thể giúp đỡ ta được là tôi nói theo tâm lí học. Xét theo một khía cạnh khác thì có thể gọi sức mạnh đó là thần phù hộ cho mình, là Thượng Đế; nhưng thượng đế và tiềm thức không hoàn toàn như nhau, (...)

Trong đạo Phật, có một phái gọi là Thiền. Không thể giảng

cho bạn hiểu trong vài hàng thế nào là thiền được, nhưng tôi xin kể chuyện dưới đây để bạn có một khái nệm về thiền. Trong một cuộc thi bắn cung, một người u thấy một bậc thầy trong thiền môn giương một cây cung rất lớn và nặng. Vì quen dùng sức mạnh của bắp thịt, người u đó ngạc nhiên rằng nhà tu hành giương cung sao mà dễ dàng thế. Nhà tu hành bảo: "Ông thử nắn bắp thịt ở cánh tay tôi mà xem". Bắp thịt hoàn toàn mềm

như thường, cơ hồ không vận dụng tới. Mũi tên nhẹ nhàng phóng ra, bay rất xa mà nhà tu hành không mệt sức chút nào cả. Theo đạo thiền, nghệ thuật bắn cung là nhận định cho đúng cái đích phải nhắm, tưởng tượng trước trong óc rằng mũi tên bay trúng đích, rồi thản nhiên để cho cái sức ở nội tâm giúp cánh tay của mình.

Yêu Đời

Một vị độc giả mới bảo tôi rằng trong những bài của tôi,

ông ta thương hại cho tôi vì tôi coi đời sống là quá nghiêm trang, như vậy thì không thể hưởng đời được. Tôi xin phép ghi lại dưới đây một cuộc đối thoại giữa tôi và ông ấy.

Tôi: Vậy ông cho rằng tôi là một kẻ không thể hưởng đời ư? Hay là ông muốn bảo rằng tôi không hưởng được đời của tôi?

Ông ấy: Hưởng đời với hưởng đời của bà thì khác nhau chỗ nào?

Tôi: Xin ông giảng cho tôi

nghe thế nào là hưởng đời đã.

Ông ấy: Dễ hiểu mà. Tôi đoán rằng bà kiếm được đủ tiền để có thể đi du lịch được...

Tôi: Xin ông cứ nói tiếp!

Ông ấy: Vậy, nếu bà biết hưởng đời thì bà sẽ đi du lịch và trong khi du lịch, bà sẽ vui vẻ sống mà chẳng thắc mắc về những vấn đề nghiêm trọng đó.

Tôi: Vậy thì tôi sẽ làm gì những khi không đi du lịch?

Ông ấy: Bà sẽ lập một thời khắc biểu tùy theo sở thích: làm

việc vừa phải, tiếp bạn bè, đi dạo phố, thăm bạn, coi hát, mặc đẹp, ăn ngon, v...v...

Tôi: Nhưng nếu tôi cho như vầy mới là hưởng đời: là cô tình nhân của một ông chủ mỏ dầu lửa giàu sụ, hoặc của một ông hoàng Ba Tư, có một chiếc du thuyền lộng lẫy, chẳng phải mó tay vào một việc gì? Ông nghĩ sao? Ông cho rằng cái đó không hợp với thị hiếu của tôi chăng? Tại sao lại không?

Ông ấy: Tôi muốn nói rằng

có những thị hiếu có thể thỏa mãn được mà không tốn tiền như vậy. Tôi: Thế nhưng nếu những thứ vui mà ông đã kể cho tôi đó không hợp với tôi thì sao? Và nếu cái thú vui nhất của tôi là cứ ngồi ở nhà và suy tư, giải quyết một số vấn đề để giúp người, giúp đời thì sao?

Ông ấy: Thì như tôi đã nói, cảnh của bà thật đáng thương vì quả thực là bà không biết hưởng đời.

Tôi: Thật là tội nghiệp cho

tôi!... Nhưng ông không nghĩ rằng mỗi người hiểu tiếng "hưởng đời" theo một nghĩa ư? Một chàng trai thích tán gái thì cho hưởng đời là chinh phục được nhiều đàn bà; một con người sành ăn hưởng đời là được ăn ở những nhà hàng danh tiếng nhất; một chú tiểu tư sản trí óc hẹp hòi cho hưởng đời là sống yên ổn, dễ chịu, êm ấm, v.v... Tôi thì tôi cho hưởng đời là suy nghĩ, tìm ý, đọc những tác phẩm khó và cao,

làm việc và thỉnh thoảng nằm dài dưới ánh nắng.

Ông ấy: Bà mới nói: "Nằm dài dưới ánh nắng!"! Nhờ trời, ít nhất cũng đã đồng ý với nhau về một điểm rồi.

Tôi: Ông, tôi, và tất cả những người khác, có nhiều điểm chung với nhau lắm chứ. Hết thảy chúng ta đều ước ao được khỏe mạnh, không đau ốm, khỏi phải lo thiếu thốn tiền bạc, khỏi bị cái nạn chiến tranh, không có những người hàng

xóm độc ác, những đứa con hư hỏng, những đam mê xót xa. Chúng ta ước ao không bị cái nỗi thống khổ về xã hội và tinh thần của thời đại, nghĩa là những người ở chung quanh ta. Tránh được những bất mãn đó thì chúng ta có thể hưởng đời của mình rồi.

Ông ấy: Tôi không hiểu tiếng "hưởng đời" theo cái nghĩa như vậy. Có thể vẫn lo lắng mà vẫn hưởng đời được.

Tôi: Nhưng nếu, trừ được

những nỗi lo của mình - nghĩa là khỏi bận lòng về nó - mà vẫn không thoát khỏi nỗi thống khổ của những người ở chung quanh ta? Nếu chúng ta không thể bế mòn, không tiếp xúc với người khác? Nếu, đúng cái sắp sửa đi du lịch ngoạn cảnh thì ta hay tin có một người đang bị bệnh nặng, không có tiền để nhờ y sĩ giải phẫu? Nếu đúng lúc mình muốn ăn một bữa ngon thì sực nhớ rằng có người đói khát, vẻ mặt tiêu tụy, những

người đã nhìn thấy mặt mà không biết tên? Và nếu những ý nghĩ đó biến thành tình cảm mãnh liệt tới nỗi lương tâm ta bứt rứt, buộc ta phải làm cái gì để cứu giúp những người đó, thì sao?

Ông ấy: Nhưng ai mà có thể suốt đời chỉ nghĩ tới người khác được!

Tôi: Phải. Nhưng cái bi thảm của xã hội là mỗi người không muốn giúp đỡ người khác mà chỉ muốn quơ về phần mình hết

những thú vui mình có thể hưởng được.

Ông ấy: Đúng. Nhưng chúng ta có thể hưởng phần vui của mình mà không làm thiệt người khác

Tôi: Đồng ý.

Ông ấy: Đó, bà thấy không?

Tôi: Nhưng nếu tôi không thể hưởng vui một mình được thì sao?

Ông ấy: Thì như tôi đã nói, tôi thương hại cho bà.

Tôi: Cảm ơn ông. Nhưng

này, tôi xin hỏi ông: Ông có cho rằng "hưởng đời" đồng nghĩa với "yêu đời" không?

Ông ấy: Dĩ nhiên rồi: thái độ này là hậu quả của thái độ kia. Tôi: Tôi mạn phép ông, xin được nghi ngờ điều đó. Có thể yêu đời mà không hưởng đời, và có thể hưởng đời mà không thật sự yêu đời. Chắc ông cho là vô lý?

Ông ấy: Xin bà giảng cho rõ.

Tôi: Chắc ông cũng đã thấy những người sống mà lúc nào

cũng thắc mắc về người khác và về cái chết chứ.

Ông ấy: Trời đất! Bây giờ thì tôi thấy rõ rằng bà không thể hưởng đời một chút xíu nào hết. Phải bà muốn nói...

Tôi: Xin ông kiên nhẫn một chút, nghĩ tới cái chết, tức là sống mà luôn luôn muốn hỏi mục đích của cuộc sống là gì.

Ông ấy: Nhưng nhất định không phải là để cho đời sống trôi qua mà không yêu nó, không hưởng nó.

Tôi: Điều cần biết là muốn hưởng đời có thực là yêu đời hay không. Tôi không bảo rằng phải chối bỏ một cuộc vui khi nó xảy tới. Thái độ chế dục, khổ hạnh một cách ương ngạnh đó chỉ là một thái độ bạc bẽo, ưu uất. Nhưng tôi cho rằng người nào cũng theo quy tắc sống thì phải hưởng đời là người đó chỉ ở bên cạnh đời sống thôi.

Ông ấy: Phải, cái gì cũng có giới hạn. Không ai có thể hưởng lạc được, ai cũng có những lúc

phải lo lắng.

Tôi: Vấn đề không phải ở đó. Tôi muốn xét cái thái độ căn bản của chúng ta đối với đời sống. Hoặc chúng ta ao ước đời sẽ cho chúng ta rất nhiều thú vui, để rồi mà thất vọng khi thấy đời không được như ý; hoặc chúng ta nhận trước rằng đời cũng có những khó khăn, đau khổ. Yêu đời chẳng phải là yêu cái bề vui của đời, mà yêu tất cả các khía cạnh của đời, cũng như yêu ai, không phải chỉ là

vui khi người đó vui vẻ, dễ thương mà là yêu tất cả những tật xấu cùng đức tốt của người đó, như một toàn thể không thể chia ra từng phần được.

Ông ấy: Phải, thật đáng buồn, phải thích ứng với tất cả những bất mãn, không làm sao tránh cho hết được.

Tôi: Ông cố ý không chịu hiểu tôi! Xin ông nghe kĩ rồi trả lời tôi nghe này. Có hai người muốn đi thăm nước Ý. Một người chỉ dừng lại ở những thị

trấn lớn, ghé những khách sạn sang nhất, ăn tại những nhà hàng danh tiếng nhất, làm quen với những người trong giới thượng lưu La Mã. Còn người kia đi bộ vào những làng hẻo lánh, sống chung với dân quê và những người nghèo khổ, chuyện trò với thợ thuyền và nếu ngẫu nhiên có một phú gia nào mời về chơi, đãi một bữa tiệc ngon thì cũng không từ chối. Tôi hỏi ông, người nào sẽ biết nhiều về nước Ý và yêu

nước Ý hơn cả?

Ông ấy: Như vậy thì ít nhất bà cũng đã có một lần nhận một lời mời tiệc cưới của một phú gia rồi! Theo tôi, muốn biết một xứ nào thì cũng phải biết tất cả những thú vui ở đó.

Tôi: Nhưng muốn biết xứ nào thì không nên chỉ lại xứ đó để tìm những thú vui rồi hễ gặp một điều gì bất mãn thì căn nhằn. Ông biết câu tục ngữ Anh này không? "you can't have the cake and eat it" (không thể vừa

dành cái bánh, vừa ăn nó được). Chỉ có thể hoặc ăn nó, hoặc để dành nó. Dĩ nhiên, ông có thể không ăn nó, mà chỉ nhấm nháp mấy hạt nho khô trên cái bánh, nhưng nho khô không phải là cái bánh, và chỉ ăn nho không thì không biết được hương vị cái bánh. Nhưng thôi, đừng ví von nữa... Ông đã trách tôi, đúng hơn là đã thương hại cho tôi rằng không biết hưởng đời. Tôi sẽ đáp ông rằng tôi yêu đời thiết tha, yêu mọi

hình thức của cuộc sống, mọi sinh vật, tới nỗi tôi không thể tự tách rời cuộc sống và chỉ hưởng một mình những cái vui của cuộc sống.(...)

Ông ấy: Rốt cuộc thì chẳng qua là vấn đề tùy thích. Tôi thì tôi chỉ thích cái phần vui của đời. Có lẽ cũng là vấn đề tính khí của từng người, hoặc là hậu quả những kinh nghiệm trong đời sống của từng người. Có lẽ phải cần chút hùng tâm mới yêu đời được cả những khi mình

thấy nó bi đát và tàn nhẫn. Nhưng riêng phần tôi thì cho tới bây giờ, tôi đã nhón được những hạt nho khô của đời tôi rồi.

Tôi: Tôi biết trả lời ông ra sao đây? Thôi chỉ xin chúc ông đừng kiếm thêm được hạt nho khô nào nữa để tập biết hương vị của chiếc bánh.

Lòng biết ơn

Nhiều đứa trẻ không biết cám ơn người cho quà. Tại sao vậy? Thái độ khiêu khích đó

không phải là vô cớ.

Tôi còn nhớ chuyện xảy ra khi tôi còn nhỏ: ba má cho tôi đồ chơi, tôi nhớ đâu như một trái banh, rồi đứng yên chăm chú nhìn tôi, đợi tôi ngỏ lời cám ơn. Thấy vẻ nhìn đó tôi không sao thốt lời cảm ơn cho được. Sau cùng, dằn không nổi, ba tôi nói: "Vậy thì thôi, trả trái banh đi!". Tôi làm thinh, trả lại trái banh. Lớn lên khi có con, không bao giờ tôi buộc chúng phải cảm ơn tôi. Nhìn thấy

niềm vui trong mắt chúng, thấy chúng vồ lấy món quà, tôi mãn nguyện rồi, như vậy là chúng cảm ơn tôi rồi. Cha mẹ yêu con, cho con món gì, mà con yêu lại cha mẹ, như vậy mới thực sự là cảm ơn cha mẹ. Tôi lại nghĩ rằng cha mẹ có bổn phận tặng quà cho trẻ - nhưng tiếng "bổn phận" tôi dùng đây có đúng không, gây niềm vui cho người khác thì sao gọi là bổn phận được? Tôi không dạy con tôi mà chúng tự biết cảm

ơn, vì tôi làm gương cho chúng: mỗi lần chúng giúp tôi được một việc nhỏ nhặt nào, tôi cũng không bao giờ quên cảm ơn chúng.

Miệng nói cảm ơn, không nhất định trong lòng phải mang ơn. Người lớn nào hơi có giáo dục cũng nói "cảm ơn" mỗi ngày cả chục lần, như một cái máy, mà không tự hỏi tiếng đó có nghĩa gì. Nói cảm ơn là để tỏ lòng biết ơn của mình. Mà biết ơn là "nhớ" cái ơn mình đã

nhận được. "Tôi cảm ơn anh" có nghĩa là "Tôi sẽ nhớ rằng anh đã giúp tôi", tức là ngầm chứa cái ý rằng "Khi nào anh túng bấn, tôi sẽ nghĩ tới anh". Dĩ nhiên, phải phân biệt những ân huệ lớn và những giúp đỡ lặt vặt, và khi ta cảm ơn ai đã giúp ta xỏ tay vào chiếc áo thì không có nghĩa là ta phải chịu ơn người đó suốt đời.

Nhưng từ cái cử chỉ lễ độ xã giao đó tới cái việc mạo hiểm cứu vớt một người sắp chết

đuối, còn có biết bao ân huệ khác. Một kinh nghiệm đáng buồn nhất là kinh nghiệm này: loài người rất ít khi nhơ ơn lắm, chính ta cũng vậy chứ đừng nói chi ai. Hết thảy chúng ta đều dễ quên ơn người khác. Tại sao vậy? Có phải tại ta bực mình khi nghĩ rằng mình sẽ phải đáp ơn người ta không? Không. Không phải vậy. Không nhất thiết là vậy. Bạn có lần nào muốn trả lại một món quà tặng không, mặc dù bạn thích nó?

Tại sao vậy? Tại người đó đã miễn cưỡng tặng bạn, hoặc có vẻ khoe rằng đã làm được một kỳ công; hoặc tại bạn thấy rõ rệt rằng người đó muốn cho bạn mang ơn, muốn mua chuộc bạn vì mục đích gì đó; hoặc tại người đó muốn khoe trước mặt mọi người rằng mình rộng lượng, cao cả, hoặc tại người đó muốn đóng cái vai Mạnh Thường Quân, và làm cho thỏa mãn lòng tự cao tự đại của mình, cho bạn thấy rằng bạn

kém xa họ về của cải, quyền uy, tóm lại, là tại người đó tặng bạn không phải vì yêu mến bạn. Nếu không vì yêu mà tặng thì chẳng đáng quý một chút nào cả.

Ở Pháp cũng như Đức và Anh gần như không còn những kẻ ăn mày. Các người ngèo cũng như các ông già bà cả không nơi nương tựa được các viện tế bần hay dưỡng lão đón về nuôi. Nhưng ở Ý - xứ hiện nay tôi đương ở (cũng như

nhiều xứ khác trên thế giới) - vẫn còn hạng hành khất.

Mới rồi, ở La Mã, tôi đã đứng ngó một lúc lâu một người ăn mày và những khách qua đường. Mới đầu tôi thấy một cặp vợ chồng ngoại quốc nọ rõ ràng là rất sang trọng, đi ngang qua: người chồng móc trong túi ra một đồng tiền chìa cho bà lão ăn mày, mà vẫn tiếp tục với vợ, cũng chẳng quay lại ngó bà lão nữa; đi khỏi được vài bước, ông ta liệng điếu thuốc mới hút hết

một nửa. Bà lão lầm bầm cảm ơn. Rồi tới một nữ tu đứng tuổi, móc trong xắc ra một khúc bánh nhỏ, chìa cho bà lão, vẻ nhìn nghiêm khắc, rõ ràng là muốn mắng vào mặt: "Này, ta cho mụ này, không phải vì thương mụ đâu mà chỉ vì chúa Ki Tô đã dạy ta phải làm phước, thế thôi, vì thực tình ta khinh những kẻ như mụ, làm biếng nên mới phải nghèo khổ như vậy, đừng nên trách ai cả." Bà lão ăn mày cũng lầm bầm

cảm ơn, nhưng khi nữ tu sĩ quay lưng đi thì bà lườm, nguýt, tỏ vẻ ghét lắm, mà tôi, cũng không ưa gì nữ tu sĩ đó. Rồi tới một ông gí một tấm giấy bạc vào tay bà lão mà không nhìn bà ta, và vội vàng bước đi, như thể xấu hổ vì thái độ bất lịch sự của mình. Tấm giấy bạc nhỏ nhất của Ý thời đó là 500 lire, ông ta không thể cho một tấm nhỏ hơn được, mà coi nét mặt đó, y phục của ông ta rõ ràng là một người Ý, tức biết số tiền

ông bố thí lơn ra sao. Bà lão ăn mày thản nhiên nhét tấm giấy bạc vào túi và cũng cảm ơn lí nhí trong miệng, như đã cám ơn người trước, không tỏ vẻ gì nhã nhặn hơn.

Rồi tới một bà đứng tuổi, ống chân nổi đầy những đường tĩnh mạch, tay cầm một cái xắc, coi có vẻ là một người gác cổng. Bà ta dừng lại bên cạnh bà lão hành khất, nói chuyện vài câu về thời tiết thay đổi bất thường, nóng nực quá chừng, và hỏi bà

lão đứng hoài như vậy có mệt không, sao không ngồi xuống cái tường thấp ở bên cạnh, lại tâm sự thêm rằng bà ta thì đứng lâu như vậy không sao chịu nổi vì chân đau. Vừa hỏi chuyện, bà ta vừa kín đáo bỏ một đồng tiền vào túi bà lão ăn mày và mặt bà này mất hẳn vẻ lãnh đạm, nhăn nhó mà tươi hẳn lên, linh động lên, như vậy thì bà lão được đối xử như một con người, được đặt ngang hàng với người bố thí, cả hai cùng gặp

nhau ở một cảnh ngộ chung, cảnh đau khổ hằng ngày.

Những người giúp đỡ ta thường có thái độ tự cao tự đại đối với ta, chính vì vậy mà chúng ta khó cảm ơn họ, khó mang ơn họ được. Một người giúp đỡ ta mà chỉ muốn tỏ rằng họ hơn ta, thì phỏng ta có thích không? Ta bắt buộc phải cảm ơn họ, nhưng chỉ cảm ơn ngoài miệng, chứ đâu có ghi ơn trong lòng. Vì vậy mà người ngèo thích được chính quyền trợ cấp

hơn là được tư nhân giúp đỡ. Được chính quyền hoặc một hội vô danh nào cưu mang thì họ khỏi phải tỏ lòng biết ơn.

Vì vậy chúng ta phải học kĩ cách cho và cách nhận. Mà theo tôi học cách cho dễ hơn là cách nhận. Chỉ một kẻ nào sa đọa quá đỗi trên phương diện xã hội cũng như tinh thần mới thản nhiên sống nhờ của bố thí dù bị khinh bỉ, miễn có tiền đút túi, có cái gì đút miệng. Còn như chúng ta, có thiếu thốn tới

mức nào thì cũng vẫn còn lòng tự ái, không muốn nhận sự giúp đỡ của ai, dù là tiền bạc hoặc một lời gửi gấm, một lời khuyên. Nhận của người khác tức là thú nhận rằng mình không có gì. Nhưng tại sao lại xấu hổ chứ? Tại sao không tự nhận mình quả thực "nghèo" và phải nhờ cậy người khác? Rồi biết đâu chừng, chẳng có lúc mình sẽ "giàu", cho lại người khác? Xét theo khía cạnh đó thì ai cũng phải giúp đỡ lẫn nhau

do đó, đều phải tỏ lòng mang ơn lẫn nhau.

Có nhiều truyện cho trẻ em, viết về các loại vật biết ơn. Chẳng hạn chuyện một người nọ đi đường hoặc một con vật mắc bẫy. Con vật năn nỉ: "Ông ơi, ông cứu tôi với rồi tôi sẽ đáp lại ơn ông. Khi gặp một nỗi khó khăn nào, ông cứ kêu tên tôi, tôi sẽ tới." Có gì chứng tỏ rằng con vật đó sau này sẽ giữ đúng lời hứa không? Mà người đó cũng vẫn cứu nó, chỉ vì thương

hại nó thôi chứ không mảy may mong được nó giúp lại. Đôi khi truyện kết thúc như vầy: người đó cứu con vật, sau đó báo ơn, chỉ cho một kho tàng quý báu, người đó khiêng về nhà, hóa ra giàu lớn; anh em thấy vậy ghen ghét, cũng đi tìm con vật, cũng cứu sống nó, và đòi nó phải báo đáp cho mình ngay, nhưng nó không báo đáp.

Tại sao vậy? Tại việc cứu giúp không phải là việc gửi tiền ở ngân hàng, không có nghĩa là

"có đi có lại". Một ân huệ chỉ có giá trị khi ta không ấp ủ một ẩn ý gì cả và chỉ người nào làm ơn mà không có ẩn ý gì thì mới có thể được báo đáp. Mà những người đó lại không bao giờ mong được báo đáp, họ vì tình thương mà cứu giúp, thế thôi.

Hình thức đẹp nhất của mọi sự biết ơn là yên ân nhân của mình. Ta không cảm cái ơn người đó ban cho ta bằng cảm tâm lòng thương yêu người đó đã tỏ với ta.

Làm Thinh

Bà nội tôi, tuy quê mùa mà rất sáng suốt và mộ đạo, thường nói câu này từ hồi nhỏ tới nay tôi vẫn còn nhớ: "Đừng nói tào lao mà xuống âm phủ sẽ bị tội đấy".

Thốt một lời đả kích, độc ác, bậy bạ hoặc bại hoại thì, ngay trong đời ta, sớm muộn gì cũng có lúc phải đền tội; điều đó không còn nghi ngờ gì nữa mà ai cũng có lần trải qua rồi. Chúng ta cũng lại biết rằng

chúng ta có thể mang tội làm thinh, không thốt ra một lời an ủi hoặc tha thứ kẻ khác - vì ngại ngùng hay xấu bụng - hoặc hèn nhát, vì không dám nói ra sự thực. Còn như tào lao mà cũng là mang tội thì điều đó chúng ta khó hiểu được: trong đời, ai chẳng có lúc nói chuyện phiếm, đó gần như là một nhu cầu của con người, để xả hơi sau khi tinh thần bị căng thẳng, để được phóng túng một chút sau khi bị gò bó vào kỉ luật. Xét theo khía

cạnh đó, thì không có câu chuyện nào thật là tào lao, vô ích cả, vì chính cái vô ích cũng có lí do tồn tại.

Tuy nhiên vẫn có cái gì ở trong thâm tâm ta phản đối lời nhận xét như trên. Cái gì đó chính là "lương tâm" của ta. Chúng ta còn nhớ đã nhiều lần tự nhủ: "Giá lần đó mình làm thinh có phải hơn không. Cần gì phải thổ lộ nỗi lòng bí ẩn của mình một cách vô ích như vậy? Cần gì mà phải tiết lộ tâm sự đó

ra? Tại sao mình lại nổi giận, thốt ra những lời ác ý đó? Tại sao mình kể lại những lời đồn của thiên hạ như vậy? Rõ là cái thói ngồi lê đôi mách. Sao mình không giữ miệng mà lại mạt sát người ta tàn nhẫn như vậy, vu oan cho người ta một cách bỉ ổi như vậy? Sao không tự chủ được mà thốt ra lời nịnh bợ ngu ngốc đó, lời dối trá đó? Sao mình có thể đê mạt như vậy?"

Phải, làm sao lại có thể như vậy được? Hầu hết chúng ta

đều có cái tật ngồi lê đôi mép, nên tự thú như vậy đi mặc dầu lời thú không làm cho ta vui gì. Đàn ông cũng có tật đó, dĩ nhiên, nhưng nặng nhất là đàn bà. Chúng ta không thể giữ miệng được. Thường thì tính thích ngồi lê đôi mép không phải là do một tình cảm xấu xa; trái lại, nó tỏ rằng ta chú ý tới người khác và biết tại sao họ lại như vậy. Thế là biết được chút gì về người nào đó, chúng ta ngây thơ nói hết cho người

khác nghe; những điều chỉ mới đoán phỏng chừng thì ta cho là có thể có được lắm, và những điều mới chỉ có thể có được thì ta cho là chắc chắn rồi không còn nghi ngờ gì nữa, mà quên không nghĩ rằng những người nghe ta kể lại cho người khác nữa, cứ mỗi lần lại thêm bớt một chút mà thêm toàn những điều xấu thôi, mới là tai hại chứ!

Về điểm đó một giáo sư đại học Munich đã thí nghiệm như

sau: Ông mời mười người lại phòng ông, rồi bảo chín người ra ngoài, chỉ giữ một người thôi, và kể cho người này nghe câu chuyện dưới đây:

Một nhà tu hành khổ hạnh nọ được người đời khen là bậc thánh, một hôm tới một làng. Hay tin đó, một người đàn bà vội vã đi đón ông về nghỉ ở nhà mình. Trong lúc thím ta vắng nhà, một đứa con của thím té xuống giếng. Thím đón được vị khách quý về, định tiếp đãi thật

trịnh trọng. Thấy con mình đã té xuống giếng, thím lấy chiếc mền phủ lên mặt giếng, rồi mời vị tu hành dùng bữa. Ăn xong vị tu hành bảo thím: "Chị dắt đứa con của chị lại tôi ban phước cho nó". Thím bèn dắt nhà tu hành lại giếng, kéo chiếc mền thì thấy đứa nhỏ đương ngồi chơi trên mặt nước. Vị thánh bảo đem dây thừng kéo lên. Nó đưa ngón tay đón người cứu sống nó và bảo: "Ông này luôn ở bên cạnh tôi trong giếng và

giúp đỡ tôi ngồi trên mặt nước."

Đó, câu chuyện là như vậy.

Giáo sư gọi một trong số chín người ở ngoài vô và bảo người đầu tiên kể lại câu chuyện cho người đó nghe. Lần này chuyện đã thay đổi một chút rồi. Người đàn bà trong chuyện đã trở thành một "quả phụ". Tại sao lại là một quả phụ? Chuyện có nói gì tới quả phụ đâu. Lần lượt tám người ở ngoài được kêu vào, từng người một để nghe người trước kể lại chuyện, rồi khi

nghe xong lại kể lại cho người sau. Những người đã kể xong chuyện được phép ở lại dự cuộc thí nghiệm đó và ngạc nhiên nhận thấy chuyện lại thay đổi một chút. Người thứ nhì cho người đàn bà trong chuyện là một quả phụ. Người thứ ba thì quả phụ đó trở thành quả phụ xồn xồn, tới người thứ tư thì thành một quả phụ già và rất giàu có. Chiếc mền phủ trên mặt giếng thành nắp giếng. Nhà tu hành một khác viễn phương

tìm chỗ tá túc, và cứ như vậy rốt cuộc lại thêm một người khách viễn phương nữa thành hai. Và, đây là lời thuật lại của người thứ mười:

Một người khách viễn phương, một hôm lại một làng nọ tìm chỗ tá túc. Một quả phụ rất giàu có mời vô nhà và dọn cho ăn. Trong bữa ăn, đứa con trai của bà té xuống giếng. Bà lấy cái nắp đậy lên miệng giếng rồi mặc kệ nó. Một người khách khác vô hỏi: "Mấy đứa

con của bà đâu?" Bà ta kêu chúng lại. Người khách thứ nhì này hỏi: "Còn thiếu một đứa. Nó ở đâu?" bà ta làm thinh không đáp. Người đó bèn đi ra giếng, giở cái nắp, kéo đứa nhỏ lên.

Thí nghiệm đó được thu băng và tôi đã chép lại đúng, không hề thêm bớt. Sao, bạn nghĩ sao? Bạn có thấy rợn người khi nghĩ rằng những lời ngây thơ kể lại cho người khác nghe sẽ bi những người này, vì

kỉ tỉnh kém, mà vô tình biến đổi ra sao không? Chẳng hạn bạn kể: "Tối hôm qua tôi gặp ông X đi với một thiếu nữ xinh đẹp. Không có gì lạ, vì vợ ông ta kém nhan sắc cô đó xa!". Bạn tin chắc rằng đã gặp ông X, nhưng bạn có thể thề rằng đúng là ông ta không? Và nếu quả thực bạn thấy ông ta đi với một thiếu nữ thì cái đó nhất định là đáng nghi ông ta không? Mà nếu quả thực đáng nghi thì chuyện đó có liên quan gì đến

bạn không? Bạn kể lại chuyện đó cho người khác nghe. Sau khi qua óc và miệng mười người rồi thì rất có thể chuyện đó thành ra chuyện: "Ông có ngoại tình", rồi tới bà X, bà này tin ngay là chuyện thực. Những lời đồn thổi như vậy đủ làm cho vợ chồng người ta li dị nhau, mà kẻ chịu trách nhiệm là bạn. Có phải là những lời "tào lao" không?

Một thí dụ nữa: một người thổ lộ với bạn một nỗi kín trong

lòng, tin rằng bạn sẽ giữ kín cho. Bạn đi kể lại cho một người khác nghe, cũng lại ở đức kín đáo của người này, rốt cuộc là "bí mật" mà hóa ra "bật mí".

Các mục sư Ki Tô giáo có bổn phận giữ kín những lời thú tội của tín đồ. Vua Bohême Venceslas đệ tứ, nghi hoàng hậu có ngoại tình, bắt Thánh Jean Nespomucène phải cho mình hay những lời thú tội của hoàng hậu, Thánh không chịu cho hay, bị nhà vua cho liệng

xuống sông Moldau (vì vậy mà trên nhiều chiếc cầu, người ta khắc tượng vị thánh đó). Chúng ta không cần biết chuyện đó có thực hay chỉ là hoang đường; điều quan trọng là một vị mục sư phải thà chịu chết chứ không được tiết lộ những lời thú tội của tín đồ. Các y sĩ phải giữ bí mật nhà nghề, mà các luật sư cũng vậy. Nhưng bất kì một cá nhân nào, hễ được ai cho biết một chuyện kín thì cũng phải giữ kín cho người đó như các

mục sư, các y sĩ và luật sư, nếu không thì mắc tội bội tín, mà tội này rất nặng.

Dĩ nhiên muốn có đức kín đáo đó, cần phải là người tự chủ lắm, lại rất khiêm nhường, nhũn nhặn. Chẳng hạn, trong một bữa tiệc, bạn uống quá chén mà tửu nhập thì ngôn xuất. Có người hỏi bạn: "Ông có tin gia đình ông X đương lúng túng không, và ông X bị đưa ra tòa vì tội dụ dỗ gái vị thành niên không?". Bạn biết

đấy, nhưng đáng lẽ làm thinh thì bạn muốn tỏ ra mình biết đủ các chi tiết. Bạn không muốn có cái vẻ không biết những tin "tày trời" như vậy. May mắn thay, bạn lại biết vài chi tiết bí ẩn, thế là bạn vội vàng kể vanh vách ra, tự hào rằng mình biết nhiều, rằng mình có tài mỉa mai cay độc nữa.

Hoặc ngược lại, bạn thổ lộ cho người khác nghe niềm tâm sự đẹp đẽ nhất của bạn, chẳng hạn một mối tình mới chớm nở.

Chẳng bao lâu bạn sẽ ân hận rằng tiết lộ ra như vậy thì nỗi lòng của bạn hóa ra tầm thường rồi. Có bao nhiêu cái cần phải được giữ gìn, che phủ bằng tấm màn im lặng, hễ đụng tới, nó sẽ tiêu tan mất. Tôi đặt trên bàn viết của tôi một bức họa nhỏ: bức tự họa của Frank-Angelico, người ta bảo vậy. Trên bức đó, Angelico đặt một ngón tay lên môi. Và trong Thánh thi CXLI có câu này:

"Xin thượng đế giữ gìn cái

miệng cho con, giữ cho môi con khép lại".

Chỉ trông cậy vào tình thương

Một cảnh trên xe lửa: trước mặt tôi là hai nữ hành khách lớn tuổi, y phục lịch sự, có vẻ là hạng trung lưu hiền lương. Tới ga sau, một nữ hành khách nữa bước lên toa của chúng tôi, bà này mặc dầu đã ngoại tứ tuần mà ăn vận lòe loẹt: tóc nhuộm màu xanh xám, lòa xòa xuống vai, quần trắng chẹt, chiếu áo

pull-over màu đỏ bó sát mình, môi, móng tay, móng chân cũng bôi một màu đỏ. Rõ ra cái vẻ lố lăng, không phải con người đứng đắn, đàng hoàng. Nhưng bà ta ngồi yên đọc sách trong một góc toa, thái độ không có gì là chướng mắt, mà cũng chẳng làm phiền ai cả. Vậy mà hai bà lịch sự, hiền lương kia cũng tỏ vẻ lạnh lùng, không ưa. Tại sao vậy? Chỉ tại bà đó không giống họ, điều đó họ không sao tha thứ được.

Bạn bảo tôi cái đó vô hại, quan hệ quái gì đâu? Có thực là vô hại không? Tôi thì tôi không nghĩ vậy. Vì bạn xin tưởng tượng rằng nếu cảnh đó xảy ra ở Huê Kỳ, mà bà hành khách tới sau đó không phải chỉ ăn bận lố lăng mà thôi, còn là một phụ nữ da đen nữa. Hoặc nếu bạn là người Đức thì xin bạn nhớ lại cái thời ba chục năm trước và tưởng tượng rằng đó là một người Do Thái. Hoặc xin bạn tưởng tượng cảnh đó xảy ra

ở Công mà hai bà trung lưu hiền lương kia là người da đen còn bà thứ ba là người da trắng. Bấy nhiêu thôi cũng đủ cho bạn hoảng sợ - tôi mong như vậy nhận thấy cái nguy hại của thái độ không ưa được người khác chỉ vì người đó khác mình. Thái độ ác cảm đó không có chút gì là hợp lý cả. Nó phát sinh từ chỗ thầm kín nhất của tâm hồn con người, từ cái tiềm thức hỗn độn mà "huyết thống" cùng "bản năng" làm chủ. Chính vì

"thành kiến" không phải là những suy xét sáng suốt mà chỉ là những tình cảm mơ hồ mà mạnh mẽ rất khó diệt. Nhưng vẫn có cách chế ngự được nó.

Chúng ta trở lại cảnh đi trên xe lửa. Tại sao hai bà ác cảm với bà này? Có phải vì không ưa lối phục sức của bà này không? Vì không chấp nhận được rằng một người đàn bà không còn trẻ trung gì mà lại ăn bận lòe loẹt đập vào mắt thiên hạ như vậy, chứ không ăn bận kín đáo, nhã

nhận như mình? Chắc chắn là có một phần vì vậy. Nhưng đó không phải là nguyên nhân chính của một ác cảm mà nguồn gốc sâu vô cùng.

Ai cũng mong được người khác chấp nhận mình, tán thành mình nữa, cả khi mình có cái gì khác người. Mình thấy dễ chịu khi những người chung quanh mình có thiện cảm với mình. Nhưng khi phải đụng chạm với những người khác hoặc tập thể khác mình trong cách ở, cư xử,

thì mình thấy hoang mang. Tại sao vậy? Tại sự khác biệt của những người đó chứng tỏ rằng cái bản ngã của mình bị hạn chế; do đó mà sinh lòng ganh tị, chỉ trích, phủ nhận. Và "người khác" đó bỗng hóa ra kẻ thù của mình.

Tôi còn nhớ hồi tôi mười tuổi, đương học ở một trường làng miền thượng - bavière, thì một hôm một bạn gái ở Bắc Đức xin vô học lớp tôi. Chị ấy để tóc ngắn còn tóc của chúng

tôi thì kết thành bím dài thòng: chị ấy nói tiếng Đức rất giống giọng Phổ và hễ cô giáo hỏi thì trả lời liền, đôi khi trả lời bậy. Tóm lại chị ấy có nhiều chỗ khác chúng tôi, làm cho chúng tôi trố mắt. Ngày đầu chúng tôi phục lắm, nhưng từ ngày hôm sau, chúng tôi họp thành một khối chống lại con bé "ngoại quốc" đó. Bây giờ tôi hiểu lý do rồi, chị bạn Phổ đó lanh lợi hơn chúng tôi nhiều khiến cho chúng tôi nhận thấy mình cục

mịch, quê mùa quá. Lần đó là lần đầu tiên chúng tôi đâm ra tự nghi ngờ mình: nếu y phục cử chỉ, ngôn ngữ của chị ấy đáng khen thì y phục cử chỉ, ngôn ngữ của chúng tôi đáng chê rồi. Vài chị bạn tôi ráng tìm cách thích ứng: bắt chước giọng nói của chị đó, bỏ thổ âm của chúng tôi đi và cắt ngắn váy cho nó cao lên trên đầu gối. Nhưng hầu hết chúng tôi đều có thái độ tự vệ, thù địch. Chúng tôi có tâm trạng ghen ghét mà không

hay.

Tâm trạng đó có nhiều hình thức: mẹ cảm thấy con gái xa lánh mình, chê bỏ mình, vì chúng trang điểm, ăn bận đẹp hơn mình nhiều; cha mẹ cảm thấy mình lạc hậu vì con trai mình có những ý mới mẻ quá, chánh đảng này coi một chánh đảng khác là kẻ thù, giáo phái này cảm thấy giáo phái khác chống lại "chân lý" của mình, dân tộc này, chủng tộc này khiêu khích dân tộc khác,

chủng tộc khác chỉ vì họ không giống mình, giáo sự tầm thường muốn có học sinh giỏi, cha mẹ tầm thường thì muốn có những đứa con kiểu mẫu; sau cùng hết thảy chúng ta đều muốn kết thân với những người sẵn sàng theo ý ta, mà gạt bỏ những người bướng bỉnh.

Nhưng loài người có ai giống ai đâu, mà luật thiên nhiên đâu có diệt một loài nào để làm lợi cho các loài khác, trái lại muốn tạo ra những loài mới, cho ngày

càng đa dạng. Ai cũng có quyền giữ bản sắc của mình cho dù người khác không thích thì cũng mặc. Chúng ta phải tập thích nghi với sự đa dạng đó. Nhưng thích ứng cái nào đây?

Goethe, nhà đại minh triết Đức đã nói: "Khi thấy người khác hơn ta, muốn cho khỏi bực mình thì chỉ có cách là trông cậy vào tình thương". Tôi muốn nói thêm: "Khi thấy người khác kém ta, muốn cho khỏi tự cao tự đại thì cũng phải nhờ vào

tình thương". "Thương" đây, có nghĩa là tha thứ cho người khác cái "tội" người đó sao lại khác mình.

Muốn vậy thì làm sao? Thì phải đừng coi sự khác biệt đó là yếu tố tiêu cực. Trời sinh ra mỗi loài khác nhau, mỗi người khác nhau, không phải là gây ra sự đối địch, mà để gây sự hợp tác với nhau, tạo hạnh phúc cho nhau đồng thời vẫn giữ được cá tính của mỗi phần tử.

Như vậy thì sự đa dạng đó

chẳng phải là tuyệt diệu ư? Có những thiếu nữ duyên dáng, lại có những cô gái ế chồng, nghiêm khắc, có những bà nội trợ mập lù, lại có những cô làm kiểu mẫu thanh lịch; có những người chẳng thẳng như cây cột, lại có những người gù; có người thông minh, lại có người cục mịch, có người bảo thủ lại có người cấp tiến; có đàn ông và đàn bà, có người Hồi giáo, người Ấn giáo, Do Thái giáo, Ki Tô giáo; tóm lại cả một thế giới

trong đó mỗi người sống theo cách thức riêng của mình mà vẫn là một phần tử của một toàn thể lớn vô cùng do hóa công tạo ra, như vậy chẳng là tuyệt diệu ư? Vậy chúng ta nên tha thứ cho người khác cái độc đáo của họ và nên yêu họ chính vì họ cái độc đáo đó.

Một tật rất phổ biến: tật không chịu thua ai

Tôi nhớ đâu như nhà văn trào phúng Huê - Kì Mark Twain đã kể một câu chuyện

đại khái như dưới đây:

Bà vợ bảo ông chồng:

- Mình coi kìa, cỏ trên bãi này hớt kĩ không!

Ông chồng đáp:

- Cỏ đó phát đấy chứ.

Phát - hớt - phát hớt. Không ai chịu nhường ai và cặp đó tới bờ một cái hồ.

Bực mình quá không chịu nổi, ông chồng xô bà vợ xuống hồ. Bà vợ chới với mà còn ráng đưa bàn tay lên khỏi mặt nước, làm cử động của người hớt cỏ.

Rồi thì chìm lỉm.

Chuyện tức cười mà lại bi thảm. Tôi được nghe chuyện đó từ hồi còn nhỏ vì mỗi khi má tôi muốn bênh vực ý kiến của mình mà chống lại ý kiến của ba tôi thì ba tôi lại đem chuyện đó ra kể.

Nội điểm đó cũng đủ cho tôi thấy chuyện đó đáng ngờ rồi, vì đáng lí chính má tôi đem kể cho ba tôi thì mới phải. Chính ba tôi mới có cái thói không chịu thua ai. Với lại nội dung chuyện đó

cũng chưa đáng tin. Ông chồng và bà vợ, người nào có lý ai mà biết được? Biết đâu chừng, cỏ do bò gặm, chứ chẳng có ai bớt, cỏ do bò gặm, chứ chẳng có ai hớt hay phát gì cả. Tôi hỏi ba tôi, người đáp:

- Phát đấy chứ, nếu không thì người chồng trong chuyện đã không nói như vậy.

Hồi nhỏ tôi không thấy lời xác nhận đó kém vững cho nên tôi không thể bác được. Thế là ba tôi khỏi biện luận lúng túng

với tôi nữa, nhưng tôi vẫn chưa yên lòng, còn thắc mắc. Hôm nay tôi đem vấn đề ra xét lại.

Câu hỏi thứ nhất: cỏ trên bãi đó, được hớt hay phát, cái đó có quan trọng gì không để mà đem ra tranh luận?

Thông thường thì không. Thế thì tại sao lại tranh luận?

Nói cho thực thì cặp vợ chồng đó tranh luận đâu phải để biết chắc cỏ được cắt cách nào - cớ đó rất phụ thuộc - mà vì có những bất hòa sâu sắc hơn

nhiều.

Chính ra thì cuộc gây lộn đó có ý nghĩa như vậy.

- Mình thiếu óc nhận xét.

- Phải! Mình thì bao giờ mà chẳng hơn người!

- Sự thực như vậy!

- Đàn ông thì luôn luôn tự cao tự đại!

- Ngu xuẩn, làm tôi nổi đóa lên bây giờ!

- Tự cao tự đại, chịu không nổi!

- Hễ mở miệng ra nói là thấy

chướng tai, bảo người ta làm sao không phản đối được.

Câu hỏi thứ nhì: nhưng nếu vấn đề thực sự nghiêm trang, chẳng hạn nếu cần thiết sự thực về một việc quan trọng hoặc muốn biết về phương diện luận lí, thế nào là phải, là trái thì chúng ta có thể - đúng hơn có nên - giữ vững ý kiến của mình không?

Chẳng hạn một người bảo: "Thời đại này chiến tranh là điều không chấp nhận được";

người khác cãi lại: "Chiến tranh cần thiết và có lợi", người nào cũng có thể đưa ra những lý lẽ để bênh vực những ý kiến của mình, thì người chủ trương hòa bình kia tranh luận hoài không thắng, có nên ngừng lại và bảo: "Chúng ta đều có lí hết" không? Không vì sự đầu hàng, sự khoan dung cũng có giới hạn. Khi chúng ta đã vững tin một chân lí nào thì can đảm bênh vực nó, nếu muốn tránh tình trạng này: là mọi người đều chỉ tôn trọng

các giá trị tinh thần một cách lơ là, tương đối thôi.

Một hôm tôi nghe thấy một người nói với người đối thoại:

"Vậy thì anh cứ giữ ý kiến của anh đi, nó có đúng thì may lắm cũng chỉ đúng cho anh mà thôi!"

Người ta có thể từ chối không tranh luận vì hèn nhát hoặc làm biếng, mà cũng có thể vì tự cao, tự đại; khinh đối thủ của mình, cho rằng không cần phải tranh luận với họ làm gì,

chỉ phí công.

Điều đó chứng tỏ rằng, người ít hiếu chiến nhất chưa nhất định là người tốt nhất.

Câu hỏi thứ ba: một vợ chồng trong câu chuyện của Mark Twain có muốn bênh vực một sự thật nào không?

Không. Rõ ràng là họ chỉ muốn thắng nhau thôi, không ai chịu nhường ai, chứ không muốn tìm sự thực.

Ta thử xét phần kết thúc của câu chuyện: ông chồng xô bà

vợ xuống hồ. Tại sao vậy? Tại thấy bà vợ bướng bỉnh cãi, ông ta chịu không nổi.

Ông ta cho cái đó quan trọng lắm ư? Chúng ta, ai cũng vậy, thấy người khác cãi lại mình thì cho rằng người đó tấn công ý kiến của mình, nếu không phải là tấn công chính mình, tức như trường hợp ông chồng đó. Ông ta nghĩ rằng nếu bà vợ không chịu nhường ông thì hóa ra ông ta không hơn vợ ư, mà như vậy có thể tai hại cho cuộc đời ông.

Tóm lại, ông ta xô vợ xuống nước chỉ vì vợ bỗng nhiên không chịu tôn trọng ý kiến của ông, nghĩa là tôn trọng ông. Có nhiều người như vậy, không chịu cho ai cãi mình nếu có thể được thì liệng đối thủ xuống nước thé là xong chuyện, thế là ý kiến của họ - dù đúng dù sai - sẽ thắng.

Cái thói không chịu thua ai đó, nguyên do có khi là tại mình đánh giá mình cao quá, có khi là tại mình thiếu lòng tự tin. Vì

một người có tài đức quả thực hơn thiên hạ thì có thể nhận lỗi lầm của mình mà không sợ giảm giá trị. Và trong khi biện luận về một vấn đề quan trọng mà thấy mình không thể quyết định xem chân lí ở phía nào, phía mình hay phía người.

Với lại, nhận là mình lầm thì có gì là mất thể diện. Trái lại, vì yêu sự thật mà nhận rằng "tôi đã lầm, chính ông có lí", thái độ đó mới làm cho người ta phục mình.

Không người nào luôn luôn có lí. Không người nào hoàn toàn có lí. Mỗi người nắm được một phần chân lí vì không có vấn đề gì mà không có nhiều phương diện khác nhau. Vì vậy, trước khi tranh luận, ta phải hiểu và tôn trọng ý kiến của người đối thoại với mình.

Tôi biết một ông nọ kiến thức thực quảng bát mà khiếu nhận xét đặc biệt sắc bén, thành thử lần tranh biện nào ông ta cũng thắng. Ông bao giờ

cũng có lí, ai cũng sợ ông, tránh ông. Đúng là hạng người như tục ngữ ta nói: "Nếu chỉ có lí thôi thì có gì đâu là đáng quý".

Một hôm tôi dự cuộc tranh luận giữa hai nhà thần học danh tiếng mà một nhà là môn đệ của nhà kia. Tới lúc học trò phản đối thầy một cách mãnh liệt, thầy chua chát bênh vực thuyết của mình rồi bỗng nhiên có vẻ suy tư, bảo: "Thầy tin rằng lúc này thầy có lí, nhưng có thể rằng hai năm nữa thầy sẽ đồng

ý với em".

Ước gì ai cũng lấy chuyện đó ra làm gương.

Lòng trắc ẩn

Thấy người khác đau khổ mà ta bứt rứt trong lòng, như vậy là có lòng "trắc ẩn" và ai cũng cho lòng trắc ẩn là một đức, chẳng suy nghĩ xem nó có thực là một đức hay không. Tôi thấy nó không phải là một đức, chứng cớ tôi biết một bà nọ luôn luôn than thở cho người khác: "Bà A tội nghiệp đó, chắc

đau khổ lắm vì người đâu mà xấu xí đến thế!", "ông B nọ không bao giờ làm việc gì mà thành công, tội nghiệp!", "cô em C kiếm hoài không được một tấm chồng, rõ khổ!". Bà ta luôn luôn tỏ vẻ thương hại người khác, và tôi phải nhận rằng, bà thực sự sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Nhưng lạ lùng thay, những người được bà tỏ lòng thương xót luôn luôn muốn mau tránh mặt bà; và thấy họ vô ơn như vậy, bà lại tỏ lòng

thương hại nữa: "Tội nghiệp, họ tưởng rằng giữ kín nỗi lòng, không thổ lộ, với tôi, là có lòng tự trọng đấy! nhưng tôi sẽ làm cho họ thổ lộ vì rốt cuộc họ luôn luôn sẽ thấy cần phải thổ lộ với tôi!"

Lòng thương người của bà đó là cái gì giống thái độ người tự cho mình là trung tâm vũ trụ mà khéo che đậy. Vì tỏ vẻ thương hại người khác, bà thấy rõ rằng mình hơn người: khỏe mạnh, đẹp giàu có, thành công

hơn người. Thành thử thấy người khác đau khổ bà thích thú lạ lùng.

Không phải tôi bịa ra nhân vật đó đâu, nhân vật đó có thực. Dĩ nhiên trường hợp đó là một cực đoan, nhưng mỗi người cũng nên tự hỏi khi mình tỏ lòng thương ai thì mình thấy thích thích một chút không, thích vì mình cảm thấy hơn kẻ đó. Mà cái tình thương người khả nghi đó không thực là lòng trắc ẩn.

Thực là lòng trắc ẩn thì phải thông cảm với người khác, nghĩa là phải hiểu người khác, tực đặt mình vào tình cảnh của người tới cái mức cùng vui, cùng khổ với người được. Được như vậy thì ta có thể có thiện cảm với một người trước khi ta lãnh đạm hoặc ghét bỏ nữa.

Thiện cảm của ta có thể mạnh tới nỗi dù ở xa cũng đồng cảm với người thương: hiện tượng đó, gọi là thần giao cách cảm.

Vậy giữa lòng trắc ẩn chân thực và cái mà người ta gọi là thiện cảm, có một quan niệm mật thiết, chặt chẽ. Hễ lòng trắc ẩn dựa trên thiện cảm hoặc gợi được thiện cảm thì người ta gọi là tình thương.

Tôi xin lấy một thí dụ để độc giả hiểu rõ thái độ một người thực có lòng trắc ẩn.

Ba bà nọ ngồi coi trên truyền hình về một cảnh đói ở Ấn Độ.

Được một lát, bà thứ nhất bước ra khỏi phòng, bảo coi

những cảnh đó không chịu nổi, chính mình đã có nhiều đau khổ rồi, còn gánh thêm cái khổ của người làm chi; với lại có muốn gánh cũng không được, có phương tiện nào đâu mà cứu giúp những kẻ khốn nạn đó. Vấn đề cứu giúp đó xin để lại cho các chính khách.

Bà thứ nhì cũng đứng dậy, kí một chi phiếu gởi cho một cơ quan từ thiện quốc tế hoặc một hội truyền giáo nào đó nhờ phân phát số tiền cho các người

bị nạn đói. Làm xong bổn phận đó rồi bà ta thấy yên tâm, khỏi phải nghĩ tới nữa.

Bà thứ ba làm thinh nhưng từ hôm đó không lúc nào không bị hình ảnh những kẻ khốn khổ đó ám ảnh. Nhất là hình ảnh một bà mẹ Ấn Độ nhìn con mình chết đói làm cho bà ta đau đớn y như chính con bà chết đói vậy.

Ba bà đó thì bà nào thực sự có lòng thương người?

Bạn bảo: nhưng ai mà có thể

tự chuốc hết cả những nỗi đau khổ trên thế giới được, như vậy thì chịu sao nổi, mà còn hưởng đời sao được nữa. Vì vậy chúng ta không nên quá thắc mắc, phải tuân theo cái bản năng tự vệ rất chính đáng của mình. Nghĩ vậy chứ làm sao ta không tự hỏi mình có quyền sống sung sướng trong khi cả triệu người đương đau khổ. Sự thực thì chúng ta không thể nào tách ra khỏi nhân loại được, vì dầu muốn hay không thì đời sống cá

nhân của ta cũng liên hệ đến đời sống cá nhân của toàn thể nhân loại (nhất là với những người đồng thời với ta ở trên năm châu) thành thử dù người khác ở cách xa ta tới đâu, nỗi khổ của người đó cũng ảnh hưởng tới ta. Khi chiến tranh xảy ra dữ dội ở một nơi nào đó trên thế giới, thì chúng ta đừng nên có ảo tưởng rằng nó xa quá, chẳng liên quan gì tới mình, vì một cuộc khủng hoảng nào về chính trị cũng ảnh hưởng

tới tình trạng kinh tế trên khắp thế giới, cả ở nước ta nữa; ngày nay có nước nào là hoàn toàn độc lập về kinh tế đâu. Chúng ta nhận thấy ảnh hưởng đó trong đời sống hàng ngày: chẳng hạn giá xăng, nhớt, vật thực lên cao, mà đồng tiền thì mất giá. Mà thời này chỉ một cuộc khủng hoảng chính trị ở đâu cũng có thể gây ra một cuộc chiến làm cho cả địa cầu chìm đắm trong khói lửa. Thân phận chúng ta rõ ràng là gắn

liền với tình thế trên thế giới. Chúng ta hết thảy đều ngồi chung một chiếc thuyền có thể chìm đắm lúc nào không biết.

Không nên coi thường tình cảm đó. Không nên lúc nào cũng lo ngay ngáy sắp có một đại tai biến, mà cũng không nên an phận, đợi tới lúc nhân loại bị tiêu diệt. Trái lại, nên nhận định rằng người nọ liên kết với người kia, chịu chung một số phận, thì phải tìm một thái độ đối xử với nhau ra sao cho thích hợp. Đã

bắt buộc phải nhận rằng cái gì xảy ra trên thế giới cũng liên quan tới ta, thì chúng ta nên chia xẻ nỗi đau khổ của người khác. Đành rằng không ai có thể động lòng than khóc hoài vì tất cả nỗi khổ trên thế giới, mà như vậy cũng chẳng lợi ích cho ai. Nhưng chúng ta có thể tỏ lòng thương xót những nỗi đau khổ của một dân tộc bị cảnh bất công, một nòi giống bị hiếp đáp hoặc một giai cấp chịu cảnh khốn khổ. Và chúng ta phải yêu

người khác, giúp đỡ người tùy theo phương tiện của mình.

Khi dầu ma-dút (mazout) cảu chiếc tàu Torrey Canyon chảy lan trên mặt biển. Tiến về phía bờ biển Pháp đen ngòm, thì đa số các bà nội trợ Pháp không mua cá biển nữa mặc dầu cá bắt ở một nơi cách xa chỗ có dầu ma-dút. Tình cảnh của các người đánh cá thật nguy kịch. Một chị bạn tôi, gốc Pháp thương họ, ngày nào cũng mua giúp cho họ. Mấy đứa con

của chị không thích ăn cá biển, nhăn mặt, nhưng nghe lời mẹ, cũng vui vẻ tỏ lòng tương trợ.

Một nhà sinh vật học mới viết rằng một con ong không thể nào sống một mình được mà phải sống chung trong một ổ với những con khác. Loài người thì cũng thế.

Vậy thì lòng trắc ẩn không phải chỉ là vấn đề tình cảm, mà còn gồm cả lí trí và ý chí nữa. Một người đa cảm hễ hơi xúc động một chút là không giữ

được nước mắt. Có người trái lại, xấu hổ không muốn cho người khác thấy mình xúc động. Có thể rằng thực tình, thương ai thì nên làm thinh, làm bộ lãnh đạm, nghiêm khắc nữa, để cho người đó khỏi than thân trách phận.

Có một số người tìm mọi cách bắt chước người khác phải than thở cho tình cảnh của mình. Y như loài quạ: mới bị thương nhẹ, đã không chịu đi kiếm ăn nữa, mà đi xin ăn

những con quạ đương nuôi con; chúng há mỏ lớn ra, đứng chực một bên, đợi con quạ kia thương hại đút cho ăn rồi mới thôi. Những người có cái thói gợi lòng thương của người khác đó, cũng "con nít" như loài quạ.

Bà bạn già của tôi, bà H. Có một cách thương người mà tôi cho là đẹp nhất. Bà có một bản năng rất tài, tự đặt mình vào địa vị tâm trạng của người khác, nên biết rõ được nỗi lòng, nỗi vui khổ của bạn. Nhưng bà

cũng cảm được sâu sắc nỗi khổ của những người, những dân tộc mà bà không quen biết.

Nên làm một chú thợ may chính hiệu

Trong các truyện cổ phương Đông, ta thường thấy các vua chúa cải trang thành thường nhân vi hành trong đám dân chúng có thể hiểu rõ dân tình. Dân chúng không nhận ra được đấng chí tôn đó nhưng thấy thái độ cử chỉ phong nhã của họ đoán ra được họ có quyền cao

chức trọng chứ không phải hạng bá tỉnh.

Trong một chuyện nọ, một chú thợ may bỗng thành một ông vua, nhưng ban đêm cô vợ đẹp của chú nghe thấy chồng mình nói trong cơn mê: "Đem lại cho tôi cái thước và cái áo đương may". Thế là lộ tẩy chân tướng của chú.

Bạn đã đọc truyện của Andersen nhan đề là: Chiếc long bào mới của hoàng đế chưa? Hai tên gian xảo nọ

thuyết sao mà hoàng đế tin rằng chúng có thể tạo ra những y phục có đặc tính lạ lùng là kẻ ngu nhìn vào không thấy được. Cả đám triều thần đều hay tin chúng có tài dệt những thứ hạng kỳ diệu đó và sợ mình bị chê là ngu nên không dám thú nhận là mình chẳng nhìn thấy gì cả. Thế là mọi người hết lời khen chiếc long bào đẹp nhất trên đời, và nhà vua là người khen trước hết. Nhưng làm quái gì có long bào nào đâu. Tới một hôm nhà

vua phải dự một cuộc rước long trọng, quần chúng cũng nghe được thứ hàng kỳ dị đó, nhưng cũng chẳng ai muốn nhận thấy mình ngu. Sau cùng, một em nhỏ ở giữa đám đông la lớn lên: "Coi kìa, nhà vua trần truồng kìa!".

Mới rồi báo chí đăng tin một kẻ nọ tự xưng là mục sư Ki Tô giáo, dám lại giáo đường làm lễ nữa chứ và gạt những mục sư "chính hiệu" trong một thời gian rất lâu.

Dưới thời Hitler, tôi bị nhốt khám chung với một thiếu nữ nọ không học y khoa mà tự xưng là y sĩ và lại còn trị bệnh cho người khác nữa, cũng có bệnh khỏi. Mấy thí dụ đó cho ta thấy thái độ của những con người giả dối bịp bợm.

Thiếu nữ tự xưng là y sĩ đó, rất thông minh, muốn làm y sĩ nhưng nghèo quá, không có tiền ăn học nên mới dùng cách gian trá đó.

Còn tên mục sư giả hiệu kia,

tôi không hiểu tại sao có trò lừa gạt đó, nhưng tôi đoán rằng chắc hắn cũng thích nghề mục sư mà đã gặp một cản trở nào đó.

Ai cũng tự tạo cho mình một hình ảnh lý tưởng, nó ít khi hợp sự thật, rồi thấy mình muốn đóng cái vai mà mình muốn đóng. Thường thường hồi trẻ chúng ta hay lựa một nhân vật có thật hay trong tưởng tượng để làm kiểu mẫu, như ngày nay nhiều thanh niên lựa chọn một

nhân vật trong phim hay trong tiểu thuyết. Kiểu mẫu đó hướng dẫn chúng ta cho tới một tuổi nào đó, khi đã có một cá tính rõ rệt rồi, chúng ta không cần được hướng dẫn nữa, bỏ nó đi. Nếu kiểu mẫu tốt thì chúng ta có những hoài bão đẹp. Nhưng nếu nó cao quá, vượt xa những khả năng của ta, đòi hỏi chúng ta quá nhiều thì nhất định là tai hại cho ta. Ta sẽ thấy có hai người ở trong ta: một con người đích thực là ta mà ta lại không

muốn nhìn nhận (vì nó không đẹp, không như sở nguyện của ta), một con người nữa là con người mà chúng ta ao ước đạt được. Hai con người đó đều tác động tách biệt nhau, không biết tới nhau, thành thử ta có tới hai đời sống. Tới cái mức cực đoan thì con người ta thác loạn, bị cái bệnh "Schizophénie" (theo y khoa, thì óc những bệnh nhân đó có hai phần mâu thuẫn nhau, phần này muốn làm việc thì phần kia không; phần này muốn

tiến qua bên phải thì phần kia muốn tiến qua bên trái, v.v...). Cũng có thể xảy ra như vầy nữa: chúng ta phủ nhận một phần bản ngã, cái phần đích thực của mình mà chỉ thừa nhận cái phần kia, cái phần cao cả mình muốn đạt mà không đạt được. Các nhà thương điên đầy những kẻ tự xưng là Napoleon, là giáo hoàng, có khi tự xưng là chúa Ki Tô nữa.

Phần đông chỉ có những ước mơ vô hại, chẳng hạn muốn làm

công chúa Monaco hoặc làm hoàng tử Ba Tư. Vô hại nếu người ta chỉ mơ ước hão huyền thôi chứ không quyết tâm thực hiện, nghĩa là không dám táo bạo bịp đời làm cho thiên hạ tin rằng mình là công chúa Monaco hay hoàng tử Ba Tư thật.

Nhưng ta bỏ những trường hợp cực đoan đó đi, chỉ xét những trường hợp lừa dối nho nhỏ thôi, mà hầu hết những người bình thường, "đàng

hoàng" như bạn và tôi, đều mắc phải mà không ngờ, những lừa dối đó về phương diện pháp thuật không thành tội, nhưng trong xã hội thì vẫn là xấu xa, cho nên ta không nên coi thường nó.

Ít khi ta tự xưng là một ông vua dầu lửa, một hoàng tử hoặc một nữ minh tinh màn ảnh; nhưng ta chẳng có lần cho bồi một số tiền "cà phê" (tiền thưởng) rất lớn để tỏ rằng mình là một nhân vật quan trọng;

hoặc muốn người ta chú ý tới, chúng ta bận áo, chải tóc một cách lố lăng; hoặc muốn cho oai, chúng ta mua một chiếc xe hơi thật sang; hoặc thỉnh thoảng chêm vài tiếng ngoại ngữ để tỏ rằng mình là người học rộng biết nhiều; hoặc trong câu chuyện, nhắc khéo tên những nhân vật danh tiếng mình chỉ mới gặp một lần mà dám gọi là "ông bạn X của tôi", "chị bạn của tôi Y" hoặc ta làm lộ bí mật, lâu lâu mới thốt một lời vì

một tác giả nào đó đã bảo rằng sự ngậm miệng làm thinh gây được một ấn tượng mạnh trong số người nghe. Thí dụ nhiều vô kể, xin bạn kể tiếp cho, và lấy ngay những trường hợp của bản thân bạn thì hơn. Tôi xin lặp lại: không ai có thể tránh khỏi cái thói lừa gạt nho nhỏ đó, và nhiều khi cách lừa gạt tế nhị đến nỗi khó lòng mà lột mặt nạ được. Chẳng hạn trường hợp người ANh gọi là understatement (giảm đi, cho

thành dưới sự thực). Một nhà quí phái Anh cực giàu có mua giày mới về, cho gia nhân đi trước, tới khi cũ rồi họ mới đi, vì họ cho rằng đi giày mới, bóng loáng có vẻ tâm thường, phàm nhân lắm. Cũng vì lẽ đó, họ đi du lịch, mang theo những chiếc va-li cũ kì và những bộ quần áo đã sờn. Người ta gọi họ là "snob": (tiếng snob Anh có nghĩa khác với tiếng Snob Pháp, Snob Anh chỉ hạng người tham tiền tài chức tước, quá ngưỡng

mộ vọng bọn quyền quý, giàu sang, xum xoe, bợ đỡ họ; thấy gia đình mình tầm thường thì xấu hổ, nên muốn làm ra vẻ sang trọng, giàu có, còn Snob Pháp chỉ hạng người chuộng mốt mới.) lầm lớn, vì tiếng này có một nghĩa khác. Nhưng trường hợp đó cũng rõ ràng là một trường hợp lừa gạt vì muốn phô bày ra rằng mình tầm thường hơn, nghèo hơn, mà như vậy là muốn tỏ mình rất cao cả, cái quý phái của mình

rõ rệt quá rồi, dù có ăn bận rách rưới như tên ăn mày thì cũng chẳng giấu ai được.

Còn thái độ thấp mà muốn tỏ ra cao, nghèo mà muốn tỏ ra giàu, thì phải gọi là bịp bợm, tiếng đó nặng thật đấy, nhưng rất đúng. Mới đầu người ta còn giả đò và còn biết rằng mình giả đò, rồi dần quên rằng mình giả đò, sau cùng người ta đóng một vai hoàn toàn bịp bợm mà vẫn tin rằng mình thành thực. Nhiều người suốt đời dối trá như vậy,

do đó mà có thành ngữ: "Suốt đời nó là một cuộc bịp bợm".

Hầu hết những người nhờ họa sĩ danh tiếng ****schka vẽ chân dung cho, đều hoảng hốt khi họa sĩ vẽ xong. Vì nhìn bức họa đó họ không nhận ra được họ. Họa sĩ kiêm tâm lý gia đó nhìn thấu tâm lý họ, giễu đúng tâm lý họ, vẽ họ thành những con người dâm dật, gian tham, xảo quyệt, đau khổ hoặc tuyệt vọng.

Một phú gia Huê Kì mà tôi

quen, tỉnh tỉnh rất tốt nhưng phù phiếm, nhờ Salvodor Dali vẽ cho bức chân dung. Dali vẽ một bộ mặt láng bóng, đẹp như người trong hình quảng cáo một thứ xà bông, đầu đeo một chuỗi vỏ ốc trống rỗng. Phú gia đó đã bị lột mặt nạ, mà không hiểu ý mỉa mai của họa sĩ, khen bức chân dung đẹp lắm, giống lắm.

Trong thần thoại có chuyện, một con rồng lần đầu tiên nhìn bóng của nó chiếu trên mặt nước, thấy xấu xí quá, kinh

hoàng mà chết tức thì... Còn chúng ta thì chúng ta tránh, không dám soi gương cho tới khi một tấm gương chìa ra trước mắt ta, nghĩa là tới khi ta nổi giận đùng đùng, mới thấy được chân tướng của mình. Thấy chân tướng rồi mà vẫn chưa chịu tin chứ. Mặc dầu cũng buồn lòng vì thấy mình có những nhược điểm nho nhỏ đấy, chúng ta vẫn cho mình là con người đạo đức, trong trắng như tuyết. Những người khác

cũng tưởng rằng ta đạo đức, liêm khiết mà quý mến ta, rồi đùng một cái hay tin ta liên lụy vào một vụ động trời nào đó! Thấy ta gặp tai nạn, mọi người khoái chí mà không nghĩ rằng chưa biết chừng; một ngày nào đây, họ cũng gặp cảnh đó. CHúng ta ưa nịnh vì lời nịnh làm cho chúng ta tin rằng cái hình ảnh lí tưởng ta tự tạo ra cho ta đó đúng. Chúng ta ngu ngốc đến nỗi tin hết những lời tán tụng của thiên hạ. A, giá mà

ta nghe được những lời mà bọn người gọi là "tiểu nhân" như bồi bếp, hớt tóc, bán hàng, thư kí phê bình ta nhỉ! Có biết bao người già tâm lí trọng bọn họ đó! Họ nói xâu ta khi ta quay lưng đi và vì họ đã lột được mặt nạ gian trá của ta rồi. Nên để cho bọn họ, chức không phải bọn khéo ăn khéo nói, viết tiểu sử các ông lớn! Như vậy chúng ta được thấy biết bao cảnh lột trần tinh thần tức cười và chua chát! "Coi kìa, nhà vua trần

truồng kìa!".

Như vậy tôi không muốn nói rằng chúng ta cần tránh thói giả dối chỉ để cho khỏi bị lột mặt nạ mà thôi. Còn vì những lí do quan trọng hơn nữa. Phải tránh thói đó vì nó làm hại ta, làm sai cái bản ngã thực của ta, vì nó làm cho ta không luyện được một nhân cách riêng để thành một người chân thành, tự nhiên. Ông vua cải trang thành thường dân, nhưng dân chúng vẫn nhận ra được những nét cao quý của

ông; còn chị bạn tôi, tên là I, mỗi khi phải đi công việc gì vội, chỉ bận một chiếc quần cũ và một chiếc "pull-over" phai màu, mà vẫn được người ta coi là một bà sang trọng, vì chị quả là một người sang trọng. Trong truyện cổ tôi kể ở trên, chú thợ may để lộ chân tướng của mình trong chiếc quần ngủ; còn chúng ta thì giữa ban ngày mở mắt thao láo mà cũng để lộ chân tướng của mình nữa. Vậy chúng ta nên làm một người thợ

may "chính hiệu" còn hơn là một ông vua "giả hiệu" mà chẳng gạt được ai.

Lòng đố ky

Hai con chó ngang sức nhau, nếu một con ngoạm được một miếng thịt thì con kia thế nào cũng xông vào ráng giành cho được. Tại sao? Có phải tại đói không? Không nhất định như vậy, vì dù nó no nê nó vẫn giành giật. Nó giành không phải vì thức ăn mà vì muốn tỏ uy thế: con nào giành được con ấy

mạnh hơn.

Nếu một con chó to lớn đương gặm một khúc xương, thì một con chó nhỏ không bao giờ dám cướp lại cả. Nó gầm gừ, thèm chảy dãi ra, bực tức, đố kị lắm mà đứng yên, bất lực nhìn con kia ăn.

Trong lớp một em gái bỗng nhiên khích khuỷu tay vào bạn ngồi bên, làm cho vở em này bị lem một vết mực, mà em này thường được cô giáo khen là vở sạch sẽ, chữ viết tốt, nghĩa là

được cô cưng hơn.

Một nhà kinh doanh nhận thấy rằng một nhà nọ cạnh tranh với mình, thành công hơn mình nhiều, sanh lòng đố kị, ráng kiếm cách thắng bạn, dù phải dùng những phương tiện bất lương.

Mấy năm trước những khách dạo mát thấy một chiếc xe trẻ em do một người đàn bà đẩy trên một con đường ở sườn đồi, bỗng nhiên từ trên đồi lăn tòm xuống sông. Ai cũng tưởng là

tai nạn bất ngờ. Điều tra thì ra người đàn bà đẩy xe không phải là mẹ của đứa bé, mà là dì nó, và thím ta qua một cuộc giải phẫu không thể sanh đẻ được nữa, nên đau khổ vô cùng. Ra tòa thím ta thú rằng không thể chịu nổi cái cảnh chị mình có con mà mình suốt đời không được cái vui đó.

Mấy thí dụ đó cho ta thấy rằng sự "đố kị" có tính phức tạp, gồm cả sự tham lam dưới hình thức tích cực nhất, lẫn sự

ác tâm, ghen ghét hình thức tiêu cực. Chúng ta cũng thấy đố kị không phải chỉ là một tình cảm cá nhân mà còn là tình cảm chung của cả một đám đông. Thời Trung cổ, hạng tiện dân đố kị giới quý phái. Một dân tộc có khi tuyên chiến với một dân tộc láng giềng chỉ vì thèm những phú nguyên cùng uy tín trên thế giới của dân tộc này.

Nhưng lòng đố kị không phải luôn luôn tai hại, nó còn gây một tinh thần ganh đua, nó là

một động lực thúc đẩy ta tiến tới. Nó cũng là chất men gây những cuộc cách mạng cần thiết cho sự tiến hóa của nhân loại. Đố kị mà như vậy, không chủ tâm làm điều ác (mặc dầu vẫn cảm nhận rằng trong khi chiến đấu cho cái thiện thì phải diệt cái ác) thì có lẽ không nên gọi là đố kị mà nên coi là "ý thức về sự công bình".

Dù sao thì lòng đố kị cũng là một tình cảm nguy hại vì chỉ khi thèm khát một cái gì mà không

chiếm được nó bằng con đường chính đáng thì người ta sẽ dùng những cách gian trá, hoặc bất nghĩa. Mà nếu dùng cách này cũng không được thì người ta có thể phá hủy vật mà mình muốn chiếm, như người dì giết cháu đã kể ở trên.

Có thể bạn đã thấy những người tự cho mình là bị tước đoạt, thiệt thòi, đổ lỗi cho người khác, bảo rằng tại họ mà mình thất bại, thiếu thốn đủ thứ còn họ thì dư dả đủ thứ. Bạn bảo

tôi: "Tôi không có tính đố kị, cái đó mà liên quan gì tới tôi?".

Vâng, nói thì dễ lắm, nhưng có thực là bạn không có tính đố kị không? Chúng ta thử xét xem nào.

Bạn có lần nào nói như vậy không: "Nhà ông X đẹp thật nhưng tôi không ham vì tôi thấy nó lộng lẫy quá" - hoặc: "Bà Y đẹp thật, chỉ tiếc là bắt đầu mập rồi" - hoặc: "Chồng bà ấy có vẻ phong nhã đấy, nhưng tôi ngại rằng hạng đàn ông như vậy rất

ít khi chung thủy"...

Bạn có thực tâm nghĩ rằng những lời nhận xét như vậy hoàn toàn khách quan, không một chút ác ý, có thiện cảm là khác nữa không? Chắc là không. Tại sao lại dèm chê người khác hoặc của cải họ? Tại lòng đố kị chứ có gì đâu, đố kị mà làm bộ che giấu cho người khác khỏi thấy là đố kị.

Một câu hỏi nữa: có bao giờ bạn thấy thích chí dù chỉ là một chút thôi khi hay rằng một

người nào đó vì rủi ro mà đánh mất một vật gì không? Bạn có kín đáo hay lộ liễu đố kị người đó không?

Có thể rằng không bao giờ bạn thèm khát của cải của người khác. Nhưng khi bắt đầu về già, nhìn bọn "thanh niên đẹp đẽ khỏe mạnh" bạn có thấy nhói trong lòng không? Thấy một cặp trai gái tươi rói, yêu đời, bạn có bao giờ nghĩ bụng: "Đợi ba chục năm nữa các chú sẽ biết thế nào là già, là mập, là

gắt gỏng".

Đố kị của cải của người khác thì tương đối vô hại, vì nhiều khi mình chẳng cần giữ lòng mình của mình làm gì mà còn tự an ủi rằng một ngày nào đấy gặp may mình cũng có thể giàu có được như họ. Đố kị người khác vì họ khỏe mạnh hơn mình, đẹp đẽ trẻ trung hơn mình, có tài có tư cách hơn mình, thói đó mới thực tai hại vì mình biết rằng không khi nào có hoặc có lại được những cái đó nữa.

Tôi có một chị bạn trẻ hơn tôi, hai chúng tôi thân thiết với nhau trong một thời gian khá dài. Rồi bỗng một hôm, chẳng có một lí do gì hiển nhiên cả, chị tuyệt giao với tôi. Sau đó ít lâu tôi nhờ một thầy xem tướng chữ, so sánh những nét chữ của chị đó và của tôi, mà không cho biết chút gì về sự tuyệt giao giữa chúng tôi. Thầy tướng coi xong rồi, quả quyết: "Người đàn bà này ghen với bà". Thực vô lí, tôi có gì đâu mà chị ấy ghen, nhất

là chị ấy có nhiều lợi điểm hơn tôi chứ.

Thói ghen đó phát sinh từ hồi mới có loài người, tức như chuyện Cain ghen Abel. Người ta bảo rằng không nên coi chuyện trong Cựu Ước là những chuyện không có thực trong lịch sử nhân loại, mà chỉ nên coi là những huyền thoại diễn những quan hệ về bản thể và thân phận con người, mà như vậy thì chuyện còn có phần "đúng" hơn những biến cố lịch

sử nữa. Chuyện hai anh em ruột Cain và Abel có thể là không xảy ra thực cách đây tám hoặc tám chục ngàn năm, nhưng thời nào cũng xảy ra ở khắp nơi. Nó tiêu biểu cho cả chục trường hợp trong lịch sử. Cain ghen với Abel, Abel có một cá tính cao đẹp hơn mình và được thượng đế yêu hơn mình, và chính vì đố kị, ghen ghét mà giết Abel.

Không ai chịu tự thú rằng mình có lòng đố kị, không phải vì đố kị là một tật xấu hoặc một

tội lỗi, mà vì như vậy tức là tự thú rằng mình thua kém người, bất tài, bất mãn về chính mình, về số phận của mình. Người thật minh triết thì không đố kị ai, trái lại còn vui vẻ nữa khi thấy người khác tài giỏi hơn mình, giàu sang hơn mình.

Nhưng chúng ta đừng tưởng lầm rằng không đố kị là một việc dễ đâu. Hiểu theo một nghĩa nào đó thì không đố kị là một tình cảm tự nhiên, có phần chính đáng nữa. Khi đau ốm thì

tự nhiên ta ghen ghét những người khỏe mạnh, xấu xí thì tự nhiên ghen với những thiếu nữ đẹp đẽ; ngượng nghịu, giả dối thì ghen với những người tự nhiên, tự tin v...v... Hoàn toàn không đố kị thì mới thực là hoàn toàn yêu mọi người.

Nhưng xét về lòng đố kị thì cũng nên xét thêm một khía cạnh nữa: thái độ gây lòng đố kị của người khác.

Cách đây mấy năm, hồi ở Israel, một lần tôi được một gia

đình rất giàu có mời lại dùng bữa. Tới nơi tôi ngạc nhiên thấy bề ngoài ngôi nhà rất giản dị, có vẻ tồi tàn nữa. Vô trong nhà mới thấy lộng lẫy. Chủ nhân bảo tôi: "Chúng tôi không muốn có vẻ khiêu khích những người nghèo khổ, cái đó nguy hiểm lắm". Lí do đó thực ra chẳng cao thượng gì, nhưng thái độ đó bề gì cũng còn hơn thái độ phô trương sự giàu có như để khiêu khích người nghèo.

Không làm sao tránh được

sự đố kị của người khác, nhưng phải tránh lối phô trương của cải cùng hạnh phúc của ta để người khác khỏi so sánh mà thấy khổ; nếu không thì không khác gì ta xúi giục họ ham muốn những thứ họ không thể kiếm ra được bằng những phương tiện hợp pháp.

Tôi biết nhiều người chỉ thực sự vui sướng hưởng địa vị ưu đãi của mình khi thấy có người ghen với mình. Một người thông minh, cao thượng, hiền từ thì

trái lại, luôn luôn tỏ ra nhã nhặn, kín đáo.

Nhưng người Hi Lạp thời cổ tràn trề hạnh phúc thì thường sợ bị các thần thánh ghen với mình, nhưng tốt hơn hết là nên tỏ lòng khiêm tốn, thương những người nghèo để học đừng ghen với mình.

Một nhà động vật học đã kể lại thí nghiệm dưới đây: trong một cái chuồng nhốt hai con khỉ, cứ cách quãng đều đều, ông bỏ một miếng cho nó rớt vô

theo một cái máng dốc. Mới đầu con khỉ đực tranh hết những miếng chuối đó, còn con khỉ cái chỉ ngồi ngó, thèm thuồng lắm. Một lát sau, con khỉ đực tỏ vẻ ngần ngừ rồi lánh xa miệng máng. Con khỉ cái bèn chạy lại miệng máng và lượm hết các miếng chuối. Một lát sau, con khỉ cái cũng lại tỏ vẻ ngần ngừ rồi lánh ra xa, nhường chỗ cho con khỉ đực. Cứ như vậy mấy lần.

Thái độ ngần ngừ đó là cái

mầm của lương tâm xã hội: khi cũng như người, biết xấu hổ về địa vị ưu đãi của mình, xấu hổ vì gây lòng ghen ghét của bạn.

Các cuộc cách mạng nhân dân có mục đích tạo một xã hội không có lòng đố kị. "Tự do, Bình đẳng, Bác ái" là châm ngôn chính trị - xã hội của một cuộc cách mạng muốn diệt lòng đố kị.

Mỉm cười

Ở Huê Kì có hai tiếng "Keep smiling" để khuyên mọi người

phải giữ nụ cười. Nụ cười vốn có tính cách một cách tự nhiên, tự phát, mà tại sao lại biến nó thành một nét bất tuyệt? Sở dĩ vậy, trước hết là để tỏ rằng: dù tôi có rầu rĩ, đau khổ thì cũng không muốn để lộ cho người khác thấy; tôi phải ráng tự chủ cho được vì tôi phải tôn trọng người đối diện với tôi, chứ còn riêng tôi thì đáng kể gì đâu; tôi không bao giờ được làm phiền lòng người đó, mà trái lại phải làm cho người đó vui; giữa

người đó và tôi, phải có một không khí thoải mái, tin cậy, cái đó rất có lợi cho công việc làm ăn - lí do này không phải không quan trọng. Nụ cười còn có ý nghĩa này: tôi mỉm cười là có lí lắm, vì tôi là công dân của một nước mạnh và rất hoạt động, nhờ vậy tôi có thể làm chủ được đời sống. Nụ cười của tôi có cái ma lực thu hút sự thành công, đẩy lùi nghịch cảnh, ngăn cản những cảm xúc tiêu cực như sợ sệt, nghi ngờ, nhút nhát,

thất vọng.

Xét về phương diện tích cực thì thứ nụ cười bất biến đó biểu lộ lòng tự chủ, lòng quý mến người đối diện của mình, muốn cho người đó vui vẻ. Xét về phương diện tiêu cực thì nó là một thứ che đậy: giấu cái tâm trạng thực của mình, đàn áp những cảm xúc khác chỉ để cho sự hòa nhã, ân cần rất mực biểu lộ ra thôi.

Điều đó chứng tỏ rằng nụ cười cũng như mọi biểu lộ

khác, có một giá trị còn hồ nghi, muốn biết chân giá trị của nó thì phải xét tinh thần, tấm lòng của người mỉm cười đã.

Nụ cười có nhiều vẻ lắm: nó có thể dễ thương, rực rỡ, hiền từ, khoái hoạt, ranh mãnh, ngượng nghịu, ngọt ngào, tự đắc, khinh người, mỉa mai, chua chát, an phận, quỷ quyệt, ngớ ngẩn, ngu ngốc, tàn ác, bí mật, vân vân. Tất cả các cảm xúc của con người đều có thể biểu lộ bằng một cách nào đó: nhoẻn

miệng cười. Ngay cặp mắt cũng không diễn đạt được nhiều cảm xúc một cách chính xác như vậy.

Tại sao vậy nhỉ? Miệng là bộ phận trước hết là để ăn; đối với con người thời nguyên thủy thì ăn là việc quan trọng nhất trong đời sống. Nhờ miệng ta biết được vị của thức ăn: chua, ngọt, chát, cay và đắng, có hợp với khẩu vị của ta không. Nếm mỗi vị thì miệng ta lại có một cử động riêng. Nếu thức ăn ngọt,

ngon thì cuối mép ta lại nhếch lên, môi ta ép vào răng và ta thốt lên: "Mmm, ngon tuyệt!" Mà khi miệng cử động như vậy thì chính là ta mỉm cười. Vậy nụ cười biểu lộ sự khen, sự thỏa mãn. Nó tỏ một thái độ thân thiện, hiền từ, chấp nhận điều người khác muốn; dĩ nhiên nụ cười đó phải là nụ cười hoàn toàn thành thực, không che giấu những tình cảm khác. Chúng ta phải tập thói quen mỉm cười, phải; nhưng mỉm cười một cách

thành thục, tươi đẹp và hiền hậu như vậy kìa.

Nhưng người ta có thể mỉm cười hoài được không? Thực ra thì không thể được. Nhưng phải ráng mỉm cười cho thật nhiều, và phải noi gương những người lấy hai chữ "Keep smiling" làm quy tắc căn bản trong đời sống. Khi tâm trạng của ta không vui, không muốn mỉm cười chút nào, mà còn muốn tỏ vẻ cau có, thô lỗ, rầu rĩ, ương ngạnh, ghê tởm cho xã hội, thì chính là lúc

ta nên mỉm cười; như vậy không phải chỉ vì ta quý mến người khác mà cũng chỉ vì ta yêu chính ta nữa.

Nhưng mỉm cười như vậy chẳng phải giả dối ư, mà trong đoạn trên tôi mới khuyên phải thành thực trước hết? Phải, giả dối thực đấy, nếu chúng ta soi gương, tìm một nụ cười rồi tập tành như tập một trò ảo thuật, mà không hiểu ý nghĩa chân chính của nụ cười. Nhưng cái nụ cười vờ vĩnh đó có gạt được

ai đâu? Trái lại chỉ làm cho người ta đâm nghi ngờ và tự hỏi: "Hắn che đậy cái gì đây?". Vì trước khi tập mỉm cười, phải gây cho mình cái tâm trạng mà nụ cười sẽ diễn đã, nghĩa là tâm trạng hiền từ, chấp nhận đời, chấp nhận ý kiến người khác, tức tâm trạng mà ta gọi là tình thương. Nhưng có thể tự ý gây cho mình tâm trạng đó không? Dĩ nhiên, không thể thình lình một buổi sáng nào đó, hăng hái quyết định: "Từ hôm nay, mình

sẽ yêu mọi người và mỉm cười", mà tạo ngay được tâm trạng đó; phải tốn công tập tành lâu rồi mới hiểu được người khác, yêu họ, khoan dung với họ được.

Tập được rồi thì ta sẽ thấy hiện tượng tâm linh kì dị này: là ta có thể đi ngược con đường được, nghĩa là đáng lẽ phải có cái tâm trạng vui vẻ, yêu người rồi mới mỉm cười, thì ta có thể cứ mỉm cười trước đi rồi tâm trạng vui vẻ, yêu người đó sẽ lần lần hiện ra. Nhưng thái độ

như vậy có mâu thuẫn với điều tôi mới nói ở trên không? Thưa không, chỉ là mâu thuẫn bề ngoài vì người nào mới ráng biểu lộ một cảm xúc nào thôi (dù là chỉ lờ mờ nhận định được những nguyên nhân đích thực của cảm xúc đó) thì cũng đã có cái ý muốn cảm xúc thực như vậy rồi.

Một ái nữ của nữ hoàng Marie Thérèse bảo rằng không làm sao mà yêu ông chồng của mình được. Bà viết thư khuyên:

"Con cứ tự thuyết phục con hoài rằng con yêu anh ấy, rồi lần lần con sẽ yêu anh ấy thực".

Tôi không hoàn toàn tin ý kiến đó đâu mặc dầu nó chứa một phần chân lí. Người nào tự bắt mình phải mỉm cười, tức là tập tự chủ, mà đức tự chủ đã là một hình thức khai đoan của tình thương rồi. Và ngày nào người đó hiểu thêm rằng mình có bổn phận phải yêu thương người khác - vì người khác cũng là người như mình, sống cũng

vất vả như mình, mà mọi người đều liên kết với nhau, ngọt đắng cùng chịu với nhau - thì nụ cười của người đó trước kia gượng gạo, bây giờ đã hóa ra thành thực; sự thành thực đó dễ nhận được vì nụ cười không xuất hiện thình lình một cách vờ vĩnh, mà nở ra lần lân trên khuôn mặt tươi rói của người đó. Vậy chúng ta phải tập mỉm cười, dù là khi mới tập, ta thấy khó khăn vô vị như hồi đi học phải làm bài thầy ra vậy. Cứ tập

đi rồi sau sẽ thấy kết quả.

Lòng trung tín

Ngày nay ta còn thấy trên nhiều ngôi mộ vợ chồng thời trung cổ, có khắc hình một con chó, biểu hiện cho lòng trung tín.

Mấy năm trước, báo chí đăng một tin rất cảm động như sau: một người Anh lái xe điện, nuôi một con chó; buổi chiều nào con chó cũng đúng giờ, lại đón chủ ở đầu đường chuyến xe cuối của chủ. Người đó chết

rồi mà con chó vẫn tiếp tục suốt đời đi đón chủ, đúng giờ đó, ở chỗ đó. Hình như con chó đó không được đục vào đá, chú nó rất đáng biểu hiện cho lòng trung tín. Tin đó, tôi nhắc lại, làm cho tôi xúc động vô cùng, nhưng nếu chúng ta chỉ xúc động thôi thì ít khi ta rút ra được một quy kết cho ta. Bạn hỏi tôi: quy kết nào bây giờ? Tôi xin thưa, ít nhất cũng có quy kết này: Đức trung tín quả là cao thượng, đáng quý. Chúng

ta lại có thể nhận định thêm rằng trong các động vật, ít có loài biết trung tín, và trong những loài này, cũng chỉ có một số ít còn giữ đức trung tín; và chúng ta cho những loài đó, con đó cao quý hơn những loài khác, con khác. Sau cùng chúng ta phải nhìn nhận rằng sở dĩ chuyện con chó đó làm cho ta cảm động vì nó nêu một tấm gương cho ta. Vậy chúng ta rút trong chuyện đó ra được bài học giản dị này: chúng ta nên

luôn trung tín. Nhưng chúng ta lại ít khi trung tín lắm. Ở thời đại chúng ta, hai chữ trung tín viết bằng thứ chữ nhỏ xíu.

Khi chúng ta nói trung tín, chúng ta thường nghĩ tới sự chung thủy về ái tình, sự chung thủy giữa vợ chồng. Nhưng còn biết bao sự giao thiệp khác cũng phải nhờ trung tín mới tồn tại được. Trung tín với bạn, với đảng, với tôn giáo, sau cùng là với bản thân ta. Nhưng tôi xin nói về lòng chung thủy trong ái

tình. Một người đàn ông và một người đàn bà quen biết nhau, thích nhau, quý mến nhau, tin chắc rằng không thể sống xa nhau được, bèn kết duyên với nhau. Lúc đó họ cho rằng sự thủy chung là điều tự nhiên nhất thế giới. Cho tới ngày tình dục của họ đối với nhau giảm đi rồi mất hẳn. Thôi thế là hết cái mộng yêu nhau đến mãn đời, thủy chung như nhất! Nhưng nào họ đã rút được kinh nghiệm cho đâu, nếu có cơ hội nào

khác thì họ lại cũng tin ở sự thủy chung như nữa. Thái độ đó cũng dễ hiểu vì nó do một quan niệm đúng về ái tình: ai cũng mong rằng chiếc thuyền tình đưa ta tới bến và ta sẽ được hưởng hạnh phúc tới mãn đời. Nhưng nếu hiểu ái tình - trên phương diện thể chất cũng như tinh thần - là một sự hòa hợp tự nhiên, không có chút nứt rạn, không phải bôi bổ thì là hiểu sai nó rồi. Một ngàn cặp vợ chồng thì có lẽ chỉ được một cặp là

hòa hợp với nhau gần như hoàn toàn, đủ để cho hai bên tự nhiên, không cần phải gắng sức, cũng thủy chung với nhau; còn hầu hết thì là những cuộc hòa hợp khập khiễng, nghĩa là hai bên chỉ có vài điểm giống nhau thôi, mỗi bên đều sống theo luật riêng của mình, tới khi một ngày nào đó họ bỗng thấy một cái hố sâu giữa mình và người bạn trăm năm của mình, và họ lần lần xa nhau. Lúc đó là giai đoạn khủng khiếp đấy.

Thời xưa, thời mà hôn nhân không phải là ái tình mà là một chế độ xã hội, người ta có thể vượt qua cơn khủng hoảng đó nhờ vài cách "sắp đặt": ông chồng kiếm một sự "đền bù" nào đó ở ngoài gia đình, còn bà vợ lo nuôi con, chăm sóc nhà cửa, không nghĩ gì khác nữa. May lắm - nếu có thể tránh được sự ngoại tình - thì hai vợ chồng vẫn tiếp tục sống một cuộc đời buồn tẻ, an phận, chua chát, gắt gỏng, nếu không phải

là chán ngắt, đôi khi ghê tởm. Danh từ "chung thủy" theo tôi không nên đem áp dụng vào trường hợp đó. Ngày nay gần như ai cũng cưới nhau "vì tình", ít nhất là người ta tưởng tượng như vậy. Và khi "ái tình" đã tan như mây khói thì người ta đưa nhau ra tòa xin li dị, mà không hề ráng dùng đức chung thủy để thử cứu vãn chiếc thuyền tình cho khỏi đắm.

Khi hai vợ chồng hoảng hốt nhận thấy rằng tình yêu tự

nhiên của họ đối với nhau giảm đi thfi việc đầu tiên là họ phải nhận định rằng điều đó không có gì khác thường cả, vậy thì chẳng nên tuyệt vọng, vì như vậy không phải là ái tình tắt đâu, chỉ là cái mà từ trước họ tưởng lầm ái tình đã tắt thôi. Và chỉ bắt đầu từ lúc đó, họ mới thực là yêu nhau, nếu họ chung thủy với nhau rất mực, bất kì với giá nào. Sau đó họ phải tạm hiểu nhau. Nhiệm vụ này khó khăn đấy - tôi có nhiệm vụ -

càng khó khăn thì thường thường hai bên không có thiện chí ngang nhau mà thế nào cũng gặp cơ hội để có ngoại tình một cách dễ dành. Nhưng phải đừng tuyệt vọng, dù sao thì sao, cứ tiếp tục biện chí. Có thể rằng sẽ phải gắng sức vô ích đấy, vì sự bất hòa lớn quá, không sao thắng nổi, mà rốt cuộc phải nhận rằng sự li dị sẽ bớt tai hại hơn cả. Nhưng theo nguyên tắc thì hầu hết các cuộc hôn nhân đều có thể cứu vãn

được.

Nhân tiện đây, tôi xin hỏi riêng các độc giả đàn ông một câu. Trong nghề nghiệp của chư vị thành công được nhờ bí quyết nào? Nhờ chư vị có nhiều ý hay, mà cũng nhờ chư vị hoạt động tích cực, có tài linh mẫn đoán trước được cơ hội, nhờ chư vị tin chắc rằng mình thành công, nên nhiệt liệt theo đuổi mục đích, đem toàn lực ra để tranh đua, phải vậy không?

Nếu trong hôn nhân, chư vị

cũng dùng hết tinh thần và nghị lực như trong nghề nghiệp thì chư vị cũng sẽ thành công vậy. Nhưng chư vị cũng chịu kiên nhẫn trong cộng việc làm ăn thôi, mà cho rằng hôn nhân, thì cứ để mặc nó, tự nó phải được như ý, bận tâm về nó làm gì, để sức lo công việc làm ăn chứ. Như vậy là có một quan niệm sai về đời sống. Vì cái quan trọng trong cuộc đời là tình thương, là tạo được một cuộc sống chung tốt đẹp, là luôn luôn

chung thủy với cái bốn phận mà trước kia đã có một ngày chư vị vui lòng nhận nó: tức cái nhiệm vụ chung sức với bạn trăm năm mà tạo cuộc đời cho mình.

Trong tiếng "trung tín" có chữ "tín". Vậy trung tín là tin ở bạn trăm năm của mình, ở tình yêu của nhau. Cũng có thể nói rằng trung tín đồng nghĩa với hi vọng. Tôi còn trung tín ở ai tức là vẫn còn hi vọng ở người đó, ở mối tình liên kết chúng tôi với nhau. Hễ hết trung tín, tức là từ

bỏ hi vọng, hi sinh cả người bạn trăm năm lẫn ái tình. Độc giả, nhất là độc giả phái nam, sẽ bảo tôi rằng cũng còn tùy, không thể vơ đũa cả nắm được, vì có những trường hợp lạc lòng mà không thực là tai hại.

Vâng, tôi biết vậy. Tôi sống ở Ý, luật pháp cấm sự li dị, do đó không có sự tái hôn. Vợ chồng đã làm lễ cưới ở giáo đường rồi thì dù muốn hay không, cũng phải sống hoài với nhau. Mà sự thực thì hầu hết

đều ưng ý sống hoài với nhau, vì dù họ không còn yêu nhau nữa thì họ cũng mong gia đình không tan rã để cho con cái có được cái tổ ấm. Nhưng đàn ông Ý bản tính nồng nàn, thỉnh thoảng đi kiếm vài sự đền bù dễ dãi. Nếu bạn ráng giảng cho họ rằng như vậy là xấu, thì họ cũng nhận là xấu đấy nhưng không cho rằng nhăng nhít như vậy mà mắc tội phản bội. "Nhưng, tôi quý mến nhà tôi mà, không khi nào tôi bỏ nhà tôi cả? Còn cái

chuyện nhăng nhít kia, thì có quan trọng quái gì đâu, cũng như thèm thì uống một li rượu vậy".

Ở một xứ coi hôn nhân là một chế độ gia đình, xã hội, chứ không phải là vấn đề tình cảm cá nhân, do đó chung thủy có nghĩa là bảo tồn được hôn nhân, chứ không cấm đoán những chuyện ngoại tình, thì quan niệm đó cũng có thể tạm chấp nhận được.

Nhưng ngày nay, xã hội đã

biến đổi, hôn nhân là tự do lựa chọn, là vấn đề tình cảm cán nhân. Có yêu thì mới cưới, như vậy thì phải chung thủy với nhau, không những không được li dị, mà còn không được có ngoại tình nữa.

Bạn tôi bảo: "Sống khắc khổ mức đó thì chịu sao nổi!" Bạn lầm rồi. Có nhiều cặp vợ chồng không cho vậy là khắc khổ.

Tôi xin kể bạn nghe một chuyện. Một chuyện tôi cam đoan là có thực chứ không phải

là một chuyện hoang đường vì tôi quen cả hai bên. Một người đàn bà và một người đàn ông yêu nhau, vì hoàn cảnh bắt buộc, phải sống xa nhau mấy ngàn cây số. Người đàn ông trồng trong vườn một cây hồng bạch, trổ hoa rất đẹp; và hai vợ chồng coi cây hồng đó tượng trưng cho tình ái của họ. Một hôm người vợ nhận được một bức thư của chồng báo tin rằng ban đêm, cây hồng bỗng nhiên khô héo đi. Bà ta đọc thư xong,

hóa trầm uất, vì đêm đó chính là đêm mà lần đầu tiên bà ta đã có ngoại tình.

Đã lâu rồi, một họa sĩ thú thực với tôi rằng muốn li dị vì sống chung với vợ, ông ta ngột ngạt không làm sao làm việc được. Ông ta là một nghệ sĩ, không thể giảng luân lí mà làm cho ông đổi ý được. Ông ta cần phải sáng tác mà quả thực trong một khung cảnh không thuận tiện thì nghệ sĩ nào cũng mất khả năng sáng tác đi. Vậy là có

hai sự trung thành mâu thuẫn nhau: một mặt là trung thành với vợ, một mặt là trung thành với công việc, với bản thân mình. Rồi ông ta li dị vợ. Ít năm sau tôi hay tin ông ta bê tha, rượu chè, lâu lắm không vẽ được một bức tranh nào cả. Vậy ông ta đã lầm lẫn: tưởng rằng sự sống chung với vợ làm cho mình mất hứng, mà sự thực là do những nguyên nhân khác.

Tôi không bảo rằng luôn luôn như vậy đâu. Tôi chỉ muốn

nói trường hợp đó có thể xảy ra. Và theo tôi thấy thì nhiều người cứ ráng giữ bổn phận của mình lại tự cứu mình được hơn là trốn tránh bổn phận.

Dù xét vấn đề cách nào thì lòng trung tín cũng là một hành động luân lí cao đẹp là cho ái tình thêm hiển nhiên, vững vàng. Trung tín là một đức nó gom tất cả những đức tản mạn khác như một tấm kính phản xạ gom tất cả ánh sáng lại rồi chiếu ra thành một chùm tia

sáng. Và chùm tia sáng này nhờ sức mạng lớn lao của nó mà tạo nên được những phép màu.

Thư từ

Chúng ta viết thư để làm gì? Để báo tin hay kể nỗi lòng mà vì lẽ ở xa hay ngượng ngùng, không thể nói ra miệng được. Vậy viết thư là nói chuyện với một người hoặc trả lời một người. Trao đổi thư từ với ai là truyện trò với người đó và hai thứ đàm thoại bằng thư từ và bằng lời nói đều theo những

quy luật chung. Phải có gì để nói, và điều mình muốn nói phải làm cho người kia thích. Không nên độc thoại mà coi người kia chỉ là một thính giả thụ động; cũng không nên bắt họ phải đọc một bức thư dài quá, chữ viết như gà bới mà nội dung chỉ toàn những lời than thân trách phận, chỉ nghĩ tới mình thôi. Phải nghĩ tới hoàn cảnh của người kia và tự đặt mình vào địa vị họ. Nếu là để hồi âm thì sau khi chăm chú đọc xong, ta phải

sẵn sàng đưa ý kiến, nếu cần, sẵn sàng giúp đỡ nữa. Tóm lại: trong cuộc đối diện đàm thoại phải lễ độ ra sao thì trong thư từ phải lễ độ như vậy hoặc hơn nữa. Vì khi nói chuyện với nhau nếu hiểu lầm nhau thì giảng giải cho nhau nghe được, nếu lỡ quá nghiêm khắc với nhau thì có thể dịu giọng xuống ngay được, còn như viết thư thì chữ nào đã viết rồi, sẽ còn hoài đó, không sửa đổi được nữa và có giá trị như một tài liệu. Vả lại từ

khi gửi thư đi, tới khi nhận được hồi âm, thời gian dù ngắn tới đâu cũng đủ lâu cho lời nhục mạ hoặc trách móc của ta đâm rễ sâu vào lòng người kia rồi.

Nhiều người đã quyết định như vầy: mới nhận được một bức thư nào, mà xúc động, nóng nảy muốn hồi âm liền thì cứ viết nhưng để đó, không gởi vội, đợi lúc bình tĩnh rồi sẽ viết lại một bức khác. Thói quen đó tốt.

Các tòa báo và đài phát

thanh đều nhận được nhiều bức thư của nhiều hạng độc giả, thính giả hay cự hoặc chê bai vung lên. Họ là những người có bệnh thần kinh - đọc thư của họ ai cũng thấy liền - ở nhà, ở sở bị coi thường nên trút cả nỗi hận lên nhân viên tòa soạn và đài phát thanh, để cho thỏa mãn cái bản năng gây gổ hoặc tánh hiềm kị của mình. Người nhận được thư chẳng coi ý kiến của họ ra cái gì và còn khinh họ nữa.

Khi tôi nhận được những bức thư như vậy, thì cũng như hầu hết các bạn đồng nghiệp của tôi, chưa đọc hết, đã muốn liệng vào giỏ giấy. Nhưng tôi cũng tự buộc mình phải đọc cho hết vì mình phải thành thực và khiêm tốn nhận rằng những lời mạt sát của họ không phải là hoàn toàn vô lí cả đâu. Nói vậy rồi, tôi xin trình bày mục tiêu chính của bài này.

Rất ít người biết chuyện lắm, dù là bằng lời hay bằng thư.

Hầu hết đều không được học cách nghe người đối thoại, tự đặt mình vào địa vị người đối thoại.

Năm 1948, sau ba năm cực khổ tản cư ở đồng ruộng tôi được hồi cư về thành và tôi dắt các con tôi đi coi ngay những cảnh lạ ở thành: vườn bách thú, rạp xiếc, rồi tôi bảo chúng: "Bây giờ các con có thể viết thư tả cho các bạn ở K. biết những cái đẹp mà các con mới thấy đó". Tức thì đứa con trai thứ

của tôi bất bình la lên: "Không nên, ai lại nhẫn tâm như vậy kìa! Các anh chị ấy sẽ tủi thân rằng mình không được coi những cảnh đó!"

Trong một cuộc du lịch hoặc đi nghỉ mát, chúng ta thường gởi những tấm bưu thiếp đẹp đẽ cho những người quen biết không được may mắn đi chơi như ta, mà chúng ta không bao giờ tự hỏi cử chỉ đó sẽ tác động tới họ ra sao.

Như vậy có nghĩa là không

bao giờ nên báo tin mừng của ta cho bất kì một người nào ư? Nên chứ, sao lại không? Nên báo cho những người bạn thân nhất của ta chẳng hạn miễn là mình biết chắc rằng không làm cho bạn ghen với hạnh phúc của mình, dù chỉ là ghen ngầm. Nhưng xét chung thì khi tâm sự với ai, kể niềm vui hay nỗi khổ của mình, ta nên thận trọng mà đừng quá đòi hỏi người phải có thiện cảm với ta. Chúng ta nên luôn luôn tự đặt mình vào hoàn

cảnh hiện tại của người, cảm xúc suy tư y như người, nếu không thì có thể làm phật ý người trong hoàn cảnh đó. Khi một người nào kể lể nỗi đau khổ của họ với ta, mà ta chỉ an ủi một câu sáo rằng ở đời ai cũng đau khổ, chính mình đây cũng đau khổ, thì chưa đủ; mà còn phải tưởng tượng nỗi đau khổ ấy đối với người đó, đặc biệt ra sao nữa. Như vậy thì nỗi khổ hay niềm vui của người thành nỗi khổ và niềm vui của

chính ta. Muốn tưởng tượng và cảm thông với người như vậy, phải tập lâu mới được.

Còn một tật nữa trong khi thư từ với người khác: là tật không biết biện luận. Viết một bức thư toàn kể chuyện riêng của mình, thành công ra sao, khổ sở ra sao là việc dễ dàng. Mà viết cho một người luôn luôn đồng ý với ta, ta nói gì cũng khen, thì cũng dễ nữa. Nhưng nếu người nhận thư không đồng ý với ta, đưa một ý

kiến mà ta muốn đả kích? Lúc đó ta có chú ý xét ý kiến của người đó không? Có đủ bình tĩnh không? Hay là ta cho bất kì ý kiến nào khác với ý kiến ta cũng là một lời mạt sát ta? Tôi có một số độc giả không để cho ta yên: luôn luôn tìm được cớ chê bai tác phẩm của tôi hoặc chê bai tôi. Đôi khi tôi nổi quạu vì tôi cũng có cái tật chung của mọi người là thích được khen. Nhưng tôi phải nhận rằng những bức thư của các độc giả

đó có lợi cho ta hơn cả, vì có tranh luận, xét cả chính đề cùng phản đề rồi mới tìm ra được chân lí. Nếu có vì vậy mà phải nuốt đắng thì cũng chẳng sao!

Tôi thường nhận được những bức thư mà người viết cơ hồ không hỏi tôi một câu gì rõ rệt cả. Hơn nữa, có người biết vậy chứ, nói thẳng ra trong thư nữa chứ. Nhưng như vậy thì họ viết thư cho tôi làm gì kia? Họ viết để mong tôi trả lời. Nhưng trả lời cái gì bây giờ vì họ không

hỏi tôi một câu nào cả? Có chứ, họ có hỏi đấy, nhưng câu hỏi của họ phải đoán mới hiểu được, nó đại thể như vầy: "Bà có nghe thấy lời kêu gọi của tôi không? Tôi cô độc ghê gớm, tôi mong rằng lời kêu gọi này của tôi sẽ tới tai bà". Quả thật, có những người rất cô độc, tới một ngày nào đó không chịu nổi cảnh đau khổ của mình, phải viết thư cho bất kì ai dù chưa quen, nếu không thì tưởng chừng có thể chết được. Đối với

những người đó, viết thư không phải chỉ là một niềm vui nhỏ, phụ thuộc, vui vì được kể chuyện với bạn bè, mà là một nhu cầu quan hệ với sinh tử. Bức thư hồi âm dù nội dung ra sao thì cũng có một giá trị tượng trưng: người kia đã cất tiếng cầu cứu trong không trung, thì mình phải trả lời để cho họ thấy họ không bị bỏ quên đâu, mà còn những người đồng loại ở khắp nơi. Chính ta, lời cầu cứu của họ có thể coi là

lời cầu cứu với Thượng đế đấy. Vì vậy nếu không trả lời thì thật là tàn nhẫn vô cùng.

Nhưng đối với những người đau khổ vì cô đơn hay vì một nỗi niềm nào khác, mà ta chỉ tỏ lòng ân hận, thương hại thì có đủ không? Không. Còn phải tỏ cho họ thấy rằng mình hiểu họ, và làm cho họ tin rằng họ có thể cải thiện tình cảnh được bằng cách xét lại nỗi khổ của họ theo một quan điểm khác, đừng nghĩ tới vấn đề cá nhân của mình

nữa mà nghĩ tới những vấn đề chung: biết nhìn xa hơn, suy tư sáng suốt hơn.

Sau cùng về hình thức bức thư: khi một người khách lại thăm ta, nếu ta chỉ trả lời họ vài câu vội vàng, hoặc bắt họ đợi hàng giờ mà việc của họ lại gấp, thì là ta vô lễ; khi viết thư trả lời ai cũng vậy, nếu chỉ vắn tắt vài dòng cho xong nợ hoặc nếu đợi cả tháng mới hồi âm thì cũng là bất lịch sự. Chữ phải viết cho dễ đọc, mà giấy thì đừng quơ bậy

bất kỉ một mảnh nào. Phải làm sao cho người nhận thư có cảm tưởng được ta kính trọng, chứ không bị coi rẻ như một kẻ ăn mày. Giao thiệp bằng thư từ thì sự lễ độ chân thành từ trong đáy lòng là điều cần nhất.

Tôi cô độc quá

Không lời than nào phổ biến bằng lời đó. Ta thấy nhan nhản trong văn học mọi dân tộc và mọi thời đại. Luôn luôn có kẻ đau khổ vì cô độc.

Có điều lạ là thời này lời

than đó nhiều hơn thời nào khác. Mà địa cầu đông nghẹt người chứ: người ta ở chen chúc nhau, làm việc chung với nhau trong công sở, trong hãng, trong xưởng; đi du lịch thành từng nhóm: cắm trại, chơi thể thao, giải trí "với nhau". Cách xa nhau bao nhiêu người ta cũng có phương tiện lại thăm nhau được, chứ không như hồi xưa quan san cách trở.

Ngay cả những bệnh nhân nằm dí một chỗ cũng không

hoàn toàn là cô quạnh: có thể gia nhập một hội nào đó mà trao đổi thư từ với các hội viên khác.

Người nào không thể kết giao với người khác được vì thiếu phương tiện thì có thể nhờ một nhà trung gian chuyên môn. Tóm lại, chỉ người nào muốn cô độc thì mới cô độc thôi.

Thực vậy, rất ít ai bắt buộc phải sống cô độc. Nếu muốn có bạn thì chỉ việc kiếm là ra.

Nhưng sự cô độc về thể chất và sự cô độc về tinh thần khác xa nhau, ta cần nhấn mạnh điểm đó. Người ta có thể "cảm thấy" cô độc ghê gớm (mà "sự thực" không cô độc một chút nào) dù ở trong một bữa tiệc, ở trên bãi biển đông nghẹt người hoặc ở trong nhà mình. Trái lại, ở giữa một đám đông xa lạ, người ta có thể thấy mình thuộc vào một đoàn thể nếu mình có chng một ham mê, một mục tiêu nào đó.

Vậy người ta có cảm thấy cô độc là khi nào vắng bạn cùng sở thích với mình - bạn ra sao, sở thích ra sao, điểm này không quan trọng.

Trước hết chúng ta phải xét sự cô độc là vấn đề hoàn cảnh ở ngoài hay là vấn đề nội tâm. Khó trả lời được vì muốn phân tích thì phải đi sâu vào vấn đề thân phận con người.

Cho nên tôi chẳng muốn bàn rộng quá ra như vậy, chỉ xin thưa một cách giản dị... và thận

trọng rằng: nhiều người đau khổ, than thân rằng cô độc, chính là tại họ.

Muốn thoát khỏi cảnh cô độc, nghĩa là muốn hưởng được sự giao thiệp thân mật và hữu ích với người khác, thì trước hết phải thích sự giao thiệp đã, phải tích cực tìm bạn và giữ được tình bạn.

Tôi biết một bà nọ đã đứng tuổi, độc thân, đau khổ vì cô độc tới nỗi có lần muốn tự tử. Mỗi khi tìm được bạn mới, bà

ta tràn trề hy vọng và nhiệt tâm, nhưng bà không hiểu vì đâu không một tình bạn nào kéo dài được quá một năm.

Bà không hiểu chứ tôi thì hiểu. Bà ta chỉ coi "người kia" là một phương tiện cho bà đạt được mục tiêu, một thứ thuốc trị bệnh buồn rầu cho bà, một thứ "lồng ấp tinh thần" cho bà ấm áp, một thứ khán hộ cho bà.

Bà đòi bạn bà luôn luôn ở bên cạnh cho bà nhờ cậy, luôn luôn âu yếm, vui vẻ, dễ thương.

Tôi có thể nói rằng bà ta lợi dụng người bạn như vắt một trái cam, chứ không nghĩ cách hòa hợp với bạn, chấp nhận lẫn nhau. Bà muốn chiếm hết mà không cho lại bạn chút gì. Vì vậy mà kết giao lần nào cũng thất bại, và cứ sau mỗi lần bà ta lại thấy cô độc gấp hai trước. Nhưng sự cô độc còn có thể có những nguyên nhân khác.

Có người sau một hai lần thất bại trong tình bằng hữu hoặc ái tình rồi đâm ra sợ,

không dám liều một lần nữa, thích sống cô độc, hoặc chịu thầm lặng đau khổ, hoặc làm ra vẻ thách thức thiên hạ: "Tôi thích sống một mình, tôi chẳng cần ai cả".

Cũng có người hồi nhỏ không được âu yếm, mà mất tinh thần, chán nản, lớn lên, thành hạng người "nan du". Hạng người này đau khổ vì không được hưởng vị của đời sống, tức cái khả năng yêu và được yêu. Họ cô độc không

phải tại họ, mà tại hoàn cảnh hồi nhỏ. Họ có thể thoát ra khỏi hoàn cảnh cô độc đó được nếu gặp được một người thật tình yêu họ, làm cho cõi lòng tê cóng của họ ấm áp lên. Dùng phép trị bệnh bằng tinh thần, có thể có kết quả được, nhưng không chắc chắn, vì khi khỏi bệnh rồi, hết "nan du" rồi, chắc gì họ sẽ gặp một người bạn hợp với họ?

Cũng có người, mặc dầu có bạn thân, yêu bạn và được bạn

yêu, mà vẫn thấy mình đôi khi cô độc. Những người đó cảm thấy rất mạnh sự cộng đồng của loài người về phương diện xã hội hay tôn giáo, nhưng đôi khi nghĩ tới cái hố có thể ngăn cách người này với người khác mà rùng mình.

Cảm tưởng cô độc đó có tính chất chủ quan thật đấy, nhưng có đúng với sự thật khách quan không? Nghĩa là rốt cuộc con người có thật sự cô độc không?

Có mà không. Bởi vì thoạt kì

thủy con người vốn cô độc, phải bắc cầu giao cảm với người khác, và dùng những cầu ngwoif khác bắc cho minh, mới có thể tiếp xúc với người khác, yêu người khác được. Nhưng tinh nhân luôn luôn bị đe dọa. Tệ hơn nữa, nó chứa sẵn cái mềm tự diệt nó.

Vì không có gi dễ mất và mau tan băng tinh đời, không có gi thường xảy ra bằng kinh nghiệm chua chát khi minh mất ảo tưởng.

Phải biết tất cả những cái đó thì tình yêu mới có thể lâu dài và bền bỉ được. Chỉ khi nào biết rằng ai cũng đau khổ vì cô độc thì mới biết thương người, yêu người và làm cho nỗi cô độc của mình và của người dịu đi.

Tôi nói rõ: dịu đi chứ không phải bị diệt hẳn. Chúng ta nên thực tế và can đảm, đừng nên đòi hỏi ở đời, ở người khác nhiều quá.

Dù có lòng kính tin rất mạnh của một tín đồ với Thượng Đế

thì chúng ta cũng không thể không cô độc được. Có những vị thánh cũng đau khổ vì cô độc, mặc dầu rất yêu Chúa và yêu nhân loại. Và tiếng kêu ghê gớm này của Chúa Ki Tô ở trên thánh giá: "Chúa ơi, Chúa ơi, sao Chúa nỡ bỏ con?" chẳng phải là tiếng kêu chung của những người mà tình cảnh cô độc làm cho tuyệt vọng đấy ư?

Hết thảy chúng ta, chẳng nhiều thì ít, đều bị cảnh cô độc. Vậy thì làm sao bây giờ? Phải

chịu đựng nó, vì cũng như mọi nỗi khổ khác, nó giúp chúng ta nhận định rằng thân phận con người phải tiến hóa hoài.

Làm quen với cái chết

Khi tôi xin làm nhà cầm Ý cho phép tôi được triển hạn lưu trú, người ta hỏi tôi: "Bà tính ở đây bao lâu nữa?", tôi đáp: "Ở hoài, cho tới khi tôi chết". Tôi vừa thốt xong tiếng cuối thì cả sáu công chức có mặt lúc đó đều nắm tay đưa xuống đất, ngón trỏ và ngón út đều chìa ra

như một cặp sừng, làm dấu "phủ phui". Họ cho như vậy là gở. Phải kị, không được thốt ra tiếng chết.

Điều đó thật lạ lùng nhất là người Ý có vẻ coi thường hoặc quen với cái chết. Xe tang của họ, không trá hình thành những xe giao hàng đẹp để chạy lén tới nghĩa địa như có mặc cảm tội lỗi; trái lại, quan tài đặt trên xe, phủ đầy hoa, không có ý che giấu, ai cũng trông thấy, phía sau là bọn người đưa đám,

đi bộ hoặc ngồi xe và đám tang trịnh trọng len lỏi qua các đường phố, trước mắt mọi người.

Đành rằng mình dự đám tang một người khác, với chính mình chết, người ta đưa ma mình, hai cái đó khác xa nhau. Dù miệng muốn nói chết phắt cho rồi, mà được sống thì chúng ta cũng không từ. Sinh vật nào cũng sợ chết.

Chúng ta đều phải chết một ngày nào đó. Đời sống nào

cũng tiến tới sự chết, không sao tránh khỏi. Có nhiều thái độ đối với luật thiên nhiên ấy. Một thái độ là tuy nhận rằng ai cũng phải chết, nhưng về riêng mình thì cứ coi như mình sẽ sống hoài, hoặc ít nhất sẽ còn sống được lâu, chưa phải quan tâm tới cái chết. Nhiều người có thái độ đó và không thể chê trách họ được.

Nhưng sớm muộn gì cũng tới lúc nhìn thẳng vào cái chết.

Một chuyện cổ tích kể rằng

một người nọ giao hẹn với thần chết: thần chết sẽ không tới bắt người đó thình lình mà sẽ thỉnh thoảng sai sứ giả tới báo tin trước. Thần chết giữ lời hứa, sai các sứ giả: tai nạn, bệnh tật, tuổi già, tới báo tin. Nhưng người nọ không chịu coi những sứ giả đó là do thần chết sai tới, rốt cuộc cũng chết một cách bất ngờ.

Đối với chúng ta thì một trong những sứ giả của thần chết là lòng sợ chết. Không

phải lúc nào ta cũng sợ chết đâu, nhưng có những thời ta sợ chết, chẳng hạn lúc ta suy nhược về tinh thần, kém sức chiến đấu. Lúc chúng ta u uất hay đau ốm. Nỗi sợ đó, chúng ta có thể đẩy lui nó, đuổi nó đi, nói cách khác, là chúng ta coi thường sứ giả của thần chết, chưa thèm nghĩ tới cái chết.

Có người không biết nỗi sợ đó, hoặc vì họ kém trí tưởng tượng hoặc trái lại, vì họ có hùng tâm. Ai cũng biết rằng

một số người thiếu trí tưởng tượng, ý thức tâm lí, ra mặt trận mà chẳng sợ gì cả, rất dũng cảm mặc dầu là dễ cảm. Trẻ con cũng thường chết một cách dễ dàng, bình tĩnh lạ lùng. Và những người tử vì đạo nữa, cũng can đảm hi sinh tính mạng cho tín ngưỡng của mình.

Hình như khi biết chắc rằng không thể sống thêm được thì chúng ta ít sợ chết hơn là khi còn lí do để sống. Có thể tập chết được, tập ra sao? Thời nhỏ

tôi có một thời sợ chết vô cùng. Bây giờ tôi quyết tâm thắng cho được nỗi lo lắng của tôi. Thế là buổi tối nào cũng vậy, lên giường nằm rồi, tôi úp mặt vào chiếc gối cho nghẹt thở, tới lúc bắt đầu ngạt hơi rồi mới thôi. Tôi không nhớ phương pháp cương nghị đó có lợi gì cho tôi không. Nhưng một đứa nhỏ mà tự nảy ra ý tập chết là chuyện lạ đấy chứ.

Bây giờ thì tôi đề nghị một cách khác: suy nghĩ về bản chất

của cái chết để tinh thần mình quen với nó. Về phương diện sinh lí thì chết là trí não ngưng hoạt động. Lúc đó là lúc từ bỏ các người sống để qua một thế giới khác mà chúng ta hiện nay chưa biết gì cả. Nhân loại đã tưởng tượng ra nhiều cảnh xảy đến cho con người sau khi chết... Tâm linh đó đồng thời tắt khi thể xác ngưng hoạt động không? Có tan rã cùng với tế bào của cơ thể không? Cái mà trước kia là "sự sống" lúc đó có

thể trở về với bản thể của vũ trụ không? Sự sống có tái sinh lại hoài từ cái bản thể đó không? Chết có phải là biến hóa thành nguyên liệu và nguồn sinh lực không? Hay là sau một thời gian lại trở về trái đất, đầu thai làm người? Hay là chết rồi, chúng ta vẫn còn như hồi sống, chỉ khác cái hình thức sinh hoạt thôi? Hay là ta trả cho Thượng đế đời sống cá nhân của ta, như giọt nước trở về biển cả. Nhưng nếu chết rồi, chúng ta vẫn còn

là "ta" thì chúng ta sẽ ở đâu và sống ra làm sao? Ai mà biết được điều ấy? (...)

Nội cái việc sống cũng đủ cho ta tin rằng đời sống có một ý nghĩa, nếu không thì chúng ta sống làm gì? (vì nếu không thể suy tư để tìm cho đời sống một ý nghĩa thì nội cái việc chúng ta sống đây cũng là bất giác biện hộ cho đời sống một ý nghĩa thì nội cái việc chúng ta sống đây cũng là bất giác biện hộ cho một ý nghĩa nào đó của sự sống

rồi). Tuy nhiên chỉ khi nào ta tin rằng chỉ sự chết có một ý nghĩa thì mới có thể tin được rằng sự sống có một ý nghĩa, vì sự chết với sự sống là một, nghĩa là có sống nhất định phải có chết. Trước cái chết chúng ta mới tự nhận định được mình, nhận định được đời sống của mình. Nhiều người đã xác nhận - vì chính mắt họ đã trông thấy - rằng có những người khi hấp hối cơ hồ như trông thấy, nghe thấy một cái gì làm cho họ khổ

não vô cùng hoặc trái lại, sung sướng vô cùng.

Hình như cái đó tùy thuộc ở ta; có cái viễn ảnh khổ não hay sung sướng là tại ta. Ai cũng phải chết. Nhưng không nhất định là ai cũng đau khổ vô cùng khi chết: người ta có thể chết sung sướng được. Nhưng phải phân biệt vẻ mặt đau khổ ở ngoài với cái tinh thần ở trong. Cho nên người ta thường thấy những người hấp hối mặt nhăn nhó đau khổ, tới khi tắt thở rồi,

những nét đó bỗng biến hết mà lộ vẻ rất sung sướng. Văn sĩ Georges Bernenos suốt đời sợ chết. Nhưng khi hấp hối thì ông không sợ chết nữa. Ông đăm đăm nhìn vào một vật vô hình, và nói, giọng cương quyết: "Bây giờ tới lượt hai chúng ta!" Rồi ông bình tĩnh tắt nghỉ.

Cái chết không phải từ ngoài tới đâu, dù là trong một tai nạn xe cộ. Vì cái chết đã phát sinh từ khi chúng ta mới ra đời. Trong suốt đời, chúng ta đã trải

qua nhiều sự chết về sinh lí rồi. Này nhé, khi lọt lòng mẹ ra, cũng đã là một lần chết rồi. Rồi tới khi hết tuổi thơ, hết tân, rồi về già, hết khả năng tính giao: rồi những lúc con cái rời mình ra ở riêng, những lúc đoạn tuyệt một mối tình, hoặc có người thân chết, những lúc mất lần lần các ảo tưởng - nhất là ảo tưởng về chính mình - mỗi lần như vậy là một lần chết. Mỗi lần phải từ bỏ một cái gì là một lần chết. Mà không từ bỏ đi làm sao có

sự tiến hóa? Từ bỏ sự thiệt thòi mà đồng thời cũng là một lợi ích. Chúng ta cũng không muốn phải xa cách những người thân, những cái gì đã quen với ta, và dĩ nhiên, chúng ta cũng không thích biến đổi, và rất sợ những đau khổ của sự tiến hóa. Vậy mà chúng ta vẫn can đảm chịu đựng cả trăm cái chết trong đời ta. Thế thì tại sao lại sợ cái chết cuối cùng? Chúng ta đã chẳng nhiều lần tập từ bỏ cái mình có đó ư? Mới đầu thấy là bắt buộc,

lần lần rồi thành ra sẵn lòng từ bỏ. Cái số phận của ta, ta đâu có muốn như vậy, nhưng rồi chúng ta cũng vui vẻ chấp nhận nó. Cứ sau mỗi lần chết trong đời ta, là chúng ta phải tập bước vào một cõi mới lạ. Vậy mà lần nào chúng ta cũng được một bàn tay lạ, bất ngờ tiếp đón chúng ta. Vậy thì lo sợ làm gì cái lần chết cuối cùng? Nó sẽ như các lần chết trước thôi.

Người bệnh tưởng

Một hôm ở Munich, nhà

soạn nhạc Karl Amadeus Hartmann lại thăm Igor Strawinsky, ông này đêm đó sẽ phải điều khiển ở Munich cuộc hòa tấu vài nhạc phẩm của mình. Hartmann thấy nhạc sư ngồi trong chiếc ghế bành, cổ quấn chiếc khăn choàng bằng len, miệng ngậm một chiếc hàn thử biểu:

Hartmann hỏi: - Trời! Ông đau ư?

Strawinsky đáp: - Chưa

Đó là thái độ điển hình của

những người bị chứng ưu uất, lúc nào cũng sợ bị bệnh, tưởng tượng rằng mình sắp đau tới nơi, hoặc đương đau rồi nữa. Đàn ông hay đàn bà cũng có thể bị bệnh đó. Tư tưởng của họ như quay cuồng hoài, chung quanh cái bản ngã của họ, nghĩa là họ chỉ nghĩ tới họ thôi, đặc biệt là lo lắng về sức khỏe của họ, chứ không nghĩ tới người khác hoặc vạn vật chung quanh.

Tôi biết một bà nọ, lần nào

gặp tôi, vừa mới chào hỏi xong, là đã chỉ ngay một phần nào đó trên thân thể rồi rên rỉ: "Đây, tôi đau ở đây!" Hơi mỏi lưng ư, là bà tin rằng bị chứng phong thấp, sưng khớp xương rồi. Mới nổi u một chút ở chỗ nào đó là đã nghĩ rằng có căng-xe (cancer), tim hơi đập mạnh do thời tiết thay đổi, thế là bà quả quyết rằng sắp lên cơn đau tim. Mà tới nay tôi quen biết bà đã hơn mười lăm năm, chưa hề thấy bà bị một bệnh nào nặng

cả. Bà còn khỏe mạnh hơn ai nữa mà cứ tưởng tượng là mình đau. Vì biết cuộc đời của bà, nên tôi hiểu được bệnh ưu uất của bà vì đâu mà phát ra và phát từ hồi nào. Nguyên do là một lần bà bị thất vọng chua chát: bà không cưới được người bà yêu. Không chịu an phận mà lại không vượt lên khỏi cái bản ngã nhỏ nhoi của mình được, nên cứ nghĩ hoài về nỗi khổ của mình.

Do cái thói coi mình là trung

tâm của vũ trụ đó, người ưu uất là khổ cho các người chung quanh và cả cho chính họ nữa. Lo lắng hoài về sức khỏe, họ hóa ra dễ bị những bệnh mà đáng lẽ, theo thể chất của họ, họ không bị.

Một y sĩ Anh, sau khi nghiên cứu kĩ các tương quan giữa trí "tưởng tượng" và bệnh tật, bảo rằng có nhiều người sợ bệnh nào nhất thì mắc đứng cái bệnh đó, nhất là khi bệnh đó đương phát mạnh ở trong miền. Có

những bệnh đúng "mốt" thời đại, lúc thì có mối đau bao tử, lúc thì mốt huyết áp cao... Có lẽ vì vậy mà ta hiểu được tại sao có thời trong một trường nọ hoặc tỉnh nọ, người ta mắc chứng đau ruột dư như mắc một bệnh dịch.

Y sĩ và y tá có khi do nghề nghiệp, mắc rồi chết vì những bệnh bí mật, kì cục chỉ riêng cho họ biết, còn người thường không bị vì không nghe nói tới những bệnh đó bao giờ.

Nguyên do là tại họ tự kỉ ám thị. Sức mạnh của tự kỉ ám thị lớn tới nỗi có thể gây trạng thái "có thai thần kinh": suốt chín tháng, người đàn bà có đủ những triệu chứng mang thai, mà sự thực là chưa thụ thai, và dĩ nhiên không sanh đẻ. Nguyên nhân thường là người đó mong có con quá mà bao lâu vẫn không có thai; nhưng cũng có thể là do quá sợ phải sanh đẻ, trường hợp này hiếm hơn. Sự tự kỉ ám thị có thể gây hiện

tượng lớn lao như vậy là "có thai thần kinh" thì tất nhiên cũng gây được một cách dễ dàng nhiều bệnh tưởng tượng khác, gây được cả những hỗn loạn có thực trong cơ thể nữa.

Theo tôi nhận xét thì bệnh ưu uất thường là một hiện tượng có tính cách hỗn độn, xung đột, vì bệnh nhân nửa sợ nửa muốn có bệnh, muốn vì khi có bệnh rồi thì họ được nghỉ ngơi, trút hết những trách nhiệm họ gánh.

Bệnh ưu uất thường xuất

hiện vào tuổi già, điều đó dễ hiểu: tuổi đó sức lực suy kém, người ta sợ chết, cho nên hơi sổ mũi, nóng lạnh là hoảng rồi. Người trẻ mà tiên thiên bất túc, cũng dễ bị bệnh đó. Nhưng tôi biết một người coi thường cái chết mà rồi thắng được bệnh. Văn sĩ Carl Zuckmayer bị chứng đau tim nặng, y sĩ cấm đi du lịch, ra nắng, uống rượu, mà ông ta cần những cái đó mới sống được. Một hôm trong thời mới khỏi bệnh, ông được một

thiếu nữ xinh đẹp lại thăm, và ông nhất định không nghe lời y sĩ, đi chơi mấy giờ dưới ánh nắng với thiếu nữ, khát thì uống rượu cho đã. Ông ta bảo: "Thế là tôi hết bệnh tức thì". Ông chủ quan mà nói vậy: nhưng y sĩ khám lại thì quả nhiên ông hết bệnh tật.

Chúng ta đều thấy những người sức khỏe rất kém mà hoạt động kinh khủng. Người ta bảo những người đó có một nghị lực không thắng nổi. Như

vậy nghĩa là làm sao? Tại sao mà khi ra trận, các chiến sĩ chịu nổi những cực nhọc ghê gớm? Tại sao mà hễ không sợ bị lây bệnh thì giữa lúc bệnh dịch hoành hành, người ta săn sóc các bệnh nhân mà không mắc bệnh?

Chỉ tại trong những trường hợp đó, người ta không nghĩ tới bản thân nữa. Không muốn mà cũng không có gì lo lắng về sinh mạng, sức khỏe của mình. Khi hi sinh cho một cái gì cao cả,

người ta vượt lên khỏi cái bản ngã nhỏ nhoi của mình, mà hòa đồng với một nguồn sinh lực lớn hơn của ta nhiều lắm. Thắng được tánh vị kỉ là có một sức mạnh rất lớn. Vì vậy, những người khỏe mạnh nhất là những người hoài bão một lí tưởng, được sức mạnh của lí tưởng đó nâng đỡ kéo đi, không có thì giờ nghĩ tới những nỗi lặt vặt của mình.

Đau khổ

Ai cũng có lần đau khổ nhiều

hay ít, cách này hay cách khác, nên đã biết đau khổ là gì rồi.

Có đau khổ về thể chất, có đau khổ về tinh thần. Có đau khổ thoảng qua, có đau khổ dằn vặt. Tùy trường hợp, ta gọi là đau đớn, phiền muộn, thống khổ, cực hình.

Muốn cho giản dị, ta gọi chung tất cả các hình thức làm cho ta khó chịu đó là "đau khổ".

Muốn tiến ngay vào trung tâm vấn đề, chúng ta chỉ cần tự

hỏi câu này: "Tại sao loài người lại phải đau khổ?". Câu đó tức thì gợi cho ta một câu khác: Do đâu mà có khổ?

Phần lớn là do chính con người.

Con người làm cho con người đau khổ.

Chính con người đã tạo ra khí giới, nhà giam, bom đạn, gây chiến tranh, sự nô lệ, sự tra tấn. Chính con người đã chia nhân loại thành kẻ giàu người nghèo, kẻ đàn áp, người bị đàn

áp, kẻ tự do, người nô lệ. Chính con người vu oan, chụp mũ, lừa gạt, phản bội, chém giết đồng bào, rồi tuyên bố: "Thế giới như vậy đấy! Đó là việc chính trị mà. Thủ phạm là quỷ, là số mạng mù quáng, hoặc sự thản nhiên của một đấng Thượng đế tàn nhẫn".

Dù chấp nhận rằng chính con người gây khổ cho con người, thì cũng vẫn chưa giảng được tại sao lại như vậy, và có nhất định phải như vậy không,

có nhất định rằng con người phải gây khổ lẫn cho nhau không?

Có người cho rằng lập lại một tổ chức xã hội thích hợp thì có thể diệt được khổ. Đó là mục đích mà những người mác-xít chủ trương hồi đầu. Họ đã đạt được nó chưa?

Môn đệ Thích Ca, chuyên môn về vấn đề diệt khổ, bảo rằng (tôi cố ý giản dị hóa đi) vì quyến luyến với đời nên khổ. Đừng quyến luyến nữa thì tự

nhiên hết khổ. Kinh nghiệm chứng tỏ rằng một số người đã tự giải thoát cho khỏi khổ bằng cách đó.

Thời cổ, triết gia Hy Lạp Zénon lập ra thuyết khắc kỉ. Theo ông (ở đây tôi cũng phải giản dị hóa hữu), chỉ có mỗi một cách diệt khổ là sống hoàn toàn hợp với lí trí và thiên nhiên, đừng ao ước cái gì trái với hai cái đó, trút bỏ hết mọi đam mê nó phá hoại sự điều hòa của vũ trụ.

Tân Ước thường nói đến đau khổ, mà không bao giờ hứa cho ta cảnh thiên đường ở hạ giới cả... trái lại là khác. Kinh đó có giọng thực tế nghiêm khắc, nhưng có giảng cho ta nguồn gốc và cứu cánh của sự đau khổ không? Kinh đó mượn ở Cựu Ước cái thuyết bí mật về "tội nguyên thủy", tức cái tội của thủy tổ loài người đã bất tuân Thượng Đế mà bị đày ra khỏi Lạc Viên.

Thuyết đó là một huyền

thoại chứa chân lí này: con người tách ra khỏi cái trật tự của Hóa công, phá sự điều hòa của vũ trụ mà gây khổ cho mình hoặc cho người khác.

Nhưng còn những trẻ em kia, chưa có tội gì cả mà sao cũng phải khổ? Chưa ai đáp được cho tôi câu ấy mà làm cho tôi thỏa mãn cả. Tôi chỉ có thể tạm chấp nhận lời giải đáp này thôi: nhân loại phải chịu cái thân phận chung của nhau: hết thảy đều đau khổ cho hết thảy:

mà trẻ em cũng ở trong cái tập thể nhân loại, nên không thoát khỏi thân phận đó.

Nhưng thôi, chúng ta gác bỏ những vấn đề bi thảm đó để xét một vấn đề khác có lợi ích trước mắt hơn: đau khổ có phải chỉ có mục đích trừng trị không thôi hay còn có mục đích nào khác nữa?

Khi ta phạt một đứa bé có lỗi, có phải là chỉ muốn làm cho nó đau khổ thôi không? Nhất định là không. Ta còn muốn

cho nó một ý niệm về sự trật tự phổ biến, và mong rằng nó sẽ sống theo trật tự đó để được tương đối sung sướng.

Tôi biết nhiều người bị những bệnh nan y đã không phản kháng lại với số phận mà còn mang ơn nó nữa, vì nhờ phải chiến đấu với số phận mà họ vượt lên khỏi tinh thần tầm thường của họ; tóm lại là nhờ đau ốm mà họ biết được cái hạnh phúc của đời sống tinh thần.

Có người sẽ cãi lại: ừ, sự đau khổ về thể chất có thể làm cho tâm hồn con người cao lên, ngược lại sự đau khổ về tinh thần chỉ làm cho con người hóa bi quan, chua chát, có khi tuyệt vọng nữa. Vâng, có thể như vậy. Có thể rằng một số đau khổ nào đó quá sức ta, ta chịu không nổi. (...)

Tôi thì cho rằng chỉ có cách này để nhận được ý nghĩa của sự đau khổ, là chấp nhận nó, không phải như chấp nhận một

điều không tránh được mà như một cây gậy để ta chống mà vững bước hơn trên con đường đưa tới mục đích của ta, mục đích đó là chính ta, cái phần chí cao, chí linh ở trong người ta.

Cái gì mới cũng làm cho ta không yên tâm

Trên ba chục năm trước, lần đầu tiên tôi được ngắm một bức tranh trừu tượng, nghĩa là một bức tôi nhận được màu sắc, đường nét, xa gần, nhưng không nhận ra một vật nào mà

tôi thường thấy; lần đó tôi nghĩ bụng: trò khôi hài đấy, chứ nghệ thuật gì. Nhưng sau nhiều năm tiếp xúc với nghệ thuật hiện đại, tôi đã hiểu rằng các bức họa trừu tượng quả là một hình thức nghệ thuật, nó biểu lộ một cách mới mẻ nhận định đời sống, bắt lấy đời sống.

Lần đầu tiên tôi thấy kiểu ăn mặc của bọn Beatles, không phải trên các tấm hình, mà trên thân thể các thanh niên mà tôi gặp ngoài đường, tôi khó chịu

lắm. Cái thói gì mà lố lăng vậy? Ừ, thời đó cần phải cải thiện, nhưng bây giờ, sau khi đã nghiên cứu rất kĩ các vấn đề liên quan tới thanh niên, tôi hiểu ý nghĩa của sự nổi loạn bề ngoài có vẻ vô lí đó.

Chúng ta luôn luôn phải biết tiếp xúc với cái mới mẻ. Thời đại này thế giới biến hóa mau hơn thời nào khác nữa, như đâm bổ vào một tương lai đã mở màn rồi. Tương lai đó sẽ đầy những cái mới mẻ, nào là

những cuộc viễn du trên các hành tinh, nào là những thuốc chích, những phương pháp chạy điện, giải phẫu óc để biến đổi một con người từ hồi nào còn là bào thai sau khi ra đời, thành một nhà tri thức, một nhà chỉ huy hoặc một người vai u thịt bắp.

Chẳng cần phải xét những biến đổi quái dị đó, chúng ta hãy nhớ lại vài sự thay đổi đã thực hiện rồi. Chẳng hạn ngày nay người ta không còn dùng

những sáo ngữ như, về thần học: "Bọn vô thần là vây cánh của quỷ", về giáo dục: "Con trẻ phải tuân lời cha mẹ trong mọi trường hợp".

Chúng ta không còn tự phụ vì những phán đoán truyền thống nữa. Hồi xưa người ta dẫn lời các bậc thầy: Platon, Aristote, Thánh Thomas ở Aquin, hoặc những câu như: "Goethe đã nói...", "tiên nghiêm tôi đã nói..." hoặc "giáo hội đã nói..." để bênh vực ý kiến của

mình. Bây giờ chúng ta bắt buộc phải xét lại hết những chân lí của mình xem có còn hợp với thời đại đầy chuyển biến này không. Xét rồi, ta thấy cần phải bỏ đi rất nhiều chân lí hoặc ít nhất cũng phải giải thích lại những chân lí đó; mặt khác ta lại phải chấp nhận nhiều ý mới không sao bác được. Vì thế mà không lúc nào ta được nghỉ ngơi, có thể tin chắc rằng đã tới được đích.

Dĩ nhiên người ta có thể cho

rằng cuộc sống trong một thời xáo trộn như vậy thì thú vô cùng, mà cũng có thể thấy khổ quá đỗi vì cứ bị quấy nhiễu hoài, không lúc nào được yên.

Tại sao lại khó chấp nhận sự mới mẻ như vậy nhỉ?

Không ai lại chấp nhận mọi cái mà không phân biệt, lựa chọn cái nào hợp với mình. Lựa chọn tức là phán đoán tùy theo lí trí hoặc tình cảm của mình. Ai cũng có một số quy tắc giúp mình tiếp cận những cái gì mình

có thể hiểu được một cách không khó nhọc lắm, mà bỏ những cái khác.

Khi ta chủ quan mà nói rằng: "Cái mới mẻ đó không hợp với tôi" là cố ý bảo "dù tôi không có thiện chí tìm hiểu tới mấy thì cũng không hiểu nó được, thôi tôi quyết tâm rồi, đừng nói thêm gì nữa". Lời tuyên bố bề ngoài ôn hòa đó nhằm chứa ý này: "cái mới mẻ đó chẳng ra cái quái gì cả, vô ích chẳng riêng đối với tôi mà cả đối với bất kì

một người nào khác nữa, nguyên tắc là vậy". Thế là một phán đoán cá nhân, chủ quan được đưa lên thành một phán đoán chung có giá trị tuyệt đối. Mà như vậy thì có nghĩa là cái cũ luôn luôn tốt hơn cái mới. Người ta thường nhắc tới cái thời xưa tốt đẹp, sung sướng, như thế quả thực có những thời tốt đẹp hơn các thời khác về mọi phương diện. Dĩ nhiên, có những thời sống dễ dàng hơn thời khác, nhưng không vì vậy

mà bảo là tốt đẹp hơn được. Có phần chắc rằng nếu ôn lại tất cả các thời từ lúc có loài người tới nay thì thời nào cũng tốt đẹp cả vì thời nào cũng là một giai đoạn cần thiết cho sự tiến hóa của nhân loại.

Nếu thời hiện nay luôn luôn xấu hơn thời đã qua thì nhân loại hiện nay vẫn còn ăn lông ở lỗ, chỉ có nghĩ tới việc săn bắt và giết lẫn nhau; mà kẻ nào đầu tiên có ý vẽ hình các con thú lên vách các hang đá phải kể là

có tội vì kẻ đó đã tạo ra một cái mới, tức nghệ thuật.

Sự thực ta có thể nói rằng thời đại chúng ta hơn những thời trước, chẳng những vì kĩ thuật phát triển mạnh mà còn vì ta có nhiều sự tự do tinh thần hơn.

Nhưng đời sống của ta có vì vậy mà "tốt hơn", sung sướng hơn không? Cái mới có tốt hơn cái cũ không? Máy giặt có tốt hơn thau giặt không, dân chủ có tốt hơn quân chủ chuyên chế

không?

Cái mới không tốt hơn cũng không xấu hơn cái cũ, nhưng nó là cái mới nghĩa là cần có nó để thay cái cũ không còn dùng được nữa, có vậy nhân loại mới tiến hóa.

Các cụ ta thời xưa ở trong một thung lũng hẻo lánh, khi thấy một chiếc xe hỏa chạy qua thì sợ sệt, khấn trời, bây giờ chúng ta muốn được bay lên cung trăng.

Khi y sĩ danh tiếng ở Vienne

là Sigmund Freud đặt cơ sở cho khoa tâm lí tiềm thức, người ta chửi rủa ông thậm tệ. Ngày nay cả triệu người nhờ những nhà phân tâm học xét tâm trạng và trị bệnh cho theo những phương pháp dựng trên học lí thuyết Freud.

Ý tưởng mới mẻ nào là lớn lao, quan trọng thì mới đầu bị thiên hạ mỉa mai, đả đảo. Thế hệ mới nào cũng vậy, cũng bị thế hệ cũ chê bai ra mặt hoặc thầm kín. Tại sao vậy? Tại bất kì

cái gì mới mẻ - kể cả thế hệ mới với lối sống đặc biệt của họ - cũng làm cho ta thấy chướng vì nó đảo lộn các thói quen của ta và dám bảo thẳng vào mặt ta rằng ta lạc hậu.

Lời đó làm sao mà không chướng tai ta cho được. Rõ là lời thách đố trí tuệ, tâm tư, sự sáng suốt, khả năng tiến hóa của ta mà; thách ta có chịu vui vẻ rút lui đúng lúc không.

Nhưng có phải cái mới mẻ nào cũng đe dọa ta, cự tuyệt ta

không?

Cái đó còn tùy ở ta. Nếu chúng ta nhắm mắt chê bai tất cả những cái gì mới, nếu chúng ta bướng bỉnh hoặc làm biếng, gạt bỏ mọi cái mới đi, thì đúng đấy, chúng ta sẽ bị sa thải, thành hạng người già mệt mỏi, tàn nhẫn, trì độn, chưa chết mà cũng như chết rồi. Chúng ta phải khoáng đạt chấp nhận cái mới, không phải vì nó tốt hơn, mà vì nó làm phát động sự tiến bộ.

Không ai có thể buộc ta phải tán thành mọi cái mới mà không phân biệt (nhưng bọn thanh niên lại thường đòi hỏi ta như vậy). Cũng không ai có thể buộc ta phải từ bỏ cái dĩ vãng đã lỗi thời. Nhưng chúng ta phải nhìn thẳng vào cái mới và thẳng thắn đối thoại với nó.

Vấn đề không phải là ta thích nó hay không, cho nó là có hợp với mình hay không. Điều quan trọng là ta phải khách quan tìm trong nó cái

yếu tố của sự tiến bộ, và trọng nó vì nó là một sức mạnh. Như vậy thì cái mới mẻ sẽ là nguồn sinh lực đối với ta, và tinh thần ta sẽ trẻ hơn tuổi rất nhiều.

Vả lại cái gì mới, dù có vẻ kì dị, cách mạng tới đâu thì cũng là cái nối tiếp cái mà chính chúng ta đã tạo ra, gợi ra. Rồi một ngày kia, cái bây giờ là mới sẽ hóa ra cũ. Do đó mới có cái mà ta gọi là truyền thống.

Vậy ta đừng nên chống lại, hãm lại sự tiến hóa, mà nên

giúp đỡ nó mỗi khi lương tâm ta bảo rằng cái mới mẻ đó tuy lạ lùng đấy, nhưng không trái những quy tắc căn bản của chân lí.

Sự lễ phép phải phát tự đáy lòng

Chúng ta là những con người có giáo dục nên biết thế nào là lễ phép. Chúng ta biết phải giới thiệu nhau ra sao, chào hỏi ra sao, nhường bước những ai, ngồi ăn ra sao... Những cái đó của cha mẹ dạy cho chúng ta từ

hồi nhỏ. Có những cuốn sách chuyên môn chỉ tỉ mỉ các quy tắc xã giao nữa.

Nhưng nói thực ra, mới chỉ học những quy tắc đó thôi thì chưa đủ, vì quan trọng nhất là phải thực hành cho thành thói quen. Phải làm sao phải phản ứng cho nhanh như cái máy chứ không thể gặp mỗi trường hợp lại suy nghĩ tự hỏi phải làm ra sao, đừng làm ra sao. Nếu được gia đình dạy dỗ cho từ hồi nhỏ thì tốt hơn cả: thấy cha mẹ

cư xử mà mình bắt chước, lâu rồi thành được "bản tính nhất nhì", tức một thói quen.

Triết gia Schopenhauer viết một ngụ ngôn để giảng quan niệm của ông về sự lễ phép như sau: gặp một mùa đông lạnh quá, mấy con nhím phải ngồi sát lại nhau cho ấm, nhưng lông con nọ đâm vào con kia, chúng lại phải dang ra, dang ra thì lại thấy lạnh, chúng lại phải ngồi xích lại, và lần này chúng kiếm được cách làm sao ngồi kề

nhau mà lông không đâm nhau. Schopenhauer cho sự xích lại gần nhau một cách vừa phải đó gọi là "lễ phép".

Loài người mà ráng có những cử chỉ, ngôn ngữ, vẻ nhìn ra sao cho không mất lòng nhau, như vậy đã là quý rồi. Nếu ai cũng xích lại gần nhau một cách vừa phải, ân cần, nhã nhặn với nhau thì mọi thứ sẽ tốt đẹp hơn nhiều rồi.

Nhưng Schopenhauer vốn ghét đời nên không thấy rằng

thứ lễ phép của những con nhím đó chưa đủ cho loài người.

Tôi biết một số người rất có gia giáo, có thể coi là lễ độ rất mực. Không khi nào họ làm trái phép xã giao, nhưng lễ độ của hạng người lịch sự đó sao mà lạnh nhạt thế. Họ tự cao tự đại, có thái độ cách biệt đối với người khác. Sự lễ phép lạnh lùng đó trái hẳn với sự lễ phép chân thực, trái với tình thương. Trong tiểu thuyết Thanh khí

(Les affinitiés élective) của Goethe, nàng Ottilic duyên dáng và hay suy tư, viết trong nhật kí câu này: "Có một sự lễ phép của lòng phát từ đáy lòng ra, nó gần với tình thương. Nhờ đó mà cử chỉ của ta mới thật là tế nhị".

Nhưng thế nào là lễ phép phát tự đáy lòng?

Tôi thí dụ bà là một người phong lưu, lương khá cao. Một ông bạn đồng sự của bà mời bà đi ăn nhà hàng mà bà biết ông ta lương ít, cần kiệm lắm mới

đủ tiêu. Bà phải xử sự ra sao bây giờ? Nếu thấy ông ta nghèo mà bà kiếm lẽ này lẽ khác để từ chối thì ông ta sẽ phật lòng. Còn nếu như nhận thì ngại ông ta sẽ phải nhịn chi tiêu trong vài ngày. Nếu nhận lời đi ăn rồi, mà bà thu xếp, lén trả trước tiền ăn để ông ta không kịp trả, hoặc nếu bà cứ đòi trả phần ăn của bà, thì bà làm cho lòng tự ái của ông ta còn thương tổn nhiều hơn nữa vì ông ta là đàn ông. Tóm lại bà hành động cách nào

thì cũng không êm. Lúc đó bà không thể tin cậy vào những bài học xã giao của bà được. Vậy thì phải làm sao? Tôi có thể gợi cho bà một cách nhã nhặn để thoát ngã bí đó: bà cứ vui vẻ nhận lời, như vui vẻ đi dự một buổi tiệc nhỏ vậy, tới nhà hàng đừng lựa món nào rẻ nhất (ông ta sẽ thấy rõ ý của bà mất), mà lựa những món trung bình, rồi khen là ngon, cho ông ta có cảm tưởng rằng buổi tiệc đó thật vui, ít lâu sau bà sẽ gửi cho

ông ấy một chi phiếu mà giấu sao cho ông ấy không đoán được người gửi là ai.

Ai dạy cho ta những "quy tắc lễ độ" đó? Không ai cả. Chính lòng ta chỉ cho ta. Chính cái lễ phép "gần với tình thương" đó (cao gấp mấy thứ lễ phép bất đắc dĩ của những con nhím trong ngụ ngôn của Schopenhauer) mà Goethe gọi là thứ "lễ phép của lòng".

Vì theo tôi biết thì loài người có những phương tiện mà loài

nhím không có, vì loài người có thể cụp những "lông nhọn" xuống, tức lòng đố kị, ghen ghét, tham lam, kiêu căng, cáu kỉnh, nghĩa là có thể tự chủ được. Bỏ những lông nhọn đó đi rồi thì con người hóa ra thân ái, nhã nhặn, ân cần, kiên nhẫn.

Cách đây ít lâu tôi được mục kích một tai nạn lưu thông: hai chiếc xe đụng nhau, hai người lái xe đều có lỗi cả, và tôi tưởng rằng họ sẽ đấu khẩu dữ dội với nhau một hồi như chúng ta

thường thấy. Nhưng lạ chưa, khi một người nổi cơn lôi đình, bắt đầu quát tháo, văng tục, thì người kia tái mặt đi, nhưng vẫn giữ vẻ nhã nhặn, ân hận, kiên nhẫn nghe, vừa nghe vừa nhìn chăm chăm con người nóng nảy nọ. Đợi khi người này ngưng, ông ta mới ôn tồn nói: "Tôi thực ân hận đã làm hư chiếc xe của ông, lỗi đó không tha thứ được".

Con người nóng tính kia hóa ra chưng hửng, không lớn tiếng

nữa. Và hai bên hòa giải với nhau. Tôi không biết ông lái xe cực kì bình tĩnh, hiếu hòa đó là ai. Nhưng tôi biết rằng trong trường hợp như vậy thường thì người lái xe nào dù có lỗi hay không cũng dễ dàng nổi quạu lên, mà ông ta lễ độ tới mức thì không phải chỉ nhờ những nguyên tắc xã giao mà thôi đâu. Ông ta phải tập lâu lắm mới tự chủ được, nhưng thứ nhất là do ông biết tôn trọng nhân vị, mà sư tôn trọng đó phát từ thâm

tâm của ông.

Ông không cho "người kia" là một kẻ thù, một thằng "đểu giả" mà coi là người ngang hàng với mình về quyền lợi, một người đồng loại, đồng bào của mình.

Chúng ta thường có xu hướng coi một số người là hạng thấp kém. Thời nay chúng ta rán "lễ độ" với người ăn kẻ ở hoặc các nhân viên của ta, nhưng thái độ đó là do bắt buộc, ta sợ làm phật ý họ thì họ

bỏ ta mà đi làm chỗ khác, thế thôi. Còn những người không "quan hệ" gì với ta, như các người bán hàng, bồi khách sạn hoặc có người ngồi ghi-sê, không phải là con người mà chỉ như những người máy để phục vụ ta, mà phải phục vụ một cách lễ phép nữa chứ. Vô phúc cho họ, nếu họ cáu kỉnh thì ta sẽ cho họ một bài học liền.

Ở tiệm cà phê San Pietro tại Rome, tôi biết một chiêu đãi viên trước kia rất ân cần đón ý

khách, bỗng nhiên hóa ra ương ngạnh và vô ý vô tứ lạ lùng. Một hôm tôi trách chú ta, thì nhận thấy trên mặt chú, có nhiều vết tỏ rằng chú đau, mà có lẽ đau nặng nữa. Sáu tháng sau chú từ trần vì căn bệnh căng xe. Mặc dầu đau đớn mà chú vẫn ráng làm việc, như vậy thì làm sao chú hóa ra vô ý vô tứ!

Ai biết được cô bán hàng nộ lại hay gắt như vậy? Biết đâu chừng chẳng tại con cô đau hay chồng cô có ngoại tình?

Ai biết được tại sao thầy ngồi ghi-sê này lại khó tính? Biết đâu chừng chẳng tại thầy chán ngán phải làm một công việc, chán cả sống nữa, nếu không vậy thì là vì một kẻ nào lường gạt rồi đâm oán luôn cả nhân loại?

Ai biết được tại sao ông hàng xóm của ta luôm kiếm cách gây chuyện với ta? Biết đâu chừng chẳng tại trong nhà ông ta có lục đục rồi bất bình lây với ta, hoặc ghen với sự thành công của ta mà coi ta như cái gai

trong mắt.

Phải thực sự coi mỗi người khác như anh em của ta, nghĩa là nhận rằng họ cũng có những nhược điểm, ưu tư như ta, cũng gặp những nỗi khó khăn, đau khổ như ta, và đáng cho ta kính trọng, thì ta mới có được cái đức mà Goethe gọi là "lễ phép của lòng" nó "gần như là tình thương" ấy.

Lương tâm

Một người quá giận xô vợ xuống nước, không ai thấy nên

không nghi ngờ chút gì cả, tưởng rằng vợ sảy chân mà chết đuối. Nhưng mười năm sau ông ta tự thú với cảnh sát. Cái gì đã thúc đẩy ông ta thú tội?

Người ta bảo: "Lương tâm thúc đẩy", rồi thôi chẳng tìm hiểu gì thêm nữa, nhưng lương tâm là cái gì?

Theo ngữ nguyên thì chữ "conscience" (lương tâm) có nghĩa là biết. Trong trường hợp mới kể, người chồng đó biết mình đã phạm tội và phải đền

tội. Nhưng ngay khi xô vợ xuống nước, ông ta chẳng biết mình làm vậy là có tội ư? Thế thì tại sao lại đợi đến mười năm sau mới thú tội? Vậy thì lương tâm không phải chỉ là biết - như ta "biết" rằng trái đất quay chung quanh mặt trời - nó còn là một sức mạnh tác động mà ta có thể tùy ý chống lại hoặc tuân theo. Vì vậy mà có từ ngữ: "Tiếng nói của lương tâm".

Những người mộ đạo gọi nó là "tiếng nói của Thượng Đế".

Hồi tôi nhỏ, cha mẹ tôi bảo rằng vị thần phù hộ cho tôi luôn luôn giám thị tôi, ngăn tôi làm những việc bậy. Thì cũng chỉ là cái ý cho một cái gì đó hoặc một người nào đó nói với ta, mà người nói với ta không phải là cái "ta", mà là một cái "khác" bí mật, vừa quen vừa lạ với ta.

Cái "khác" ở trong ta hay ngoài ta, điều đó ta chẳng cần biết. Điều cần là đừng coi nó là một với ta, vì nhiều khi tiếng nói bí mật đó chống lại với ta. Cái

gì ta muốn thì nó bác bỏ. Ta muốn làm hại một người khác, ta muốn phạm tội ngoại tình, ta muốn nói dối. Nó ngăn cản ta, bảo ta: coi chừng, bậy đấy! Có khi ta chiến đấu với nó lúc thì ta thắng, lúc thì nó thắng. Nếu nó thắng thì ta không phạm tội, mọi sự yên ổn. Nếu ta thắng thì ta sẽ phạm tội và mọi thứ sẽ lộn xộn lắm, vì nó không để ta yên mà cứ quấy rầy ta hoài cho tới khi nhận thức được tôi của ta, ta phải thú tội mới thôi. Cái "ta"

nhiều khi bắt cái "kia" phải im tiếng mà im tiếng lâu nữa đấy, nhưng rất ít khi nó chịu im tiếng hoài. Ai đã thấy nhiều người hấp hối, tất nhận rằng cái "kia" thường thắng trong những phút cuối cùng của kẻ phạm tội.

Nhưng cái ta gọi là lương tâm đó hiện ra với ta cách nào?

Tôi nhận thấy con chó của tôi có một lương tâm. Khi nó làm trái lệnh cấm của tôi, chẳng hạn đào một luống hồng để bắt một con chuột đồng, mà bị tôi

bắt gặp thì nó có vẻ lấm la lấm lét. Nó tiu nghỉu, xấu hổ. Nó sở dĩ có được lương tâm đó là do mình dạy dỗ. Từ khi nó còn nhỏ, nó làm đúng ý ta thì ta thưởng, trái lại thì phạt, như vậy là dạy cho nó một số quy tắc luân lí, Thưởng và phạt có thể bằng một cách cụ thể nào đó, mà cũng có thể chỉ bằng cách thương hay ghét.

Chúng ta cũng dùng cách đó để dạy trẻ, nhưng trong khi ra lệnh hoặc cấm đoán chúng, ta

còn gợi sự hiểu biết cùng với chúng nữa. Như vậy, chúng ta dạy chúng đừng nên ăn cắp, nói dối, đánh đập ai.

Nhưng chúng ta cũng nên để ý tới điều này: đứa trẻ một bộ lạc săn đầu người chẳng hạn được cha mẹ dạy rằng giết một người da trắng là hành động anh dũng, còn một đứa trẻ trong gia đình Ki Tô giáo hoặc Phật Giáo thì cha mẹ dạy rằng phải tránh tội sát nhân. Con cái các nông dân Nga ở thế kỉ XIX

phải tập phục vụ chủ một cách khúm núm, tôn kính; còn trẻ con thời cách mạng cho thái độ đó là nhục nhã, trái đạo đức. Vậy thì có lương tâm, trước hết là biết những quy tắc đạo đức do tập tục hoặc giáo dục truyền cho, rồi mỗi khi làm trái những quy tắc đó thì thấy mình có tội lỗi.

Nhưng có thể rằng một người cảm thấy có cái gì thúc đẩy mình hành động ngược lại cái lương tâm truyền cho đó,

không phải để làm một việc xấu mà trái lại làm một việc cao đẹp. Thuyết "siêu ngã" (sur-moi) của các tâm lí gia không đủ để giảng hiện tượng đó. Cái đó ta gọi là "sự tự do tin tưởng". Thánh Thomas ở Aquin bảo: "Nếu các giáo phẩm vì không hiểu rõ tình trạng mà buộc một người nào đó phải hành động trái với lương tâm người đó, thì người đó phải chịu bài xích ra ngoài xã hội và chết còn hơn là phản lương tâm của mình". Lời

đó thật là táo bạo nhưng bày tỏ một ý niệm quan trọng vào bậc nhất.

Nhiều người lầm lẫn sự tự do tin tưởng với sự phóng túng về đạo đức. Khi Luther sau một thời gian tranh đấu lâu dài, từ bỏ Giáo hội Công giáo, quyết định của ông không có chút gì giống quyết định của một đứa trẻ ranh bỏ đạo vì không chịu tuân lời mục sư. Tự do tin tưởng không có nghĩa là khỏi phải tuân theo lương tâm mà có

nghĩa là: một lương tâm đủ sáng suốt để tự lãnh trách nhiệm, tự ý mình quyết định lấy bổn phận của mình.

Hiển nhiên, ai cũng biết lương tâm là thế nào, vì ai cũng đã có lần nghe tiếng nói của nó rồi. Và có những người cố ý đàn áp tiếng nói đó mà hóa đau, bứt rứt hoài không chịu nổi; chẳng hạn những kẻ sát nhân vô tình trở lại chỗ họ đã gây án mạng, và trong giấc ngủ nằm mê thấy những cảnh hãi hùng. Ngay trẻ

cũng vậy: có lỗi, mặc dầu không ai biết, chúng vẫn không yên tâm, phải lại thú với mẹ rồi mới thấy nhẹ trong lòng được.

Ngày nay chúng ta cũng biết rằng cái gì cũng là tương đối hết, gọi là tốt thì chỉ tốt trong một vài hoàn cảnh nào đó, với những điều kiện nào đó thôi. Vậy thì khách quan mà xét, không có cái gì có giá trị tuyệt đối để cho lương tâm ta trông cậy vào được ư? Theo tôi thì không phải vậy. Luật tương đối

đó từ môn vật lí chuyển qua môn triết lí tuy đúng đấy, nhưng đem áp dụng vào luân lí thì chỉ là cách thoái thác rất tầm thường. Chúng ta đều biết - mặc dầu không thích - rằng có những quy luật (luân lí) khách quan không thể bảo là chỉ đúng tùy trường hợp. Lương tâm ta biết vậy. Và nếu đàn áp lương tâm thì ta sẽ hóa đau khổ như người cố giấu tội của mình.

Nhưng rốt cuộc tôi vẫn chưa định nghĩa thế nào là lương tâm.

Tôi xin mượn những lời rất hay ở dưới đây của Goethe để thay lời định nghĩa:

Một vị thần nói thầm trong lòng ta,

Nói thầm nhưng rất rành mạch, chỉ cho ta

Cái gì phải làm và cái gì nên tránh.

Sự tha thứ

Bạn có thể tha thứ được không?... Nhưng thế nào là tha thứ, và có nên luôn luôn tha thứ không?

Trong cuộc tranh luận vừa rồi về thời - hiệu (prescription) [1] các tội Đức Quốc Xã, vấn đề tha thứ được đem ra bàn sôi nổi, trên bình diện chính trị và luật pháp. Tôi cũng đã được mời góp ý kiến. Lúc đó tôi đã suy tư, tìm cách giải quyết vấn đề và bây giờ tôi trình bày một quan điểm có thể chấp nhận được về sự tha thứ, xét chung.

Thời đó cảm tưởng đầu tiên và tự nhiên của tôi là một cảm tưởng khó chịu. Tôi có phản

ứng đó vì nghĩ mình có đức độ gì đâu mà đứng ra phán xét, quyết định vận mạng của người khác, dù người đó có tội chăng nữa. Tôi lại tự hỏi: xét những tội đã qua từ lâu của người khác, có lợi gì không hay chỉ gây thêm oán thù, sau cùng, có nên vì những lí do chính trị và luân lí mà tha hết cho bọn phạm nhân Đức Quốc Xã rồi thôi, không nhắc tới nữa không?

Tôi cũng lại nghĩ rằng những người Đức đó trước khi thành

kẻ sát nhân, cũng đã là nạn nhân của thời đại, thế thì nên mở lòng từ bi, đừng trừng phạt họ nữa mà chỉ nên cảm ơn Trời rằng mình đã may mắn không phải mắc tội như họ. Nhưng lại có một tiếng nói khác bảo tôi rằng tha thứ như vậy làm xáo trộn cái công bằng và cái bất công, và những kẻ mắc tội thì bị trừng phạt còn những kẻ mắc tội nặng thì lại được tự do, còn gì bất công hơn vậy nữa? Thêm một tiếng nói thứ ba nhắc tôi:

cứ oán trả oán cách đó thì bao giờ cho hết oán? Trong Thánh Kinh, chúa chẳng dạy đó ư: "Việc trả thù là việc của ta"?[2]

Tôi còn suy nghĩ nhiều hơn nữa, phức tạp hơn nữa, nhưng những điểm chính tôi mới trình bày ở trên đủ chứng tỏ rằng tha thứ là một vấn đề rắc rối, đó mới là xét về phương diện lí trí chứ chưa nói đến ý chí.

Có lẽ lần đó, vấn đề khó giải quyết vì một vụ chính trị. Bạn bảo tôi: trong đời tư của cá

nhân, việc giản dị hơn nhiều, chỉ cần bảo: "Thôi bỏ qua đi, quên dĩ vãng đi" là xong. Bạn lầm rồi. Tôi xin giảng tại sao. Dưới thời Đại Tam Đế Quốc Đức, hai vợ chồng nọ mà tôi quen thân tố cáo tôi, tôi bị nhốt trong khám rồi đưa ra ở tòa án nhân dân tại Berlin. Họ tố cáo tôi một tội nặng, thế nào tôi cũng phải bị xử tử, và chỉ nhờ chiến tranh chấm dứt mà tôi được thoát chết.

Lúc đó tôi tự hỏi câu này:

mình có nên và có thể tha thứ họ được không? Suy nghĩ rồi tôi quyết định sẽ tuyệt nhiên không trả thù cặp vợ chồng đó, và ráng tự thuyết phục mình rằng họ phản mình như vậy chỉ vì họ ngu xuẩn vô cùng về chính trị thôi. Mặc dù vậy tôi không muốn gặp lại họ chút nào cả, nhưng vì tình cố cựu, nếu họ cần giúp đỡ điều gì thì tôi cũng không từ chối.

Vậy bạn có thể cho rằng tôi đã thực sự tha thứ cho họ.

Nhưng bây giờ nghĩ lại, tôi không tin chắc rằng tôi đã tha thứ cho họ hẳn. Tôi sẽ giảng tại sao, nhưng trước khi giảng, tôi muốn đặt câu hỏi này đã: tôi đã tha thứ cái gì đó? Và tại sao tôi lại có cảm tưởng rằng mình đã thực sự tha thứ? Dĩ nhiên, tôi tha thứ là tha thứ cái tội họ muốn đưa tôi ra pháp trường. Quả thực là đã từ lâu rồi, tôi không nghĩ tới cái tội đó của họ nữa, tôi hoàn toàn thản nhiên. Nhưng cái tôi không thể quên,

không thể tha thứ được, là ngu xuẩn mù quáng, phi nhân của họ, nhưng có thể nào thực sự ghét một hành động mà không thể ghét kẻ đã làm hành động đó không?

Bạn thử tưởng tượng đã mắc tội đại ác nào đó. Bạn xấu hổ và ghét tội ác đó lắm. Nhưng có vì vậy mà bạn tự ghét bạn không? Bình thường thì không. Bạn tìm cách tự tha thứ hành vi đó, tự bào chữa rằng đã bị hoàn cảnh xui khiến; rồi lần lần lấy

lại được lòng tự yêu mình, nếu không thì làm sao sống được. Bạn lại ráng tự phục hồi lòng tự trọng: bạn hối hận, tìm cách tự chuộc tội.

Bây giờ xin đem lí luận để nó áp dụng vào thái độ của ta đối với kẻ thù: biện biệt minh bạch và ghét mọi hành động xấu xa, nhưng phải ráng hiểu con người đã làm hành động đó, giúp họ nhận ra rằng họ đã làm bậy, để cho họ thấy cần phải chuộc tội, tìm cơ hội chuộc

tội.

Khoa tâm lí bảo ta rằng trẻ thường dùng những mưu mẹo quanh co kì cục để được trừng trị khi nó biết rằng nó có tội, và nếu không ai trừng trị nó thì nó sẽ tự trừng trị nó. Thái độ đó do một nhu cầu tự nhiên mà người Hi Lạp gọi là "catharsis", nghĩa là nhu cầu rửa tội bằng hình phạt. Vì có sạch tội rồi, con người mới có thể tiếp tục sống tự do được, nếu không thì cứ bị ám ảnh hoài mà thần kinh sẽ bị

bệnh. Nói cách khác là con người sẽ ân hận, dù muốn hay không muốn.

Bạn đọc xem thứ nhất trong màn thứ năm kịch Macbeth của Shakespeare: phu nhân Macbeth, người gây ra tội sát nhân, tưởng rằng bàn tay của mình dính máu của Duncan, rửa đi rửa lại hoài mà không hết.[3] Bà ta bảo: "Tất cả những dầu thơm Ả Rập cũng không làm cho ban tay nhỏ nhắn này sạch mịn như hồi

trước được nữa". Và viên y sĩ nói:

"Tôi không sao chữa được bệnh của bà ấy. Bà ấy cần một mục sư giúp đỡ chứ không cần một y sĩ săn sóc". Vị mục sư là vị nghe lời thú tội của bà ta và nhân danh Chúa tha tội cho bà.

Phu nhân Macbeth không đáng tha thứ. Chúng ta thấy sự từ chối không tha thứ có thể có những hậu quả bi thảm, mà thái độ kiêu căng, quay mặt đi không thèm nghĩ tới những

hành động đê tiện của kẻ thù, không phải là thái độ tha thứ; thực sự tha thứ thì không quay mặt đi, không thèm ngó phạm nhân, chìa tay ra và ôm người đó vào lòng.

Vậy tôi phải tự thú nhận rằng thực sự tôi cũng đã không tha thứ cho cặp vợ chồng nọ. Tôi sẽ có thể tha thứ được không? Hiện bây giờ thì chưa. Tương truyền một bà làm duyên dáng nọ khiến cho thánh Phillippe Néri đau khổ vô cùng

vì những nụ cười khóe mắt tình tứ của bà, sau bà ta xin lỗi Thánh nói: "Tôi tha thứ cho... nhưng miễn cưỡng mà tha".

Thứ lỗi quả là việc rất khó! Nhưng khó thì cũng phải ráng vì có tha thứ cho người khác thì mới có thể tha thứ cho chính ta được. "Chúng ta nên tự tha thứ cho mình những lỗi của mình, cũng như tha thứ cho những lỗi lầm của họ đối với ta". Lời nói ghê gớm thật, nhưng an ủi ta biết bao.

Có thể tự biết mình không?

Người ta thường bảo: "Tự biết mình là bước đầu tiên trên con đường tu thân". Nhưng tự biết mình là làm sao? Đọc câu của nhà hiền triết Chilon: "Anh phải tự biết anh", ta tưởng đâu như không có việc gì dễ dàng bằng tự biết mình. Dễ như chỉ soi vào gương là thấy nét mặt mình liền. Nhưng sự thực, bắt một người phải đạt được cái trình độ hoàn toàn tự tri là một điều vô nghĩa, vì như vậy là đòi

hỏi một việc không thể làm được.

Vậy trước hết ta hãy tìm hiểu xem Chilon thực sự muốn nói gì đã. Việc đó không khó nếu ta biết rằng ông ta là môn đệ của phái người ta gọi là "Khắc Kỉ". Ai cũng hiểu người "Khắc Kỉ" là người chịu cảnh đau khổ của mình một cách can đảm, cương quyết và thản nhiên.

Nhưng thực sự thì thuyết "Khắc Kỉ" chủ trương rằng con

người phải dùng lí trí và trầm tư mà đạt được cái mức sống hòa hợp với quy luật vũ trụ, nghĩa là: đừng nuôi một dục vọng nào mình không thể thực hiện dễ dàng được, đừng để cho những người đam mê lôi cuốn mình, tóm lại là hành động nào cũng phải hợp với lẽ phải, lí trí. Như vậy thì chỉ có cách đó là tâm hồn bạn được bình tĩnh và mọi người mới có được hạnh phúc.

Vậy người "Khắc Kỉ" nào cũng luôn luôn tự hỏi câu này:

"Thị dục cùng thái độ của mình có hợp với cái đạo của mình không?" Và thỉnh thoảng nhìn về dĩ vãng mà tự hỏi những hành vi của mình có luôn luôn hợp đạo không? Nói cách khác là luôn luôn người đó phải tự vấn tâm.

Theo triết thuyết đó, con người có thể và có bổn phận tự siêu độ cho mình. Cách tự tri đó tương đối giản dị vì chỉ cần đem đối chiếu thái độ của mình với những quy tắc luân lí minh bạch

mà các tư tưởng gia cùng văn nhân thời đó đã diễn thành những câu châm ngôn. Đối chiếu như vậy là nhận định được mức độ đạo đức của mình.

Nhưng tâm lí, tâm hồn của ta rất rộng, rất sâu, ý thức của ta không sao nhận định hết được, cái "ngã" hiện thực so với toàn bộ cái "ngã", chỉ là phần nổi lên trên mặt của "băng đảo" (iceberg), phần chìm xuống là phần tiềm thức. Vì vậy cách của

các nhà Khắc Kỉ không thể giúp cho con người tự tri hoàn toàn được.

Nhờ nhà danh y ở Viene tên là Sismund Freud mà chúng ta biết rằng còn có phần tiềm thức tối tăm mà ta không thể tự tìm hiểu được. Ta dồn ép vào phần tiềm thức thăm thẳm không thể kiểm soát được đó những tội lỗi hoặc kinh nghiệm đau đớn của ta, và những cái này có thể gây một bệnh thần kinh cho ta. Nhưng một nhà phân tâm, có

thể giúp một người bị bệnh thần kinh đi qua được hết các lớp của cái bản ngã, mà tìm ra được căn nguyên của bệnh.

Theo tôi hiểu mình có muốn tự làm việc phân tâm (spychanalyse) đó thì cũng phải nhờ một người khác giúp mới được. Các tôn giáo đều bảo rằng muốn tự dò xét nội tâm mình thì phải nhờ một người "hướng dẫn tâm hồn". Dù có được người hướng dẫn thì chúng ta cũng chỉ có thể biết

được vài phần của cái "ngã" thôi.

Đã biết vậy mà còn đòi hỏi mỗi người phải tự biết mình thì chẳng phải là vô nghĩa ư?

Trước hết chúng ta nên nói ngay rằng đòi hỏi một cách nghiêm khắc như vậy thì người ta chỉ có thể đáp một cách mập mờ, phiến diện thôi. Miễn người ta ráng đáp cũng đã là quý rồi.

Nhưng trong thực tế, làm sao để tự biết mình được?

Có một cách rất cũ, tỏ rằng

đã có kết quả, là tự vấn tâm mỗi buổi tối. Pythagore, triết gia và toán học gia Hy Lạp thời xưa, buộc môn sinh phải tự vấn tâm như vậy mà các mục sư Ki Tô giáo cũng khuyên tín đồ cách đó. Mỗi buổi tối, kiếm chỗ tĩnh mịch tự xem xét trong ngày có làm điều gì trái với quy luật luân lí, với thập giới không. Dùng cách đó để phát hiện lỗi lầm mình thường mắc nhất và những lỗi mình lấy làm xấu hổ nhất; như vậy đã là tiến một

bước lớn trên con đường tự tìm hiểu mình rồi. Phải có can đảm, nghị lực và yêu sự thực lắm mới được. Tự vấn tâm như vậy là tự kiểm soát, phê phán, giáo dục mình. Ta tự tập nhận định mình, nhận những nhược điểm cùng giới hạn của mình.

Đối với hạng người bình thường, thì chỉ khi nào thấy mình "bê bối", lương tâm mình bứt rứt - tâm trạng này có thể gây ra những bệnh kì cục - thì mới phải tự vấn tâm một cách

nghiêm khắc. Trong trường hợp đó, chính lương tâm của ta sẽ hướng dẫn ta như một nhà chuyên môn về khoa phân tâm: Chẳng hạn tôi biết một ông nọ bỗng nhiên không hiểu vì đâu hóa ra rộng rãi, cho cậu con trai số tiền lớn, vừa cho xong thì ngạc nhiên về hành động của mình mà cậu con trai cũng ngạc nhiên nữa. Người cha bèn tự hỏi tại sao mình lại làm một việc "điên" như vậy. Mới đầu ông ta nghĩ rằng tại bản tính ông rộng

rãi. Nhưng đã là bản tính thì tại sao lại thấy bứt rứt hoài trong lòng? Tự xét lòng mình sâu hơn nữa, ông bỗng tìm ra được nguyên nhân: tại mới rồi, ông đã từ chối, không làm thỏa một ước vọng của con: không cùng ngồi xe đi chơi núi với con như ông đã hứa. Là vì hôm đó ông có hẹn, phải gặp bạn làm ăn để tính toán một vụ quan trọng, không thể hoãn lại được. Vậy là lương tâm ông đã thú tội cho ông, nhưng nỗi bứt rứt của ông

không vì vậy mà giảm, trái lại cứ tăng hoài. Sau cùng ông có can đảm tự thú rằng đã bấy lâu nay mình bỏ bê con. Lần này cho nó số tiền lớn chính là để chuộc cái lỗi đó. Ông ta thú thật với tôi rằng sau khi tìm được nguyên do đó, ông ta xấu hổ lắm, xấu hổ vì mình biển lận, giả dối, đê hèn. Xấu hổ, ân hận tới chịu không nổi và để cho quên đi ông ta chơi bời nhăng nhít rồi bê tha uống rượu. Mãi lâu về sau ông ta mới đành

nhận cái thấp kém của mình an phận không trách móc mình nữa, và từ đó, ông ta lần lần thay đổi, bỏ được đĩ điếm, rượu chè.

Nhiều người không có can đảm mình ra sao thì tự nhận như vậy. Họ tự tạo cho họ một hình ảnh đẹp đẽ, cao thượng (cũng có thể người khác nịnh bợ họ mà tạo cho họ hình ảnh ấy) và sống theo theo đó. Quả thật là rất khó tự nhận thấy những khuyết điểm, nhu nhược,

khả nghi của mình.

Chắc bạn biết chuyện hoang đường về con "basilic", con quái vật nở từ cái trứng của một con gà trống và do một con cóc ấp? Hình thù nó ghê tởm quá, tới nỗi một hôm tự soi dưới bóng nước, nó hoảng mà chết khiếp. Truyện đó chỉ có ý nghĩa tưởng tượng. Tự nhận xét mình mà thấy sợ thì không lợi bằng tự thương mình và ráng chịu những nhược điểm của mình để cải tiến lần lần.

Hà tiện và tham lam

Hà tiện và tham lam là hai khía cạnh của chung một tâm trạng: mê của cải. Tham lam là khía cạnh công thủ, muốn chiếm cho nhiều, hà tiện là khía cạnh bảo vệ, giữ những của đã chiếm được. Hai tật đó thường liên hệ mật thiết với nhau nên trong bài này, chúng tôi không tách rời chúng ta.

Mọi người hoặc hầu hết mọi người đều muốn kiếm được tiền, giữ được của cải; vậy vấn

đề là cần biết thế nào là vừa phải, đâu là cái ranh giới của một thị dục tự nhiên, đáng khen nữa (thị dục có tài sản), mà vượt ranh giới đó thì thành cái tật tham lam, làm giàu bao nhiêu cũng vẫn chưa thỏa mãn.

Người tham lam là người nào kiếm được dư ăn cho mình và gia đình mình rồi mà vẫn còn muốn kiếm thêm và không chịu san sẻ chỗ dư cho người khác.

Về phương diện tâm lí, ta có thể nói rằng một người hóa ra

tham lam khi cái xu hướng tự nhiên kiếm tiền biến thành một đam mê. Cũng như chúng ta không thể trách một người khác thì uống, hết khát thì thôi; nhưng nếu người đó hết khát rồi mà vẫn tiếp tục uống hoài, không sao bỏ được thì rõ ràng là một anh chàng nghiện rượu. Tật nghiện rượu đã khó trị mà tật tham càng khó trị hơn nhiều. Vì người nghiện rượu chịu nhận tật xấu về mình, nhiều khi còn muốn chừa nữa, còn kẻ tham

lam thì tự cho mình là bình thường, có khi còn tự hào là có đức nữa, đức cần kiệm lo xa.

Có người bủn xỉn với người khác mà không bủn xỉn với bản thân; lại có người bủn xỉn tới nỗi nhịn mọi thứ: chính bọn này mới thực là hà tiện. Cách đây mấy năm một tên hành khất ở Paris chết, bọn đó suốt đời sống dưới gầm cầu sông Seine. Tên hành khất đó xin tiền thiên hạ và lượm các giẻ rách, có dư tiền đầu tư và chết rồi để lại một số

của cải lớn. Của cải đó giúp cho hắn được gì không? Hắn lại không có người thừa kế. Vậy thì hắn trữ của làm gì vậy? Chỉ để thỏa cái thú góp nhặt và đếm tiền thôi. Bọn keo cú mê tiền đó, thực ra là bọn bị bệnh thần kinh.

Một hôm tôi lại thăm du hí trường Monte-Carlo, ngạc nhiên thấy một bà lão bộ dạng kì dị: người khô như con mắm, nhìn mặt chỉ thấy một mũi nhọn, dài và cặp mắt lạnh lùng,

ngón tay vàng để móng như vuốt, nắm chặt một mớ tiền và thẻ để đánh bạc, hỏi ra thì bà ta giàu có vô cùng và cô độc, tối nào cũng tới đó đánh bạc.

Vì đâu mà người ta sinh ra tật tham lam?

Tôi biết một bà già nọ sau khi li dị với chồng, mấy lần muốn tái giá mà không thành, sau cùng quyết chí sống một mình. Không có con, bà ta đem hết tâm trí vào công việc và kiếm được nhiều tiền. Lại

hưởng được gia tài cha để lại: hai ngôi nhà cho thuê được một số tiền lớn. Nhưng hồi đó, bọn tôi chưa biết rằng bà giàu có. Cứ tưởng bà túng thiếu, cả những thú vui tầm thường trong đời, bà cũng gạt hết, không hưởng: không mời mọc ai ăn uống gì cả, không đi du lịch, quần áo rất giản dị, chỗ ở rất xoàng xĩnh, ăn thì lại một quán bình dân. Khi bà ta chết, cô cháu gái đã có một gia tài lớn, bỗng hóa giàu lên gấp đôi. Vậy

thì tật tham lam của bà đó do đâu mà phát sinh? Do điểm này: bà ấy tự nhủ: "Đời đã chẳng cho mình chút chi thì mình cho đời làm quái gì. Mình sẽ cóp nhặt để đó".

Nhiều khi người ta hóa rất tham lam là để "bù trừ" một sự thiếu thốn, bất mãn nào đó. Không được đời tặng cái mình muốn thì bù lại, mình kiếm cho thật là nhiều tiền và gom góp thật nhiều của cải. Dĩ nhiên như vậy là tính lầm, vì đáng lẽ mình

được hưởng đời nhờ những của cải đó thì mình lại bị cảnh cô độc, hóa ra chua chát, tinh thần nghèo nàn.

Cái tai hại của tật đó ở điểm này: mới đầu ta cho rằng mình chỉ phòng xa, tính toán hợp lí thôi: "Mình không biết mình còn có thể làm việc tới bao giờ, mình không muốn sau này phải nhờ vả ai cả, mà còn muốn để lại cho con cái một chút gì nữa". Vì vậy mà phải để dành tiền. Nhưng để dành tới bao giờ

và tới mức nào? Dần dần ý để dành tiền đó thành ra có sức ám ảnh ta.

Nguyên do sự ám ảnh đó là ta sợ cuộc đời. Người có tật gom góp của cải là người không có lòng tin, mà cũng vô tín ngưỡng nữa, vì muốn được an toàn, chỉ trông cậy ở mình, ở khả năng, của cải của mình thôi.

Chắc bạn đã đọc trong sách Phúc m chuyện một thanh niên giàu có lại hỏi Chúa Ki Tô,

muốn dược toàn thiện thì phải làm sao. Chúa Ki Tô đáp: "Nếu con muốn toàn thiện thì con bán gia sản của con đi và phân phát cho người nghèo". Thanh niên đó nghe xong, quay đi, buồn rầu lắm vì gã có một gia sản lớn. Tại sao gã buồn? Vì gã đủ thông minh để hiểu rằng con đường mà chúa Ki Tô chỉ cho để đạt được hạnh phúc và tự do tối cao đó rất đúng, nhưng gã không dám theo vì nhìn cảnh bất trắc của ngày mai, gã đâm

hoảng. Ngày mai không còn tiền thì sẽ sống ra sao đây? Gã quyến luyến với của cải quá, không dám xông vào cõi tự do.

Tôi biết một bà nọ cha mẹ giấu không cho biết là mình giàu, và khi chết để lại cho bà một gia tài lớn, bà ta đã quen cần kiệm rồi, vẫn tiếp tục dành dụm, tiêu pha rất ít, chỉ sợ gia tài không hưởng bất ngờ đó sẽ tan mất. Cũng may bà ta có một bà bạn thông minh, thấy cái tật cóp nhặt đó mỗi ngày mỗi tăng,

đích thân giữ tiền giùm cho, buộc bà phải mua sắm quần áo tốt, lựa các món ăn ngon, bố thí cho kẻ nghèo, v.v... Mỗi lần là phải tranh đấu gay go như vậy luôn mấy năm. Sau cùng tới lần thắng lợi đầu tiên: không cần có bạn khuyên bảo, bà "phú gia tội nghiệp" đó tự ý tặng một số tiền lớn cho một hội từ thiện. Lần đó bà ta bắt đầu hiểu rằng trước kia mình sống như trong một nhà giam bây giờ mới thoát ra được.

Muốn trừ cái tật hà tiện, có cách này công hiệu: thỉnh thoảng nhất là khi nào mình thấy sợ cuộc sống, sợ sẽ phải nghèo túng, thì tặng một số tiền lớn hoặc một vật gì rất quý, chẳng phải có lí do gì cả, chẳng cần tính toán, tặng một cách hoàn toàn vô tư.

Các nhà tu hành nguyện sống nghèo là có ý cương quyết bẻ những xiềng xích của tài sản.

Người đàn bà nhân từ, rộng rãi nhất mà tôi được biết là bà

ngoại tôi. Cụ góa chồng và có chín người con, một mình cai quản trại ruộng. Trong số người giúp việc của cụ, có vài người làm mướn, công nhật và một chú tên là Ja**ble luôn luôn tìm được cách ăn cắp vặt. Một hôm ông con trai lớn của cụ đem việc đó ra phàn nàn với cụ, cụ mượn lời sau này của thánh Paul để đánh: "Con không thể nào khớp mỏ con bò được khi nó đạp lúa". Một lần khác cụ bắt được tại trận chú Ja**ble

đang nhét mấy quả trứng vào đôi giày ống của chú. Theo cô tôi kể lại thì lúc đó cụ lúng túng hơn cả chú ta nữa, rầy chú: "Ja**ble phải nhét rơm hoặc cỏ vào trong giày trước đã chứ, nếu không thì bể hết trứng còn gì!". Và Ja**ble làm theo trong khi cụ đứng thản nhiên ngó. Nhờ dành dụm và ăn cắp vặt, chú ta mua được một miếng đất kha khá. Ngày chú mất, chú cho mời ngoại tới. Chưa bước qua bực cửa phòng của chú, cụ

đã nói ngay với người hấp hối: "Cứ yên tâm, chú Ja**ble, tôi biết chú muốn nói gì với tôi rồi, nhưng tôi đã tặng chú cái đó từ lâu rồi mà, và chú thấy đó, tôi có nghèo hơn chút nào đâu. Vậy chú cứ bình tĩnh mà qua thế giới bên kia".

Vài năm tới lượt bà ngoại tôi mất, cụ tắt nghỉ một cách dễ dàng, gần như vui vẻ. Cụ đã từ lâu không nghĩ tới của cải, vì theo đúng lời của thánh Paul: "Có của thì coi như mình không

có, mà không có thì coi như mình có".

Câu rất hay dưới đây: "Thà tặng một bàn tay ấm áp còn hơn phải buông ra khi bàn tay đã lạnh ngắt" cũng là một danh ngôn của bà ngoại tôi nữa.

Bạn có bi quan không

Khi ta bảo ai bi quan, là ta muốn nói người đó tiên liệu rằng mọi sự sẽ cực tệ hại. Trái lại, người lạc quan có khuynh hướng coi cái gì cũng tốt đẹp và dù làm việc gì cũng tin chắc sẽ

được như ý.

Hai thái độ đó, thái độ nào tốt? Chắc bạn muốn đáp ngay: thái độ lạc quan, dĩ nhiên! Nhưng đâu có thể đáp giản dị như vậy được. Trái lại vấn đề đó rất gai góc, nhân loại từ mấy ngàn năm nay chưa giải quyết dứt khoát được đấy. Trên một bình diện nào đó thì lạc quan tốt hơn là bi quan, phải. Muốn lập gia đình, cất nhà hay tiến hành một công việc làm ăn nào thì theo nguyên tắc, nên nghĩ thầm

rằng mọi sự sẽ hoàn hảo. Phải dám liều và nuôi hi vọng mới được.

Nhưng đứng trước một vấn đề quan trọng cho khắp thế giới, chẳng hạn vấn đề: sẽ có chiến tranh nguyên tử không, thì không thể lí luận như vậy được. Trong trường hợp đó, tuyên bố một cách lạc quan rằng "tai họa không xảy ra đâu", tức là tự an ủi một cách dễ dàng quá, mà thiếu óc thực tế, vì thế giới đã như vầy (đúng

hơn là đã trở thành như vầy vì lỗi của loài người) thì chúng ta bắt buộc phải nghĩ rằng cái họa chiến tranh nguyên tử có thể xảy ra được lắm. Nhưng mặt khác sống mà luôn luôn lo sợ tai họa, thì cũng là lầm lẫn lớn. Vậy trước những vẫn đề quan trọng thì thái độ nào hơn cả? Đối với thế giới và đời sống, xét chung, ta nên coi thái độ ra sao? Thái độ bi quan: thế giới này hỏng, đời sống chỉ là một chuỗi đau khổ? Hay thái độ lạc

quan: thế giới này tốt đẹp, con người có thể sống sung sướng được?

Đặt vấn đề như vậy là đặt sai, vì chỉ đưa ra hai thái độ trái ngược nhau và buộc ta phải lựa chọn lấy một. Mà thực ra còn có thái độ thứ ba nữa, thái độ ta sắp xét dưới đây.

Nếu bạn tự hỏi thái độ của mình đối với cuộc đời ra sao thì có lẽ bạn sẽ do dự không đáp được. Vì lạc quan hay bi quan đều tùy tâm trạng từng lúc của

mỗi người. Trong những lúc khoan khoái, bạn thấy vũ trụ như hòa hợp với mình. Bạn sung sướng và bảo: Đời đẹp quá, thế giới này tốt, loài người cũng tốt. Những lúc gặp vận đen, bạn lại chua chát bảo thế giới này hỏng.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới tâm trạng ta, làm cho ta có khuynh hướng lạc quan hay bi quan: thể chất của ta, tính khí của ta, kinh nghiệm của ta (đặc biệt là những kinh nghiệm thời

nhỏ), rồi tuổi tác, nòi giống nữa (giống người Slave ở Bắc và Đông u thường bi quan, còn các giống người ở bờ Địa Trung Hải - nhất là người Ý - thường lạc quan). Nhưng cái khuynh hướng tự nhiên đó không nhất định là không thay đổi trong suốt đời người. Nó chỉ là một trong các yếu tố thôi.

Vì lạc quan hay bi quan không phải chỉ là những khuynh hướng tự nhiên, còn là những phán đoán của ta về thế giới và

đời sống nữa, những phán đoán này gom lại thành quan niệm của ta về vũ trụ. Có quan niệm ra sao là tại ta một phần.

Cũng nên xem xét hai thái độ lạc quan và bi quan đó, thái độ nào xuất hiện sớm nhất trong lịch sử nhân loại. Đọc truyện cổ tích của các dân tộc bán khai thì ta tưởng rằng nhân loại thời xưa lúc nào cũng sống trong cảnh lo sợ hết tai nạn này tới tai nạn khác. Trong các cổ thư của mọi nền văn minh,

chẳng hạn trong Cựu ước, chúng ta thấy loài người phàn nàn về cuộc sống khó khăn, giàu sang hay nghèo hèn rồi cũng phải chết, họ oán số phận nghĩa là các vị thần - hay đấng Thượng Đế - sao mà tạo một thế giới xấu xa, đau khổ như vậy. Nhưng chúng ta cũng thấy họ xây dựng đời sống và hóa công, nhiều khi vừa than oán mà vừa ca tụng. Nếu bạn tự hỏi: cõi đời này tốt hay xấu thì bạn phải bắt buộc trả lời nó vừa xấu

vừa tốt, vì nó có nhiều cái tốt mà cũng có nhiều cái xấu, và lắm khi, cái mới đầu tưởng là tốt thì sau hóa xấu, hay ngược lại. Cõi đời biến đổi hoài thì không thể nào chỉ có tốt hay chỉ có xấu. Y như con người vậy; có người nào tốt hẳn hoặc xấu hẳn suốt đời đâu, có lúc tốt, có lúc xấu. Các triết gia và thần học gia mọi thời và mọi xứ đều suy nghĩ về đối tính (dualitê) đó và đưa ra những thuyết rất khác nhau. Đạo Phật cho rằng thế

giới không tốt không xấu: nó chỉ là ảo tưởng, chỉ có cái không, cõi niết bàn mới là thực. Vậy thì chỉ cần đừng lưu luyến gì với thế giới ảo tưởng này nữa, diệt được khổ rồi thì linh hồn được vào cõi niết bàn (nó không phải là hư không mà là cái nhất, cái toàn thể bí mật không thể chia ra từng phần được, mà ta có thể gọi là Đại Ngã hay Thượng Đế). Đối với người Do Thái thì Thượng Đế đã giao thế giới cho hai vị thần: thần phá hoại và

thần chân lí coi trong các bản cổ thư viết tay mới tìm được ở Tử Hải), và hai vị đó tranh giành nhau nhân loại. Còn những người theo đạo Ki Tô, thì tin rằng chúa cho quỷ Satan có quyền hành lớn trên thế giới. Goethe bảo trong suốt lịch sử, nhân loại lo cứu rỗi linh hồn mình, vậy lịch sử nhân loại là lịch sử sự chiến đấu giữa chúa và Satan. Bọn người bi quan bảo: phải, nhưng trong cuộc chiến đấu đó, nhất định là Satan

thắng nhiều hơn, và phần thắng của cái thiện rất nhỏ nhoi, nếu không phải là con số không. Nhưng người ta cũng có thể nói: sống trong cuộc chiến đấu bất phân thắng bại đó, tôi quyết tâm đứng về phe thiện. Hoặc bảo: đã không giải được cái lưỡng nan đó thì tôi bỏ nó đi, không bàn tới. Có những vấn đề gai góc không sao giải được, thì cứ bỏ lửng, đó là dấu hiệu sáng suốt và thành thực. Các nhà vật lí ngày nay đã nhận rằng trong

trình độ tri thức của loài người, có những vấn đề không sao giải được, thì tại sao về triết lí chúng ta lại không có tinh thần khiêm tốn như họ?

Nhưng ít nhất chúng ta cũng biết được điều này; nếu chúng ta đã kinh nghiệm chua chát rằng đời là khổ thì chúng ta cũng phải nhận rằng, ngược lại, chúng ta cũng có thể tìm được niềm vui và hạnh phúc trong đời, và ngay trong những cơn đau khổ, chúng ta vẫn có thể

giữ được tinh thần tự do (...)

Thế giới còn đương tiến, còn chưa đạt được cái đích là không gây khổ nữa, mà chúng ta còn là những khách trên đường đời, nhắm về đích đó thì chúng ta nên chấp nhận tính cách không tốt không xấu của thế giới đi, cứ sống giữa những mâu thuẫn đó đi, có gặp cảnh đau khổ thì ráng chịu và tìm hạnh phúc trong sự tin tưởng rằng đau khổ có cái nghĩa thâm thúy của nó. Đó, theo tôi, thái độ thứ ba là

như vậy. Không bi quan, không lạc quan mà dũng cảm. Nghĩa là can đảm tin chắc rốt cuộc các nỗi đau khổ của ta sẽ hóa ra hữu ích và chính đáng trong một vũ trụ mà chúng ta chưa hiểu được quy luật ra sao. Nuôi cái hi vọng mù quáng đó, là bổn phận của con người. Ai làm tròn được bổn phận ấy thì sẽ hiểu được lời của triết gia Epictète (thế kỉ thứ nhất sau tây lịch), lời tôi sẽ lựa để sau này khắc lên mộ chí của tôi: "Đã tới

cái lúc con dự xong buổi hội rồi ra về ư? Con đi đây, và con xin cảm ơn Thượng Đế đã không chê con mà cho con được dự hội với Ngài, được thấy những công trình Ngài và ngắm triều đại của Ngài".

Bạn có thể yêu được không?

Don Juan là điển hình của hạng tán gái, thấy người đàn bà nào cũng thèm, chinh phục cho được, nếu dụ dỗ mà không thành công thì cướp; không yêu người đàn bà nào lâu, không thể

thốt một lòng một dạ với người nào cả, và rốt cuộc bị trừng phạt: bị đầy xuống địa ngục, nghĩa là xuống cái nơi không có chút tình yêu, bất kì là dưới hình thức nào. Truyện anh chàng đó là truyện con người không thể yêu ai được.

Nhưng làm sao ta biết rằng Don Joan không thể yêu ai được? Có thể rằng hắn muốn yêu đấy nhưng không gặp được người vợ lí tưởng chăng? Có thể rằng hắn đã chịu hết thất vọng

này tới thất vọng khác chăng? Có thể rằng hắn đặt hi vọng lên cao quá, hoặc thấp quá? Cũng có thể rằng hắn chỉ tìm ở phụ nữ cái vui khoái hoặc đùa bỡn, cái vui nhục dục?

Và nếu hắn không thể yêu được thì có phải là lỗi của hắn không?

Dùng khoa phân tâm mà xét tâm lí của một gã "Don Joan" (ở trong truyện cổ tích hoặc ở ngoài đời) thì biết đâu chừng, chúng ta chẳng tìm được lí do

tại sao hắn không thể yêu ai được.

Có thể rằng, hắn sợ không có sinh lực nam tính, nên cứ phải tìm hoài cách chứng tỏ rằng mình vẫn sung sức. Có thể rằng bị một mặc cảm tự ti, hắn cho sự chinh phục được phụ nữ là một vinh dự? Có thể rằng hồi nhỏ không được mẹ yêu. Bị mẹ hành hạ tàn nhẫn, bây giờ hắn trả thù vào tất cả đàn bà? Có thể rằng, trái lại, hồi nhỏ được mẹ nuông chiều quá, hắn bị giữ

hoài ở tình trạng phát dục bất toàn nên bây giờ muốn tỏ cho các phụ nữ thấy sinh lực nam tính của mình? Cũng có thể rằng hắn hồi nhỏ thấy yêu mẹ quá, bây giờ muốn tìm lại hình ảnh của mẹ trong mỗi người đàn bà. Có thể hắn vào hạng người ham mê xâm chiếm, hễ thắng được là vui chứ không muốn giữ lâu. Có thể hắn có tính tò mò không sao thỏa mãn được, muốn biết hoài những của lạ, và khi biết rồi (hoặc

tưởng là biết rồi) thì bỏ đi, như một đứa trẻ, gỡ được những bộ phận của một bộ đồ chơi rồi thì vứt đồ chơi đó đi, không ham nữa. Cũng có thể hắn muốn yêu nhưng vẫn giữ trọn sự tự do của mình, nên mỗi khi một người đàn bà nào muốn cột chân hắn là hắn trốn liền.

Xét tâm lí của bọn Don Joan, chúng ta tìm ra được ý nghĩa này của ái tình: yêu là muốn nhưng cũng là có thể keo sơn với một người được.

Nhưng có phải ai cũng có thể keo sơn được như vậy không? Phân tích bọn Don Joan ta thấy rằng khả năng yêu, ít hay nhiều, có tích cách thiên bẩm, có thể nhạt đi, bị ngăn trở hoặc bị diệt mất nữa. Trước khi một người đàn ông có mối tình đầu tiên, thì khả năng yêu của người đó ra sao đã định rồi. Vì khả năng đó là tùy tính tình của mỗi người.

Nếu là một người điều hòa, quân bình, nhờ bản tính hay

giáo dục, thì người đó có thể yêu được, cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, nghĩa là cả khi không gặp được người yêu lí tưởng. Nếu là một người bất thường thì cả trong những hoàn cảnh thuận tiện nhất cũng không thể thật sự yêu được.

Mà hầu hết chúng ta không phải là hạng trên hay hạng dưới, chúng ta ở giữa hai hạng đó, vậy là có thể yêu được.

Nhưng lòng yêu chân thành cần có sự gắng sức, cần có ý

chỉ, đúng hơn là có thiện chỉ, thì mới thành công.

Tại sao hầu hết các cuộc tình duyên và hôn nhân đều thất bại? Tại người ta có ý niệm sai về ý tình và hôn nhân. Tại người ta nuôi những hi vọng hão huyền.

Một người chồng hoạt động tự tin, cho ái tình là tùy ý mình, và nếu người vợ không nhu thuận, muốn tỏ cá tính và ý chí mà chống lại, thì người chồng sẽ thất vọng lắm.

Một người đàn bà trước khi cưới, có tánh nhí nhảnh, làm duyên làm dáng, cưới rồi mà không được chồng ca tụng sắc đẹp nữa thì cũng không sung sướng.

Một người đàn ông tự cho mình là tài giỏi lắm, mà đóng cái vai một thiên tài không đời nào biết đến, sẽ cảm thấy vợ không hiểu mình, nếu vợ lột mặt nạ của mình.

Một người đàn bà muốn thấy chồng được đúng như ý tưởng

của mình, khi sống chung rồi mới thấy sự thực khác xa quá, thì tự nhiên sẽ thất vọng. Đáng lẽ người đó phải tự trách mình đã vụng xét, mù quáng thì lại trách chồng sao không phải là con người lí tưởng mình muốn.

Tôi xin ngưng kể thêm thí dụ nữa, mà đặt câu hỏi này: nếu ta thấy rằng người bạn trăm năm cảu ta làm cho ta thất vọng thì ta sẽ phải hành động ra sao? Có người sẽ trả lời tức thì rằng: phải li dị.

Tôi thì tôi bảo rằng ái tình là một sự giao kết với nhau. Mà giao kết không phải là chuyện tình cảm hay nhục dục. Giao kết là một hành động, một bổn phận.

Khi hai người gắn bó với nhau thì không phải là một trò chơi mà có thể lúc nào chán nhau thì li dị nhau, xa nhau ra; trái lại gắn bó với nhau là để tạo cái gì bền vững.

Người nào đã yêu ai thì nghĩ rằng sẽ yêu người đó suốt đời.

Nghĩ như vậy là phải. Yêu mà có kì hạn thì không phải là yêu. Rất nhiều thanh niên nhầm lẫn tình yêu với tình nhăng nhít nhất thời vì vậy mà các mối tình của họ rất ngắn ngủi. Sở dĩ vậy vì họ chưa phân biệt được hai thứ tình đó. Nhưng người lớn mà cũng vậy nữa thì thật là đáng trách. Có thất bại trong hôn nhân là tại họ không yêu mà cưới nhau hoặc tại họ không hiểu rằng ái tình có nghĩa là chung thủy, cần luôn luôn gắng

sức mới giữ được.

Người ta nhiều khi tưởng yêu nhau vì tình mà thực là vì một lí do khác: tìm một người đàn bà làm nô lệ cho mình, hoặc một người xuất vốn cho mình, một người nội trợ hoặc một người chỉ huy để mình phục tòng, một người ngưỡng mộ mình hoặc để cho mình lấy làm hãnh diện, một bạn chăn gối lúc nào cũng nhu thuận hoặc một cái máy đẻ, v.v... Người ta đòi hỏi cả ngàn thứ mà quên điều chính là ái

tình, mà ái tình thì lúc nào cũng là sẵn sàng hi sinh.

Hầu hết chúng ta đều hỏi hoài người bạn trăm năm: mình có yêu anh hay (em) không? Giá chúng ta tự hỏi: mình có yêu bạn trăm năm của mình không, thì phải hơn. Mình có biết rõ bạn trăm năm của mình để có thể làm cho người đó sung sướng và yê lại mình không?

Một ông nọ một hôm kể cho tôi nghe ông yêu tha thiết một

người đàn bà mà ông muốn cưới. Ông ta bảo tôi: "Cô ấy chỉ mỗi một tật đôi khi làm cho tôi phát bực mình: là húp cà phê sùm sụp. Tôi đã ráng sửa nhưng đã thành tật rồi, vô phương sửa. Tật đó di truyền của bà mẹ". Tôi khuyên ông đừng nên cưới: nếu tật nhỏ đó làm cho ông ta bực mình thì rồi không có cái gì của người yêu mà sẽ không làm cho ông không bực mình. Bây giờ thì tôi sẽ không khuyên như vậy nữa, vì một người khi yêu

thì vẫn giữ trọn cá tính với tất cả những thói quen của mình mà những thói quen này không thể nhất thiết vừa ý người bạn trăm năm. Đó là chuyện thường nhưng ta phải nhớ tới. Điều quan trọng là trước khi cưới phải hiểu rằng mình không cưới một con người lí tưởng mà một con người thường, nhất định có những điều không vừa ý mình. Hôn nhân không phải là một khúc tình ca, không phải là một cuộc gặp gỡ cuối tuần kéo dài

suốt mấy chục năm, không phải là một cuộc sống chung nhiều khi khó khăn, tuy không luôn luôn gây được hạnh phúc, nhưng cũng là một sự thành công đẹp đẽ.

Người nào thích ve vãn thì cần có sự thay đổi, còn người nào muốn yêu thì suốt đời chỉ cần có một người mà thôi. Vì vậy định nghĩa trên kia về ái tình, chúng ta nên sửa đổi lại một chút như sau: "Yêu là có thể và muốn kiên nhẫn giữ lời

gắn bó với nhau". Cho tới bao giờ? Cho tới khi chết.

Đúng giờ là sự lễ độ của vua chúa

Hễ hẹn bất kì ai về việc gì thì phải tới cho đúng giờ. Người ta thường cho sự tới cho đúng giờ là một đức tầm thường là hình thức thông thường nhất của sự lễ phép. Nhưng ý nghĩa của sự tới đúng giờ nào chỉ như vậy mà thôi.

Một cảnh ngoài phố: dưới chiếc đồng hồ nhà ga - nơi mà

nhiều người thích lựa làm chốn hẹn hò - một thanh niên đứng trơ trơ, rõ ràng có vẻ đợi ai. Nửa giờ sau chàng vẫn còn ở đó, đi bách bộ, hút hết điếu thuốc này tới điếu thuốc khác, thỉnh thoảng lại ngó lên chiếc đồng hồ, vẻ thất vọng. Rồi một thiếu nữ điềm nhiên chậm chạp bước lại: mãi bây giờ nàng mới tới, chàng nhìn chiếc đồng hò có vẻ trách móc, nàng mới đầu ngạc nhiên rồi sau hơi ngượng. Kế đó họ khoác tay nhau, cùng

đi.

Tại sao nàng lại tới trễ vậy? Tại phải đợi xe buýt? Tại lúc sắp ra đi thì mẹ lại sai làm một việc? Có thể như vậy, nhưng có nhiều phần chắc chắn là nàng "muốn" tới trễ. Nàng làm bộ tỏ cho chàng thấy rằng nàng chẳng thích gì cuộc hẹn hò này mấy, chẳng mong mỏi được gặp lại mặt chàng. Cũng có thể là nàng muốn cho chàng đau khổ một chút. Hoặc làm cho chàng càng nóng lòng trông đợi thì

chàng lại càng quý mình. Tóm lại, nàng tới trễ để gây một phản ứng.

Một trường hợp khác cũng cố ý tới trễ: đi coi hát hoặc tới dự một cuộc tiếp tân. Tôi nhớ một lần có cuộc hòa tấu ở một tư gia, các nhạc sĩ đã sửa soạn vào bản rồi thì một tiếng động ở cuối phòng làm cho họ quay cả lại. Cánh cửa mở ra, một phu nhân đồ sộ ung dung bước vô, lại còn mỉm cười nữa chứ, khẽ chào hàng bên đây, hàng bên

kia, khoan thai đi hết lối đi ở giữa rồi ngồi xuống một chiếc ghế ở hàng đầu. Đợi bà an tọa rồi cuộc hòa tấu mới bắt đầu. Bà là một nhà nổi danh về đàn piano, có ai mà không biết mặt, biết tiếng, đâu có cần làm cho thiên hạ chú mục như vậy. Nhưng bà thich thế.

Tôi đã từng thấy một lần như vậy trong một bữa tiệc lớn. Các tân khách hầu hết là người có tai mắt - đều ngồi vào bàn cả rồi thi có một bà nọ mới bước

vô, bà ta không nổi danh nhưng được cái là đẹp, y phục trang nhã. Thâm ý của bà lộ liễu quá. Mọi người đều quay về phía bà và trong vài phút bà được mọi người ta chú mục tới nhất.

Các ông chủ xí nghiệp lớn nhỏ, thường cố ý tới trễ để làm oai với nhân viên; có ông mời người cộng sự tới mà bắt họ đợi tới cả giờ đồng hồ để họ thấy rõ rằng mình làm chủ đây.

Nhưng cũng có khi chúng ta không cố ý mà vô tình tới trễ,

nghĩa là tiềm thức của ta xúi ta tới trễ mà ta không hay. Cách đây đã lâu, một buổi tối tôi lại dự một buổi tiếp tân của bạn; tôi biết rằng tối đó thế nào cũng sẽ gặp một người đàn ông mà tôi mến, bắt đầu mê rồi nữa, mặc dầu chưa biết gì nhiều về tính tình ông ta. Vậy tôi mong dự cuộc tiếp tân đó lắm. Nhưng như có ma đưa lối hay sao. Khi tôi vừa mới xỏ tay vào chiếc áo đẹp nhất của tôi thì thấy nó có một vết dơ, thế là phải lựa chiếc

khác. Rồi chiếc vớ của tôi tuột mất một mắt, lủng một lỗ. Sau cùng tôi chạy vội xuống cầu thang thì một gót giày của tôi móc vào thành đồng, gãy. Phải trở lên phòng thay giày. Tới trạm xe điện thì xe vừa chạy qua. Nhìn bốn bề không thấy chiếc taxi nào, tôi đành phải đi bộ, tới nhà bạn thì quá trễ. Người đàn ông tôi muốn gặp hôm đó vừa mới ra khỏi: ông ta làm y sĩ và dưỡng đường vừa mới gọi ông a về vì có một

trường hợp phải cấp cứu. Và tối hôm đó tôi biết rằng ông ta có vợ nhưng li thân với vợ và nhăng nhít lung tung. Đúng là hạng chuyên môn tán gái! Tiềm thức của tôi sáng suốt hơn tôi, đã tránh cho tôi một tai họa. Vậy không phải ma đưa lối mà là thần hộ mạng của tôi đã xui khiến tôi tới trễ.

Nhưng trường hợp đó hiếm, mà phần nhiều chúng ta sai hẹn chỉ vì thiếu kỉ luật, thiếu thứ tự rồi sau phải chịu vô số nỗi cay

đắng.

Trong các nguyên nhân tới trễ hẹn, có một nguyên nhân tha thứ được: thiếu ý niệm về thời gian. Tôi biết một bà nọ rất siêng năng, nhưng lúc nào cũng phải nhìn vào đồng hồ, nếu không thì không biết lúc nọ cách lúc kia là bao nhiêu, hai giờ hay bốn giờ? Lần nào bà ta ráng tới đúng hẹn được thì cũng luôn luôn hớt ha hớt hải, ngạc nhiên rằng sao thời gian đi mau thế.

Lại có những người không theo thời khắc biểu nên luôn luôn tới trễ. Họ biết rằng một giờ trưa phải tới. Họ lại làm việc ở ngoại ô, nhưng họ cũng cứ đợi đến một giờ thiếu năm mới đi kiếm taxi. Họ không biết lập một thời khắc biểu, hoặc lập rồi mà không theo đúng. Dĩ nhiên, đúng vậy phải có tinh thần kỉ luật, trọng một kỉ luật mình tự lập ra cho mình. Mỗi tuần tôi xuống thành phố một lần và trước khi đi, tôi ghi trên giấy tất

cả những việc tôi sẽ phải làm, mỗi việc mất bao lâu. Luôn luôn tôi tính rộng rãi thêm một giờ phòng hờ, vì biết đâu tôi chẳng hải nán lại một chỗ nào đó lâu hơn thời gian đã dự phỏng. Nhờ cách đó không bao giờ tôi tới trễ. Đó là kỉ luật tôi tự buộc tôi phải theo, vì lúc nào tôi không tự cột tôi vào công việc gì thì tôi thường thơ thẩn tà tà.

Ai cũng biết rằng những người rất bận việc gì thì luôn luôn có đủ thì giờ, còn những

kẻ ít công việc thì lại không bao giờ có một phút rảnh. Điều đó dễ hiểu: người nào có những công việc quan trọng phải làm thì bắt buộc phải định thời khắc biểu. Và mỗi khi có một việc bất ngờ phải làm gấp thì họ giảm thời gian để làm một việc khác kém quan trọng hoặc gắng tích cực làm cho mau hơn.

Xét như trên rồi, chúng ta thấy tới trễ hẹn không chỉ là một tật nhỏ mà còn có những nguyên nhân xâu xa về cảm

xúc và về luân lí. Hầu hết những người mắc tật đó đều hoặc ích kỉ hoặc tự cao tự đại.

Một hôm tôi kêu điện thoại xin được gặp một nhà bác học rất nổi danh mà tôi biết chắc rằng bề bộn công việc. Ông hẹn tôi đúng mười hai giờ trưa, cho nên tôi tới sớm một chút và yên lặng ngồi chờ trong phòng khách. Mười hai giờ thiếu năm ông ở trong phòng làm việc bước ra, xin lỗi đã để tôi phải ngồi chờ. Từ đó ông coi tôi là

hàng thân hữu của ông và mỗi khi cần tới gặp nhau thì luôn luôn cả hai chúng tôi đều tới trước hẹn để đỡ phải chờ nhau.

Người ta bảo tới đúng giờ là sự lễ độ của hạng vua chúa. Riêng tôi tôi nghĩ rằng nó là sự lễ độ của mọi người đàng hoàng, nhã nhặn, không muốn làm cho người đã ước hẹn với mình phải sốt ruột, bực mình mà cũng không muốn làm cho người đó buồn lòng, mất thể diện.

Nén giận

Hãng Mathoushita, hãng sản xuất đồ điện lớn nhất Nhật Bản đã kiếm được một cách ngộ nghĩnh để làm tăng năng suất của nhân viên: trong xưởng có một phòng riêng ngoài treo chiếc bảng có hàng chữ: "Xin anh em tùy ý sử dụng".

Sử dụng cái gì vậy? thưa, những gậy tre, dài có, ngắn có, lớn có, nhỏ có, chất đống trong phòng; nhân viên cứ việc dùng để đập ông chủ. Dĩ nhiên không

phải là ông chủ bằng xương bằng thịt, mà là một hình nộm bằng chất nhựa giống y hệt ông chủ. Khi một người thợ, một nhân viên phòng giấy thấy ngán làm việc hoặc vì công việc đơn điệu quá, hoặc vì đã bị một thượng cấp mắng oan, thì cứ tự do được ngưng công việc mà vô phòng gậy tre. Ban giám đốc xác nhận rằng kết quả tuyệt hảo: ở trong phòng gậy tre ra, người nào cũng hết chán nản mà hóa vui vẻ, hăng hái.

Truyện đó là truyện đùa hay là một ảo tưởng, hay là truyện nghiêm trang đấy? thưa, rất nghiêm trang, và cách đó chỉ là để cho nhân viên, thợ thuyền phát tiết nỗi uất hận trong lòng, tránh cho nó khỏi bị dồn ép xuống.

Đương cơn giận dữ, chắc bạn đã có lần liệng bể chén đĩa, khép cửa đánh rầm một cái, giậm chân thình thình hoặc đương lái xe thì văng tục, chửi rủa kẻ đã lái ẩu, mặc dầu biết

rằng kẻ này không thể nghe thấy được.

Chắc đã có lần bạn nhận thấy rằng một ông chủ sự mới bị ông giám đốc rầy, trở ra "gây" với người giúp việc, rồi người này không có ai ở dưới mình nữa mà gây, trút cơn hận lên đầu kẻ nào lại gần, hoặc lên đầu vợ con ở nhà.

Mà bạn cũng đã thấy một em nhỏ mới bị mẹ bạt tai, bực mình đập con búp bê hoặc một chiếc ghế.

Các hành động đó đều là để trút bỏ một niềm oán hận; không thể đập thẳng kẻ đã làm khổ mình một cách có lí hay vô lí (vì mình không có quyền được đánh đập họ hay nhục mạ họ), thì "chuyển cú đập xuống thấp", mà nạn nhân của mình sẽ phải chịu thay cho kẻ kia.

Trút hận được như vậy người ta thấy dễ chịu liền. Người ta không còn chứa chất nỗi hận trong đáy lòng nữa; để cho nó bị dồn ép trong tiềm thức,

không chế ngự, diệt nó đi thì nó có thể gây thác loạn cho tâm thần ta.

Vì vậy, hãng Nhật Bản đó hoàn toàn có lí, mà bạn cũng có lí nữa khi bạn văng tục hay đập bể tan tành một cái đĩa, miễn là đừng để cho ai thấy, và một khi đã hả dạ, bình tĩnh lại rồi, bạn lại đặc biệt hòa nhã với mọi người.

Nhưng có cách nào tốt hơn cách đó không?

Người ta kể cho tôi nghe

chuyện một thầy tu tên là **nrad von Altotting, giữ cửa một tu viện, phát súp cho các người nghèo. Một hôm, ông đương phát súp thì một người hành khất liệng cả hai đĩa súp nóng vào mặt ông. Ông bình tĩnh chùi mặt rồi thản nhiên bảo: "Tôi chắc rằng món súp ấy không vừa ý chú!".

Chúng ta phải nhận rằng thái độ đó thực là siêu quần, bẩm sinh ra không ai được như vậy, mà chỉ tu tâm để tự chủ thì

cũng không thể được như vậy. Nguyên do ở chỗ nào khác kia.

Câu: "Tôi chắc rằng món súp ấy không vừa ý chú!" tỏ rằng tu sĩ đã khách quan hiểu được hoàn cảnh: món súp ấy không ngon, vậy người hành khất nổi giận thì có gì đâu mà lạ?

Tu sĩ đã hiểu người hành khất. Và sự hiểu biết đó chính là bí quyết của những người nén được nỗi cay đắng mà họ phải chịu một cách bất công. Vì vậy mà trước khi trút nỗi uất hận,

chúng ta nên tự hỏi tại sao người kia lại có thái độ đối với ta.

Tại sao ông chủ mình lại nổi quạu? Tại sao cô bán hàng nọ lại gắt gỏng như vậy? Tại sao con mình lại ngỗ nghịch? Tại sao chồng mình lại vô cớ la mình như vậy? Tại sao bà hàng xóm vênh váo tới mức đó?

Nếu ta thành thực tự hỏi như vậy thì chúng ta thấy rằng người nào "làm nhục" ta đó, sở dĩ thái độ như vậy hầu hết là vì bất

bình về cảnh hiện tại hoặc về cuộc sống, chứ không phải bất bình về ta.

Thường ông chủ mắng nhân viên là ngẫu nhiên trút lên đầu nhân viên những nỗi bực mình ông ta chất chứa trong lòng từ lâu. Có thể rằng hồi nhỏ, cha mẹ nghiêm khắc, tàn nhẫn quá mà ông ta không dám phản kháng, phải nuốt giận, nuốt hận và nghĩ bụng: "Khi lớn nên, mình sẽ chỉ huy cho mà coi".

Bà hàng xóm vênh váo như

vậy có lẽ là do một mặc cảm tự ti. Bà không chịu nhận rằng nghèo hơn, xấu hơn, quê mùa hơn bạn, và vênh vênh váo váo như vậy để tỏ rằng bà ta hơn bạn.

Còn đứa bé ngỗ nghịch vì nó thấy bất mãn, xung đột với người xung quanh. Người lớn đòi hỏi nó nhiều thứ quá, chút gì cũng bắt bẻ mà lại không làm gương cho nó. Như vậy làm sao nó không hóa ra trâng tráo được?

Chúng ta làm bậy thì không sao, người khác làm bậy thì chúng ta trách. Đáng lẽ rầy cô bán hàng là không niềm nở tiếp khách thì tại sao bạn không bảo cô ấy, chẳng hạn: "Công việc của cô cực nhọc. Phải tiếp đãi, chiều ý mọi người thì làm sao để thấy đời vui cho được".

Nói như vậy, bạn sẽ giúp cho hai người: trước hết là giúp cho cô bán hàng hết quạu quọ khi thấy mình được khách hàng cư xử một cách nhân đạo; sau nữa

là giúp cho chính bạn diệt được nỗi bất bình khi nó mới phát sinh.

Dĩ nhiên, những lời đó, phải nói một cách hòa nhã, chứ đừng có cái giọng lãnh đạm, hạ cố. Nó phải phát từ đáy lòng ra, và muốn vậy phải tập luyện lâu, tìm hiểu nguyên nhân những nỗi ác cảm của người khác.

Còn về phần chúng ta, phải gắng sức không ngừng mới có thể biến đổi tính tình ta từ trong tiềm thức được, để lúc nào

cũng làm chủ hoàn cảnh một cách dễ dàng, chẳng cần phải dùng cái trò trẻ con trút nỗi hận lên cái hình nộm hoặc cái đĩa, cái bàn.

Có thể sống trong mâu thuẫn được không?

Hồi tôi hai mươi tuổi nghĩa là vào cái tuổi tinh thần quá dễ chịu ảnh hưởng ở ngoài, không thể có một phán đoán độc lập được, tôi khổ sở lắm vì không tìm được một chân lí nào tuyệt đối, bất di bất dịch trong số bao

nhiêu chân lí tôi được biết.

Đọc một cuốn sách chống chiến tranh ư? Tôi thành ngay một thanh niên chuộng hòa bình. Rồi đọc một cuốn khác trình bày sự cần thiết của chiến tranh thì chủ trương hòa bình của tôi lung lay liền.

Hoặc sau khi tin tưởng rằng con người thời nay phải xông vào mọi vấn đề nóng hổi của thời đại, rồi đọc một cuốn sách về các nhà ẩn sĩ Nga thì tôi lại tin chắc rằng chỉ có cuộc đời

trầm tư là đáng sống.

Tuổi thanh xuân đòi vấn đề gì cũng phải giải đáp minh bạch. Có hay không, trắng hay đen, thế thôi. Thanh niên chỉ muốn hoặc sùng bái hoặc bài xích. Không muốn những màu phơn phớt, những câu: "Không những vậy... mà còn...". Nghĩa là họ không muốn sống trong sự mâu thuẫn.

Sự đòi hỏi của tuổi xuân đó còn lại ít nhiều trong suốt đời ta. Như vậy không những tự

nhiên mà còn cần thiết và hữu ích nữa.

Bây giờ chúng ta tự hỏi câu này: loài người phải là một sinh vật cao cả, "vạn vật chi linh" không, hay chỉ là một sinh vật tội nghiệp, yếu đuối, đầy những khuyết điểm?

Sao, bạn đáp sao?... Có lẽ bạn sẽ bảo rằng người cũng có nhiều hạng, có người cao cả, có người đê tiện. Nhưng như vậy đâu phải là trả lời tôi. Tôi hỏi bạn loài người cao cả hay đê

tiện, đâu có hỏi người này ra sao, người nọ ra sao, tôi hỏi là hỏi loài người kia mà. Và đây tôi xin đáp: loài người vừa cao cả vừa đê tiện.

Chúng ta thử tự xét mình, chúng ta có thể có những hành vi anh dũng mà cũng có thể mắc những tội nặng, có thể anh hùng mà cũng có thể đê tiện; có thể cư xử như những vị thánh hoặc như bọn tiêu tư sản hẹp hòi; có thể minh triết mà cũng có thể điên khùng. Nhiều khi

chúng ta không tự biết mình ra sao, cho tới một ngày bỗng nhiên có sự phát giác tàn nhẫn và ta mới nhận ra chân diện mục của mình.

Vậy để trả lời câu hỏi: con người đáng khen hay đáng khinh, tôi xin đáp ngay: đáng khen mà cũng đáng khinh.

Làm sao có thể như vậy được? Có thể vừa lớn vừa nhỏ sao? Vây, đúng vậy! thí dụ: ngọn núi kia cao không? Đối với một con kiến thì nó rất cao,

đối với một con chim thì không; nếu ta phải leo nó dưới ánh nắng gay gắt thì thấy nó cao; nhưng nếu ngồi một cái máy cáp (téléphérique) đưa ta lên tới ngọn thì lại thấy nó thấp.

Thuyết tương đối cần cho triết học ngày nay cũng cho vật lí học hiện đại, nó có thể giúp ta tới gần được sự thực.

Nhưng về câu hỏi: "Ông sướng hay khổ?". Một người nào đó có thể đáp: tôi có nhiều nỗi lo lắng trong công việc làm

ăn, nhưng bù lại, về phía gia đình tôi được nhiều hạnh phúc, rốt cuộc tôi thấy sung sướng.

Đi sâu vào mỗi vấn đề thì sẽ thấy vấn đề nào cũng có nhiều cách đáp chứ không phải một cách duy nhất. Chúng ta sẽ phải nhận rằng sự mâu thuẫn - ở trong bản thân ta cũng như ở ngoài - quả là cần thiết mặc dầu làm cho ta khó chịu.

Chúng ta thử tưởng tượng một cuộc tranh luận giữa hai nhà bác học. Quan điểm của họ

tương phản nhau. Giá họ và tất cả các nhà bác học khác cùng một quan điểm với nhau thì có lẽ tiện đấy, nhưng chính họ bất đồng ý kiến nên khoa học mới tấn bộ được.

Vậy tranh luận là để làm gì? Để đưa ra chính đề và phản đề, bắt bẻ những luận cứ của nhau, rồi hai bên mới cùng tiến thêm một bước trên con đường đưa tới chân lí.

Đem áp dụng vào đời tư thì thấy kết quả sẽ đại loại như vầy:

tôi cho rằng cần phải có kỉ luật, bình tĩnh, mực thước, nhưng gặp lúc nếu cần thì cũng nên bất chấp tất cả, không giữ mực thước nữa. Chẳng hạn về ái tình. Các đam mê đều cần thiết đấy chứ. Có đam mê mới biết hi sinh, mạo hiểm, liều lĩnh, hăng say, làm việc và sẵn sàng nhận cái chết nữa.

Vậy thì mực thước và không mực thước đâu là chân lí?

Chân lí ở cả trong hai thái độ đó, tùy hoàn cảnh và tùy tuổi.

Có lúc mực thước rồi không mực thước; có lúc vừa mực thước vừa không mực thước. Người ta có thể yêu một cách say đắm mà vẫn giữ khuôn phép được. Cũng như về tôn giáo, có thể tín ngưỡng rồi lại ngờ vực. Cũng như vừa yêu tha nhân vừa ngờ vực họ. Hoặc có thể phụng sự tổ quốc mà chống đối với chính sách khuếch sung binh lực của quốc gia.

Cũng vậy, chúng ta có thể lưu tâm tới các vấn đề của thời

đại mà không coi đó là trung tâm mọi hoạt động của ta.

Chính nhờ tạo ra cái không khí trì nghi, bất quyết đó mà sự mâu thuẫn mới là nguồn gốc của sự tấn bộ. Cho nên chúng ta không nên xét cái gì cũng theo một mặt, do đó chỉ chấp nhận có mỗi một chân lí, thói đó rất thường khi khi ta cư xử với người đồng thời với con cái và cả với ta nữa.

Không thể nào đạt đến chân lí thật sự là chân lí, chân lí duy

nhất được. Chúng ta chỉ có thể đạt tới những giá trị đại khái của "những chân lí tương đối" thôi. Nhưng không phải vì nó tương đối mà nó không đúng.

Đời sống cực kì phức tạp, muốn nhận định nó cho công bằng thì không nên giản dị hóa nó một cách thô sơ, mà trái lại phải chấp nhận sự phức tạp của nó.

Ngẫm cho cùng sự mâu thuẫn không phải ở trong đời sống cũng không ở trong những

biểu hiện của đời sống mà ở trong tinh thần ta, nó không đủ sức chọi với đời sống. Chính trí tuệ của ta tách rời ra những cái vốn có liên hệ mật thiết với nhau, còn giác quan của ta thì thấy được cái hợp nhất, cái toàn thể (...)

Chúng ta bắt buộc phải sống trong sự mâu thuẫn, nhưng không nên vì vậy mà thất vọng, vì sống mãnh liệt trọn vẹn đời sống có nghĩa là chỉ biết một phần của chân lí, cái phần mà

ta nên biết thôi. Như triết gia Kierkegaard đã nói: "Có thể sống được trong sự mâu thuẫn là tỏ rằng tinh thần mình lành mạnh".

Kiên nhẫn

Một hôm tôi thấy một em bé nóng ruột vì gà mẹ ấp lâu quá mà trứng không nở, lén lấy một quả, đập bể để "cho gà con ra". Gà con chết ngay dưới mắt nó.

Cách đây ít lâu, một nữ sinh viên Nhật đã trao đổi thư từ với tôi từ nhiều nhiều năm, nhân

dịp qua Châu u, đem tặng tôi một cái giỏ đầy những con chim nhỏ xíu bằng giấy. Cô ta bảo tôi: "Có cả thảy ngàn con, em làm để biếu bà đấy". Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên, cô giảng: "Ở Nhật Bản khi khấn nguyện một điều gì quan trọng, thì mỗi ngày chúng tôi kết một con chim nhỏ như vầy. Đó là loài hạc tượng trưng cho sự thanh khiết và trung tín. Hễ kết được ngàn con thì ước nguyện của mình thực hiện được". Cô đã nhiệt tâm

ước nguyện điều gì vậy? Ước nguyện được qua du học Châu u mà ở gần tôi. Kết xong được ngàn con thì cô được chính phủ cấp học bổng qua Đức học, đúng như sở nguyện của cô.

Trong kịch Piergynt của Ibxen, nhân vật chính của Piergynt một hôm từ biệt người vợ trẻ tên là Solveig để đi ngao du khắp thế giới. Về già ông ta mới trở về nhà và thấy Solveig cũng già rồi, ngồi đợi ông ở trước cửa.

Người nào kiên nhẫn thì có thể đợi được, đợi cho tới khi được mãn nguyện. Người thiếu kiên nhẫn thì không chịu đợi, nóng nảy làm trước và thường làm tiêu diệt sở nguyện của mình. Đặc tính của tuổi trẻ là thiếu kiên nhẫn. Thanh niên như những con ngựa tơ giậm chân ở cửa chuồng, nóng nảy muốn ra khỏi chuồng vì cho rằng hạnh phúc ở ngoài chuồng kia, hạnh phúc đó ra sao chưa biết, phải nhận rằng có tính

nóng nảy đó họ mới ham hoạt động, nhưng rồi cũng nhiều nỗi cay đắng. Họ không đợi được tới lúc tinh thần già dặn rồi mới yêu, mới lập gia đình mà đâm bổ ngay vào các cuộc tình duyên chớp nhoáng. Cô thì mang bầu, hoặc phá thai, hoặc giao đứa con cho hội từ thiện, hoặc vội vàng kết hôn để rồi chẳng bao lâu li dị nhau. Còn cậu thì nóng lòng muốn được người ta coi mình là người lớn, làm những chuyện bại hoại

phong tục.

Nóng nảy là dấu hiệu của sự thiếu già dặn về tinh thần. Thanh niên đã vậy, nhưng còn người lớn chúng ta? Nhiều khi chúng ta cũng như em bé đập quả trứng gà mẹ đương ấp, rồi cũng đau khổ, thất vọng chua chát. Lái xe chúng ta không chịu chạy theo hàng mà khinh suất vượt lên rồi bị tai nạn. Vợ chồng gây lộn nhau, chúng ta không chịu đợi cho cơn khủng hoảng dịu đi, không ráng thử

giữ lòng trung tín với nhau, không để cho ái tình của ta chịu cuộc thử lửa xem sao, mà đã vội vàng li dị nhau. Chúng ta không chịu kiên nhẫn xem trí tuệ của một em nhỏ tuần tự phát triển một cách tự nhiên mà bắt nó gắng sức quá mức, có thể gây cho nó bệnh thần kinh nan y, gây cho nó cái tâm trạng vừa lo ngại vừa tự ti mặc cảm mà có những tham vọng bệnh hoạn. Chúng ta nóng nảy muốn thành công sớm, gắng sức quá

mà sinh ra chứng huyết khối. Có kẻ không kiên nhẫn chịu được vận rủi hoặc những khuyết điểm, tật nguyền của mình mà tự quyên sinh.

Có thể kể cả trăm thí dụ khác lớn và nhỏ, rồi đưa ra kết luận rằng sự thiếu kiên nhẫn là nguyên nhân xa, có khi là nguyên nhân chính của mọi tai họa, đau khổ nữa. Điều đó có thể đúng nếu ta coi sự thiếu kiên nhẫn là một hình thức của cái tội nguyên lai này: thiếu tình

thương. Quả thực những người nóng nảy muốn mọi người phải theo cái nhịp sống riêng của mình. Trí óc mẫn nhuệ, họ cho những kẻ suy nghĩ chậm chạp là ngu ngốc, mặc dầu những kẻ này có thể suy nghĩ sâu sắc hơn họ. Bản tính mẫn cảm và hiếu động, họ chụm chân nhảy đại ngay vào công việc mà ghét những kẻ phải chuẩn bị lấy đà trước đã. Họ có thể quyết định tức tốc, nên đòi người khác cũng phải vậy, không chịu cho

người ta kịp suy nghĩ, cứ đưa ra ý kiến hoặc hành động càn đi. Họ muốn chi phối người khác, rốt cuộc phá cái nhịp tiến của người mà gây nhiều tai họa. Thánh Paul bảo rằng tình thương là khoan dung và kiên nhẫn; chúng tôi muốn nói thêm rằng ngược lại sự thiếu kiên nhẫn chẳng những là thiếu tình thương mà còn diệt tình thương nữa.

Thiếu kiên nhẫn cũng là một hình thức tham vọng. Sợ bỏ lỡ

mọi thứ, người ta muốn đạt mục đích cho thật mau, mà có những mục đích không thể đạt mau được. Trong trường hợp đó, nóng nảy cũng là một dấu hiệu của sự nhu nhược, sợ sệt. Phải cương cường thì mới có thể kiên nhẫn được. Mới xét qua thì lời đó có vẻ nghịch lí. Vì người ta chẳng thấy đấy ư, những kẻ lãnh đạm, nhút nhát, thụ động mới kiên nhẫn chịu đựng; còn những kẻ hung hăng. Hoạt động,sinh ra để chỉ huy thì

thường nóng nảy.

Thôi, chúng ta hãy tạm bỏ vấn đề đó đi mà tự hỏi câu này đã: cái đức kiên nhẫn mà người bảo tích cực, kẻ bảo là tiêu cực đó, thực sự là cái gì vậy?

Tiếng "kiên nhẫn", gồm có chữ "nhẫn" là nhịn, là chịu đựng, vậy để trỏ một thái độ tiêu cực. Nhưng nhịn cũng có nghĩa là bao dung, tức cho phép người khác có một ý kiến khác với ý kiến mình, sống theo một lối khác với lối của mình, vậy là

trở một thái độ không có gì là nhu nhược hay tiêu cực cả. Chỉ người nào cương cường mới có thể tôn trọng cá tính người khác mà vẫn giữ nguyên cá tính của mình. Xét theo khía cạnh đó thì kiên nhẫn là một đức dũng cảm, không nhất định là của nam giới. Trái lại, người ta có thể cho rằng nữ giới thường kiên nhẫn hơn nam giới vì có thể bình tĩnh hơn. Dù sao thì điều quan trọng cần nhấn mạnh là điều này: kiên nhẫn là một dấu

hiệu rằng tinh thần cao cả, mà tinh thần cao cả tức là con người cao cả. Người nào kiên nhẫn sẽ thắng. Tục ngữ đã nói: "Kiên nhẫn thành công hơn là sức mạnh".

Trong số những câu chuyện của Brecht, có chuyện này diễn đúng tư tưởng của tôi: một người đi biển, gặp một cơn giông lớn, không thèm chèo nữa, nằm dài trên thuyền mặc cho sóng đưa tới bể nào cũng được. Vậy kiên nhẫn cũng có

nghĩa là: đừng cái gì cũng trông ở đức mình mà cứ tin ở vận mạng, mặc cho nó đưa đẩy. Hiểu theo nghĩa đó thì kiên nhẫn cũng là một hình thức can đảm.

Có thể rằng nhiều khi trong đời cần nóng nảy, nhưng chính cuộc đời sẽ dạy cho ta rằng rốt cuộc người nào kiên nhẫn, dai sức, bền hơi thì thế nào cũng thắng.

Chấp nhận cuộc đời

Có một truyện cổ tích Ấn Độ

làm cho chúng ta phải suy nghĩ nhiều. Đại khái truyện đó như sau:

Một người nọ một hôm gặp một con rắn lớn vô cùng muốn tấn công mình. Trước nguy cơ đó, do bản năng tự vệ, anh ta chiến đấu với con quái vật, nhưng không thắng nổi nó, đâm đầu chạy. Con rắn đuổi kịp, anh ta phải quay lại chiến đấu với nó. Rồi lại chạy. Cứ đánh rồi chạy, chạy rồi đánh, như vậy mấy lần, không được nghỉ một

phút, phải dồn hết toàn lực mà chẳng làm được điều gì khác nữa.

Chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa của phần đầu đó trước khi qua phần thứ nhì của câu chuyện. Con rắn đó tượng trưng cho số phận. Ai cũng có số phận. Tiếng này chỉ một tổng hợp các khả năng thiên phú, tài đức luyện được, các ảnh hưởng di truyền, đất đai, xã hội..., các bổn phận, thị dục, ưu tư, đau khổ, hoan lạc, bệnh tật, liên hệ

gia đình, xã hội, hi vọng, thất vọng và các năng lực bí mật tốt hoặc xấu tác động đến con người. Ta phải nhận cái số phận đó, không sao tránh được nó. Nhiều người thấy nó đè nặng trên vai quá, ghét nó, tởm nó, muốn trút bỏ nó đi bằng cách này hay cách khác. Một cách thông thường nhất là trốn nó, chẳng hạn trốn vào bệnh tật, tin rằng như vậy là trút được trách nhiệm: "Tôi bệnh tật rề rề, suy yếu quá! Tôi xin rút ra khỏi

cuộc chiến đấu, xin bà con thương tôi với, săn sóc cho tôi, tội nghiệp!". Chuyện cổ tích trên kia cho thấy rằng trốn như vậy vô ích: con rắn sẽ đuổi kịp ta, rồi ta lại lâm nguy, lại phải chiến đấu như lúc đầu mà vẫn không sao thắng nổi nó được.

Hiển nhiên là thái độ chạy trốn đó hỏng. Vậy thì làm sao bây giờ? Chuyện cổ tích cho ta biết tiếp:

Một hôm một nhà hiền triết thấy anh ta loay hoay mà không

thoát được cảnh đó, bảo: "Đừng chạy trốn nữa mà cũng đừng chiến đấu nữa". Anh ta đáp: "Nó sẽ nuốt tôi mất, còn gì!". Nhà hiền triết nói: "Nghe lời tôi khuyên đây sẽ được yên ổn, lại gần con rắn đi, nằm dài bên cạnh nó, uốn mình theo những khúc cong của nó thì sẽ thoát, nó sẽ không tấn công anh nữa đâu". Anh ta nghe theo lời khuyên đó và quả nhiên được yên ổn.

Như vậy nghĩa làm sao? Phải

bỏ cái ý làm chủ số phận của mình ư? Cứ khoanh tay mà an phận chăng? Không phải vậy. "Nằm dài bên cạnh con rắn" có nghĩa là: hòa giải với nó, tin nó, coi nó như bạn đồng hành, chấp nhận nó như một sự tất yếu, nhưng là một sự tất yếu hợp ý ta, hoàn toàn do ta định. Tóm lại, "Nằm dài bênh cạnh con rắn" tức là chấp nhận số phận. Vì ta chỉ có hai thái độ đối với số phận: chấp nhận hay phủ nhận. Trái lại từ chối nó đã

không được mà còn làm cho nó đè nặng lên vai ta hơn nữa, cũng như con cừu bị cột cổ vào một cái cọc, càng kéo để ráng chạy thoát thì dây chuyền càng thắt chặt cổ lại. Người nào ngày ngày đều than thân trách phận thì sẽ thấy số phận không khác con rắn nó muốn nuốt mình. Nhưng người nào còn bình tĩnh chấp nhận số phận, không phải chấp nhận một lần là đủ, mà phải chấp nhận mỗi ngày, thì sẽ thấy rằng số phận có khổ sở tới

mức nào (bị một chứng nan y hay lỡ vướng vào một cuộc hôn nhân tai hại) cũng sẽ lần lần bớt khắt khe đi. Ta tự thích ứng với số phận thì số phận sẽ tự thích ứng với ta, và cuối cùng ta sẽ nhận thấy rằng số phận không phải ở ngoài ta, rằng "nó với ta là một", nó chính là ta và chấp nhận nó chính là tự chấp nhận ta. Vì số phận không khác gì chiếc áo lót bó sát người ta, nó là ta. Người ta bảo: chính tính tình, thái độ của ta quyết định

số phận cho ta. Tại bản ngã ta như vậy cho nên ngoại giới mới tác động tới ta như vậy. Bản ngã của ta tìm gọi cái số phận của ta, cái số phận hoàn toàn thích hợp với ta - điều đó có khi phải đợi đến lúc ta gần từ biệt cõi đời, ôn lại con đường đời đã qua rồi mới nhận định ra được. Một chuyện cổ tích nọ kể rằng một người xin đổi cái "thập tự giá" (tức cái cảnh khổ, cái số phận) người đó phải vác. Người ta dắt anh ta vô một phòng

dựng đầy những thập tự giá lớn nhỏ, nặng nhẹ đủ cỡ. Anh ta lựa một lát rồi la lên: "Cho tôi cây này", thì chính là cây anh ta đã chê và đòi đổi.

Trong số bạn thân của tôi có một cặp vợ chồng nọ hoàn toàn sung sướng cho tới khi sanh đứa con thứ ba. Em gái này trí tuệ trì lộn, bị chứng giật gân, động kinh, nguyên do tại óc, nói không được mà đi cũng không được. Thực làm não lòng cho cha mẹ. Mới đầu hai ông bà

còn cố bám lấy cái hi vọng trị được bệnh cho con, chẳng hết hẳn thì cũng đỡ được ít nhiều. Sau ba năm, hi vọng tiêu tan và họ như ngã quy xuống, chịu không nổi, sống cô độc, không giao thiệp với ai hết.

Một năm sau nữa, tôi nhận được một bức thư: "Chúng tôi mới trải qua một kinh nghiệm kì thú làm sao: cái họa của chúng tôi đã thành cái phước chị ạ. Phải gặp cái cảnh bi thảm đó, vợ chồng tôi mới thực là đoàn

kết chặt chẽ với nhau; đứa cháu tội nghiệp đã thành trung tâm của cuộc đời chúng tôi, bảo vật của chúng tôi, hạnh phúc của chúng tôi. Chính vợ chồng tôi cũng khó mà hiểu nổi rằng cái họa đó đồng thời là cái phước cho chúng tôi... chúng tôi nói vậy không phải là để an ủi hoặc lừa dối người khác về cảnh bi thảm của chúng tôi đâu, không, chúng tôi quả là sung sướng".

Hạnh phúc của cặp vợ chồng đó ở đâu vậy? Chính ở chỗ họ

đã có thể chấp nhận chiếc thập tự giá nặng nề của họ.

Tôi có thể kể cho bạn nghe một bi kịch nữa mà chính tôi đã chứng kiến trong hai năm nay. Kép hát nổi danh Ernst Gingberg hồi sáu chục tuổi bị một chứng tê liệt kì dị, mới đầu bệnh tăng lên chầm chậm mỗi ngày mỗi mau. Lần đầu tiên ông kể bệnh cho tôi nghe (lúc đó bệnh mới hơi hiện ra, ông còn hi vọng trị hết được), ông có vẻ đau khổ lắm. Vài tháng

sau, khi ông biết rằng tuyệt vọng rồi, và từ nay bắt đầu những nỗi đau khổ về thể chất, thì lần lần niềm vui của ông tăng lên. Và sau cùng khi ông đau đớn ghê gớm, không nói chuyện được nữa, thì ông cảm được một niềm hân hoan bí mật. Tất cả những người lại gần ông hồi đó đều nhận thấy vậy. Người nào từ biệt ông ra về, lòng cũng hoang mang nhưng phấn khởi lạ lùng. Bí quyết hân hoan của ông ở đâu? Ở chỗ

hoàn toàn chấp nhận số phận vốn ghê gớm đó. Bây giờ ông đã từ trần, nhưng đã để lại cho chúng ta bài học rằng không có chiếc thập tự giá nào mà ta không vác nổi với điều kiện (mà điều kiện này tất yếu) là phải nhận nó như một vật sở hữu của ta, tới nỗi nó với ta chỉ là một.

Vậy không phải chỉ là một thái độ lợi dụng nó triệt để, hoặc thái độ "mỉm cười nhận nó", hoặc chán nản an phận.

Cũng hơn cả thái độ hùng tâm nhận cái gì không tránh được. Vì mấy thái độ mới kể chỉ là tự nhận mình phải thua số phận. Mà nhà hiền triết Ấn Độ trong truyện con rắn đâu có ý khuyên ta như vậy, ông muốn dạy ta rằng: phải hiểu ý nghĩa của

số phận của mình, mà muốn hiểu nó thì phải chấp nhận nó. Khi chấp nhận nó rồi, thì nó với mình là một, mà mình đã đồng hóa nó như vậy thì mình sẽ làm chủ nó chứ không bị nó chi

phối nữa.

---HẾT---